

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Bão rớt



trí dăng

Thông tin ebook

Tên sách: [Bão Rút](#)

Tác giả: [Nguyễn Mộng Giác](#)

In tại [Trí Đăng, 21/1/1 Nguyễn Thiện Thuật, Sài Gòn 3](#)

Số lượng ấn bản: [1500 cuốn](#)

Ngày phát hành: [15-9-1973](#)

Tạo ebook: [tamchec](#)

Ngày hoàn thành: [07/12/2014](#)

Nguồn: [talawas](#)

Nguyễn Mộng Giác



Ông sinh ngày 4 tháng 1 năm 1940 tại thôn Xuân Hòa, xã Bình Phú, quận Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn), tỉnh Bình Định, miền Trung Việt Nam.

Thời kháng chiến chống Pháp 1946 đến 1954, ông học tiểu học và trung học tại vùng kháng chiến. Sau Hiệp định Genève 1954, ông tiếp tục học tại trường Cường Để (Quy Nhơn), trường Võ Tánh (Nha Trang), rồi học năm chót của bậc trung học tại trường Chu Văn An (Sài Gòn).

Sau khi học một năm ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, ông ra Huế học Đại học Sư phạm ban Việt-Hán. Năm 1963, ông tốt nghiệp thủ khoa, khóa Nguyễn Du. Ngay năm ấy, ông được điều đến giảng dạy tại trường Đồng Khánh ở Huế. Năm 1965, đổi ông vào Quy Nhơn làm Hiệu trưởng trường Cường Để.

Năm 1973, thăng ông làm Chánh sở Học chánh tỉnh Bình Định. Năm 1974, chuyển ông vào Sài Gòn làm chuyên viên nghiên cứu giáo dục Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng hòa cho đến 1975.

Về sự nghiệp văn chương, ông bắt đầu viết văn từ năm 1971, đã cộng tác với các tạp chí: Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Ý Thức. Năm 1974, truyện dài Đường một chiều của ông được giải thưởng Văn Bút Việt Nam dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Sau sự kiện 30 tháng 4 năm 1975, việc sáng tác của ông tạm gián đoạn. Đến năm 1977, ông cầm bút trở lại, và bắt đầu viết bộ trường thiên tiểu thuyết Sông Côn mùa lũ, và hoàn thành vào năm 1981.

Tháng 11 năm đó (tức sau khi vừa viết xong bộ truyện trên), ông cùng con trai vượt biển. Chuyển vượt biển thành công, ông đã đến được đảo Kuku của Indonesia. Trong mấy tháng ở đây, ông đã viết được một số truyện ngắn mà sau này xuất bản thành cuốn Ngựa nắn chân bon, và tập I của bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa biển động.

Tháng 11 năm 1982, ông đến Hoa Kỳ, định cư tại Nam California, rồi cộng tác với các báo: Đồng Nai, Việt Nam Tự Do, Người Việt, Văn, Văn Học Nghệ Thuật ở nước ngoài.

Từ năm 1986, ông làm Chủ bút tạp chí Văn Học ở California, Hoa Kỳ. Đến tháng 8 năm 2004, ông phải ngưng công việc làm báo vì phát giác mình bị ung thư gan.

Sau nhiều năm dài chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo, ông đã qua đời lúc 22 giờ 15 phút ngày 2

tháng 7 năm 2012 (ngày giờ địa phương ở California, tức sáng ngày 3 tháng 7 năm 2012 giờ Việt Nam) tại tư gia ở thành phố Westminster (Orange County, California, Hoa Kỳ), thọ 72 tuổi.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

[Bóng tối buổi trưa](#)

[Tên đào ngũ](#)

[Ngựa đá sang sông](#)

[Gió hú](#)

[Me và con](#)

[Nước cạn, hoa lau](#)

[Tiếng đàn trầm](#)

[Vách đá cheo leo](#)

Bóng tối buổi trưa

Từ phòng hồi sức, tôi được đưa qua trại 10. Giường của tôi nằm ngay trong góc phía trái, nơi trú ẩn của bóng tối, của ẩm mốc và của đàn muỗi đói khát. Cho nên mỗi lần thấy có người lạ mặt bước vào phòng dón dác nhìn quanh, chính tôi phải lên tiếng trước họ mới tìm ra. Và lại, cả hai chân tôi băng bột, cánh tay trái treo trên đỉnh mùng, mặt mũi băng bông trùm kín, thì có thánh mới nhận ra thằng Liêu ba hôm về trước.

Sáng nay, anh y tá vừa đến lấy nước tiểu đem lên phòng thí nghiệm, thì một người đàn ông lạ mặt, đeo kính lão tóc hớt ngắn có cái mũi đỏ sần sùi đến tìm tôi. Chắc có người chỉ dẫn trước nên ông ta xăm xăm tiến tới chỗ tôi nằm, cúi chào rồi tự giới thiệu:

“Tôi là phó chủ tịch nghiệp đoàn công nhân xây cất”.

Tôi bỡ ngỡ không biết phải trả lời thế nào, thì ông ta đã tự kéo cái ghế sắt gần đây ngồi xuống cạnh giường. Ông ta nói:

“Cụ chủ tịch cử tôi lo vụ này. Sáng nay tôi có ra đảo. Tôi có bắc thang leo lên xem xét cánh tay của pho tượng. Thật không ngờ...” Ông phó chủ tịch dừng lại, ý chừng để chờ tôi lên tiếng hỏi, hoặc biểu lộ sự tò mò hiếu kỳ lên nét mặt. Nhưng ông ta quên rằng cái mặt tôi đã bị băng kính và loang lổ thuốc đỏ, còn cách nào đâu mà biểu lộ. Chờ một lúc, ông ta đành nói:

“Anh biết không, cánh tay cầm gươm của pho tượng gãy ngay chỗ cùi chỏ. Cốt sắt bên trong nhỏ tí teo, gãy là phải. May nhờ có mấy vòng dây thép gai lão thầy quán quanh thanh sắt cho ăn vữa, nên cả cánh tay lớn không rơi xuống. Nếu không, anh đã tan xương ngay tại đảo rồi. Lão thầy tham lam muốn lời cho nhiều, mới xảy ra cố sự. Tuy cánh tay tượng chưa rơi trúng anh, nhưng vì phải tránh né mà anh lăn xuống sườn đồi. Đây là một tai nạn lao động. Nghiệp đoàn sẽ kiện lão thầy ra toà, đòi bồi thường xứng đáng cho anh...”

Tôi chán nản không trả lời. Ông phó chủ tịch cầu chúc qua quýt một vài câu nhạt nhẽo rồi ra về.

Ông ta vừa đi được mười phút, thì Thương đến. Không ai chỉ dẫn cho nàng cả nên tôi vừa hỏi hộp vừa lo âu nhìn nàng lảng vảng hỏi hết người này sang người nọ trong trại 10. Tôi không muốn gặp nàng lúc này, khi thân tàn ma dại đến độ chỉ còn là cái xác ướp kỳ dị trong các ngôi mộ cổ Ai Cập. Tuy thế, Thương vẫn tìm đến chỗ tôi nằm. Nàng để rơi thân hình nhỏ nhắn lên chiếc ghế sắt, hai bàn tay mềm ẩm nắm lấy cánh tay phải của tôi. Nàng nói, giọng lạc đi, run run vì xúc động:

“Anh, anh tha tội cho Thương. Đã nhiều lần em nói với anh là xin anh hiểu giùm hoàn cảnh của Thương. Em không thương anh, thì còn thương ai nữa. Anh là đời sống của em, là hơi thở, là thịt xương, là... là tất cả đời em. Có anh thì em vui, không có anh, đời em còn gì nữa đâu. Tối hôm đó em không ra biển được, vì nhà có kỵ. Em quên, không cho anh biết”.

Tôi gắng xoay người lại nhìn Thương. Tội nghiệp cô bé. Đôi mắt cô bé, nhờ ánh sáng yếu ớt chiếu từ cửa sổ bên kia, đầy ắp sự hối hận, thương xót, đau đớn, lo sợ. Nàng tưởng chính nàng là người chịu hoàn toàn trách nhiệm của tai nạn. Tôi muốn cãi chính. Nhưng vết thương bên má làm cho tôi đau đớn. Có lẽ miệng tôi hơi méo lại khi muốn nói, trông như tôi đang mếu. Thương khóc oà lên:

“Thà như vậy. Em chỉ sợ anh lạnh nhạt với em, nằm im không nói năng. Anh hiểu cho em không anh Liêu. Hiểu giùm cho em đi. Thú thực nhiều lúc thấy anh thương em quá, em phát sợ. Mắt anh chỉ toàn lửa và lửa. E mình có đáng gì đâu. Em đã nhắc lại câu ấy nhiều lần mà anh không chịu nhớ. Bây giờ em nhắc lại lần nữa: Em xấu xí, nghèo nàn, còn nhiều cái tầm thường nữa. Em có đáng gì đâu mà vừa

sai hẹn tôi hôm trước, sáng hôm sau anh đã liều thân thế này”.

Tôi không biết nói gì, sợ xua mất chút nắng đẹp trong tâm hồn cô bé. Tôi bóp nhẹ lên bàn tay mềm của Thương, ra dấu hiệu nàng và cảm ơn. Thương xúc động lắm, đưa khăn tay lên lau nước mắt. Rồi nàng lột cam cho tôi ăn. Tuy nước chua làm rát vết thương trong lưỡi, tôi vẫn cảm thấy tất cả sự khoái lạc bệnh hoạn. Lúc ăn đến múi cam chót, tôi cố rướn người lên hôn nhẹ lên hai ngón tay Thương.

Nàng vui sướng, ngồi kể chuyện huyền thiên, hết chuyện nhà cửa đến chuyện mấy đứa em trai tình nghịch. Nếu anh y tá không trở lại, chắc nàng còn sa đà nói mãi nói mãi. Chờ Thương ra khỏi phòng, anh y tá mới bảo:

“Anh đưa tay phải tôi lấy thêm vài xê xê máu. Thật phiền. Họ bắt chúng tôi thử đủ thứ: nào nước tiểu, nào máu, nào phân, nào nước miếng... Anh chỉ bị gãy xương và xây xát khắp mình mẩy, bệnh đã rõ, việc gì phải lồi thối”.

Tôi cố dẫn đầu đón, phều phào hỏi:

“Thử làm gì mà thử hoài vậy?”

Y tá thấy tôi nói được, có lẽ vui mừng vì tìm ra người tri âm, liếng thoắng giải thích:

“Anh biết làm sao không? Đây là tôi nghe lỏm được trên phòng quản đốc. Anh đừng kể lại cho ai nghe nhé. Hằng bảo hiểm của nhà thầu muốn khỏi mất tiền, đến năm ni xin bác sĩ xác nhận xem có phải anh mắc một chứng nan y nào đó, hoặc anh có máu điên trong người hay không. Ông ta bảo: từ chỗ pho tượng đến mé vực khá xa, không thể bảo như bên nghiệp đoàn là vì né tránh mà anh rơi xuống sườn đá dốc. Chỉ còn có một cách giải thích: anh mắc chứng nan y mà tự vận, hay có máu điên trong người, chúng tôi phải thử đi thử lại hoài, chỉ vì vậy”.

Anh y tá đã lấy máu xong, cầm ống nghiệm và xê ranh đứng dậy. Thấy tôi nhìn theo, anh bông đùa:

“Anh có điên không, nói quách cho họ biết, để họ khỏi hành hạ tội tôi”. Người y tá đi rồi, tôi nằm hoang mang cả buổi sáng. Ủ, vì sao mình làm thế? Mình có điên có khùng đây? Khi nào bình phục và lãnh tiền bồi thường xong tôi cũng phải kể lại sự thực, để tự tôi bồi thường cho tôi một chút danh dự. Tôi sẽ kể sự thực. Sự thực đại khái như thế này, vì tôi chưa dám chắc những điều tôi biết, những hình tôi thấy, những tiếng tôi nghe.

Buổi trưa hôm đó, trời nắng gắt lắm. Pho tượng coi như đã hoàn thành, vì toán thợ mười hai người chúng tôi đã gắng quét một lớp xi măng mỏng bên ngoài suốt cả buổi sáng. Ông chủ thầu cười nói hi hỏ, hẹn đem xôi và thịt quay ra cúng mừng rồi đãi chúng tôi một bữa nhậu no nê vào bốn giờ chiều. Ăn xong, dọn dụng cụ đồ đạc về phố luôn thể. Ông chủ vào đất liền rồi, các bạn tôi không biết làm gì, gọi một chiếc thuyền đánh cá đến xin quá giang vào bến. Tôi cảm thấy bức bối điều gì không rõ. Có thể vì Thương không đến chỗ chiếc ghế đá dưới bãi cát tối hôm trước, bắt tôi phải bồn chồn đợi nàng suốt ba giờ liền. Cũng có thể vì tôi nhức đầu vì hơi bị cúm, không được khỏe lắm. Anh em mừng rỡ khi nghe tôi nhận lời chịu ở lại đảo giữ đồ đạc.

Cả bọn đi rồi, tôi ngồi bó gối dưới chân tượng. Từ mỏm núi nhìn ra, biển xanh tiếp nối đến tận chân trời. Trên cao mây đã bay đi, còn lại bầu trời trong xanh và một mặt trời hực lửa. Chung quanh tôi, những tảng đá nhọn loang lổ rêu xám, những bụi ốc mèo cần cỗi gai đâm tua tủa, những viên sỏi tròn nhẵn vì lăn lóc biết bao lần trong khoảng thời gian vô tận. Tôi chói mắt vì mặt trời. Tôi ngộp trong bao la. Cảm thấy nghẹn thở vì sự điều hiu cũng mệnh mông chẳng kém gì trời và nước. Tôi núp mát dưới bóng pho tượng, nhìn băng quơ ra phía trước mặt nhưng chỉ thấy những hình ảnh mờ nhạt, hỗn độn sắc vàng chói và màu xanh dương. Chán nản. Tôi hối hận đã tình nguyện ở lại đảo. Ray rút,

tôi muốn làm một cái gì cho qua thì giờ. Không có lấy một tờ báo, một quyển sách. Tôi đến gần chỗ bờ vực, kê sát bên một vách đá dựng đứng xuôi tuột xuống bề sâu. Tưởng tượng mình rơi tòm xuống đây, chìm vào hư vô, tôi cảm thấy sợ hãi vội lùi lại. Phía tay phải sườn núi khá dốc. Tôi đá hất một viên sỏi dưới chân. Viên sỏi rơi vào thung lũng dưới kia, lẳng lẽ vô nghĩa như một làn gió thổi qua đỉnh núi trọc, không tạo nổi một tiếng vi vu hay một tiếng lá xì xào.

Trời trở về chỗ pho tượng, vô tình nhìn xuống bóng mình di động trên mặt đất phẳng. Tôi tìm ra được một thú tiêu khiển.

Tôi đứng thu mình lại cho bóng tôi chập vào chân phải của pho tượng. Rồi tôi lại sang đứng bên phía chân kia. Tay trái pho tượng thả xuôi bên hông. Tôi ngồi xuống, cho bóng tôi giống như một món đồ Đức Trần Hưng Đạo mang theo khi ra trận. Bóng của tôi tròn vo, giống y một cái đầu lâu. Một cái đầu của giặc Nguyên mà vị anh hùng dân tộc vừa dùng gươm chém lìa khỏi cổ. Ý tưởng đó khiến tôi lạnh xương sống, vội choàng đứng dậy. Tôi đi dần ra mé núi, đứng ngay nơi bóng mũi gươm. Tôi trở thành một tên phù thủy, có phép khinh công lão luyện nên đứng được chênh vênh trên mũi gươm một vị anh hùng. Bóng tôi vươn cao hơn cả bóng tượng.

Tôi cười lên thích thú. Tiếng cười vang ra, vọng lại từ vách núi đá, nghe lạ hoắc. Tôi thử cười a ha lần nữa, lần này to hơn lần trước. Tiếng vọng đồng dạng. Vách núi dựng phía sau lưng, thung lũng màu xanh pha nâu phía tay phải, bờ đá cheo leo sụp đột ngột xuống mặt biển xanh trước mặt và phía trái. Chung quanh đây chỉ có cao, sâu, rộng, lớn. Chỉ có vĩnh cửu, bao la mênh mông, thăm thẳm. Tôi đứng ở giữa. Bóng tượng đồ thấp bên dưới. Chợt nhớ đến phim Tarzan coi thời thơ ấu, tôi bắt hai bàn tay làm loa, ráng hú thật lớn thật dài như vị chúa tể rừng xanh Phi châu. Tiếng hú vang vọng qua bao nhiêu vách đá, làm lung lay mấy bụi ốc mèo cằn cỗi trên đồi, và xao động cả mặt sóng xanh. Quá thích thú, tôi hú tiếng thứ hai, rồi tiếng thứ ba. Cổ tôi bắt đầu rắt. Đến khi hú xong tiếng thứ năm, nhìn xuống mặt đất trước mặt, tôi giật mình sững sờ. Hình như bóng pho tượng đang cử động, Không tin ở mắt mình, tôi cố lấy hết sức bình tĩnh nhìn kỹ một lần nữa. Phải rồi, hình như cánh tay cầm gươm của Ngài cử động, bóng lưỡi gươm càng ngày đưa sát vào cái bóng bé nhỏ của tôi. Kinh hãi đến cùng cực tôi ngược lên nhìn pho tượng. Quả nhiên, tôi đã không lầm. Ngài đang từ từ hạ gươm xuống, gân cốt Ngài kêu răng rắc và từng mảng xi măng trên áo giáp của Ngài rơi tơi tả trên mặt đất. Mắt tôi nhìn chăm chăm vào lưỡi gươm. Hai tay tôi đưa lên cao che lấy đầu, trong khi chân tôi tự động lùi lại, lùi lại dần, cho xa cho thoát khỏi lưỡi gươm thiêng của Ngài. Đến lúc chân bước hụt vào khoảng không, và bị lăn xuống thung lũng, tôi không còn biết rõ điều gì nữa.

Có lẽ giờ đây chỉ còn lại một điều, một điều hồ nghi: Phải chăng tiếng hú chát chứa bao nhiêu phần uất dồn nén trong cuộc sống đìu hiu của tôi, tiếng hú giữa nơi chỉ có mây và đất đá cỏ cây vô tri, đã vô tình phạm đến danh dự Ngài. Và Ngài đã giận dữ hạ dần lưỡi gươm bén.

Tên đào ngũ

Chiếc GMC chở quan tài đậu sát vào mái tôn, quay đít vào gần cửa ra vào. Lá quốc kỳ bị gió bay, nên lệch sang một phía, để lộ hông quan tài gỗ tạc sơn một lớp dầu bóng đỏ ối. Người tài xế mở xe nhảy xuống, nói trống vào phía buồng lái:

“Xuống đi! Phải ở lại đây tới nay rồi. Trời tối, ai dám qua truông”.

Bốn người lính ở phía sau nhanh nhẹn leo qua hông, đạp một chân lên bánh xe cao su, nhảy mạnh xuống nền xi măng. Bụi đỏ bay mù từ mấy bộ quần áo xốc xếch lem luốc. Có tiếng trẻ con khóc phía đầu xe. Người đàn bà mặt mày ồm gầy và lạc thần, đầu quấn khăn tang, thò đầu hướng về phía nhà tiền chế nói lớn:

“Mấy chú làm ơn mở cho cánh cửa. Nặng quá”.

Một người lính đi lại phía bên phải xe, gắng hết sức mới mở bật được cánh cửa, rồi đưa tay dịu hai mẹ con xuống. Một tay ẵm đứa nhỏ độ một tuổi, một tay xách cái giỏ ni lông, người đàn bà phải để mặc cho anh lính đỡ hai nách, cẩn thận bước xuống bậc thang, rồi chậm rãi vào trú dưới mái hiên. Đứa nhỏ ngơ ngác nhìn chung quanh, nhận diện từng người, rồi lại khóc lên từng hồi. Người đàn bà ngồi bệt trên nền trại, lấy bình sữa bằng nhựa núng vú vàng xỉn nhét vào miệng đứa bé. Nó nức vài ngụm, ậm ừ như muốn nghẹn nước, rồi quay đầu nhả vú ra khóc tiếp. Người đàn bà sợ làm phiền ông Chỉ huy trưởng, vội vã bồng con ra đứng dưới mấy gốc dương liễu lá rũ. Tân hỏi mấy người lính đang tiếp tục giữ bụi:

“Bị ở đâu đó?”

“Trên Phú Nhơn”.

“Chở về đâu?”

“Miệt ngoài Bồng Sơn. Bây giờ đã sáu giờ chiều, qua truông sao nổi”.

Toán lính trực thoả mãn tò mò, lảng đi xa. Bốn người lính lạ hỏi Tân chỗ câu lạc bộ, rồi đi theo hướng Tân chỉ. Người tài xế mở nắp đầu máy kiểm soát dầu nhớt và bu-gi, rồi cũng đi theo bốn người lính hộ tống. Một lúc sau, một người bung ra cho người đàn bà đĩa cơm và chai xá xị, xong vội vã quay trở lại câu lạc bộ. Đứa bé bây giờ đã hết khóc, nằm ngủ lả trên vai mẹ. Người đàn bà bồng con vào trong mái hiên, liếc nhìn lên quan tài thút thít khóc, rồi ngồi trên nền trại lơ đãng xúc cơm ăn. Gió bên ngoài bỗng thổi mạnh bốc bụi mù mịt, trong khi đêm chậm chậm trở về. Lúc ông Thượng sĩ nhẹ nhàng bước chậm cho ngọn nến khỏi tắt, leo lên xe gắn lên nắp quan tài, Tân hỏi:

“Tôi nay toán nào gác cầu, Thượng sĩ?”

“Toán hai”.

“Ừa, sao tụi nó không cho tui hay”.

Ông Thượng sĩ đứng trên xe, không thèm quay mặt lại, gất gồng:

“Mày đi ghẹo gái cho đã rồi về hỏi lời thôi. Có lấy đồ đạc ra lô cốt mau lên không? Cho mấy củ bây giờ”.

Tân chạy vội về phòng trực. Người đàn bà vẫn ngồi chỗ cũ, biếng nhác nhai cơm, hờ hững nhìn mông lung về phía bóng tối trước mặt. Phòng trực không còn ai. Bóng đèn điện góc phòng lung lay theo gió. Khẩu M.16, cái mũ sắt, và tấm pon-cho của Tân còn bỏ lại trong góc tối.

Tân đội mũ sắt lên, trí óc ràng buộc vào cái rọ trách nhiệm. Sợi dây nịt đạn quần quanh bụng chặt chẽ như quân kỷ. Đôi giày nặng bó cổ chân, níu trĩ gân cốt như muốn chôn sâu người lính đời đời kiếp kiếp xuống giao thông hào, sau lỗ châu mai, trong hầm lô cốt. Chỉ có khẩu súng là nhẹ nhàng, đóng đưa trong vòng ngón trỏ, tự do như chiều đạn đạo.

Một mùi hôi gay gắt trộn lẫn hương nhang thổi vào chỗ Tân ngồi. Bóng người đàn bà ôm con nổi hằn trên nền sáng do ngọn đèn pha phía bên kia trại. Tân lẩm bẩm:

“May tối nay mình ra cầu. Không thì nằm đây lãnh đủ”.

Lúc ra đến cổng trại, một trận gió mạnh thổi ào ngăn cả bước Tân đi. Tân đưa tay dụi mắt. Bên trong hàng rào, có tiếng trẻ khóc. Khi nước chảy ra trôi hết bụi và mi mắt hết cộm cộm xốn xang, nhìn trở vào trong, Tân thấy ngọn nến trên nắp quan tài đã tắt.

Tín chửi thề:

“Đ.M. bây giờ mới ra. Lính cậu hả?”

“Thôi mà người anh em. Lão thượng sĩ đã cho anh lãnh đủ rồi. Nỡ nào người anh em còn nặng tay”.

Rồi chuyển sang giọng bình thường, Tân bảo:

“Đã phân công chưa?”

“Rồi, mầy gác ca bốn”.

“Với ai?”

“Tao không nhớ. À, hình như với thằng Liễn”.

“Tụi nó đâu rồi?”

“Giặt quần áo phía bên đò. Mầy làm gì cả buổi chiều nay không thấy mặt”.

“La cà lai rai vậy mà. Đầu tháng dư tiền, không có sao”.

“Nói giọng cha không. Sao không nằm luôn trong trại cho bảnh?”

“Hồi không chịu nổi”.

“Cái gì?”

“Cái xác. Có một con bị trận Phú Nhơn, vợ lên lãnh về. Trời tối không dám qua truông, nên GMC chở vào gởi tạm đằng trại”.

Tín nói sang chuyện khác:

“Tao mới mua được cái cát-xét Hitachi”.

“Bao nhiêu?”

“Chín ngàn. Nghe thử không?”

Tín mở máy. Giọng một nữ ca sĩ danh tiếng nỉ non, tha thiết:

“Các anh đi, ngày ấy đã lâu rồi. Các anh đi biết bao giờ trở lại. Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong. Làng tôi nghèo nho nhỏ trên sông. Gió bắc lạnh lùng thổi vào mái rạ. Làng tôi nghèo, nắng mưa phơi tả, trai gái trong làng vất vả ngược xuôi...”

Tân đưa tay tắt máy:

“Nghe mùi quá. Nhưng đâu phải tội mình. Nói chuyện tội nó ngày trước mà”.

Tín cãi:

“Thì áp dụng cho tội mình cũng được, có sao đâu. Này này: Các anh về mái ầm nhà êm, câu nói tiếng cười rộn ràng trước ngõ. Mình đi hành quân tảo thanh đem lại an ninh cho đồng bào. Mặt bên kia còn một bài mới. Chờ một chút tao cuộn băng trở lại đã”.

Tân lấy thuốc hút, nhìn xuống bãi cát chân cầu. Anh hỏi:

“Đêm nay có trăng không?”

“Có, mười bảy ta mà”.

“Vậy là đỡ khổ rồi. Tao gác ca tư, trăng sách quắc, đồ đũa nào dám bén mảng tới chân cầu”.

Tín đã sang băng xong, mở máy trở lại:

“Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại. Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về... Anh trở về hàng cây nghiêng ngả, anh trở về có thể bằng hòm gỗ cài hoa. Anh trở về, trên chiếc băng ca, trên trục thẳng sơn màu tang trắng...”

Tân lại đưa tay tắt máy, lăm bằm:

“Thôi. Để yên nghe nước chảy còn hơn”.

Anh ra phía cầu, đá xuống dòng sông đen. Tín nói lớn:

“Mầy tục tĩu quá, không hiểu sao tội con gái mê mầy”.

Tân gài nút quần, trả lời:

“Tao khời đúng chỗ ngựa giầu kín sau cái mặt nạ ngoan ngoãn con nhà, sau cái vỏ mỏng ngây thơ. Còn tội bay thì cả tin, nên hồng hết”.

Rồi không muốn dây dưa tranh luận, Tân bảo:

“Tao đi tắm một chút. Tội nó trở lại, mầy nói giùm là tao đã ra rồi”.

Tân trở lại đầu cầu, gỡ vòng dây thép gai chui qua bên kia. Con đường mòn dốc xuôi xuống bãi cát phía dưới. Lá dừa gai cứa vào ống quần vải dày, chỉ nghe rào rào. Thích thú, thách đố, an tâm, Tân dẫm bừa lên gai góc, bước nhàu lên mấy bụi óc mèo, không thèm theo lối mòn quanh co mình rấn. Mấy khóm dừa đen quì mọp dưới gót, sau lưng. Một cây gai ngang ngạnh đâm thủng lần vải, Tân thót người đau đốn, tức giận quật mạnh báng súng lên bụi đen, rồi dẫm mạnh gót giày trên đó mà đi. Vài nhánh khô gãy rùm, dòn tan.

Qua hết khóm gai thì đến bờ cát. Đã quen lối đi, Tân dừng lại bên một khóm cây rậm. Anh lấy nắp nhựa đậy hộp súng M.16 lại, rồi cắm súng giấu sâu vào bóng tối. Đôi bàn tay bắt chọt rảnh rang, trở thành ngưng nghịu. Theo thói quen, Tân đưa tay lên vai định gỡ dây súng trước khi ngồi lên mô đất. Anh lăm bằm chửi thề, thấy mình lú lẫn quên trước quên sau. Đôi bàn tay vẫn còn vụng về, mấy ngón cử động láu táu không biết phải làm cái gì. Tội nghiệp! Chúng nó không quen ở không. Cho nên bàn tay này nắm ngón tay bàn tay kia bẻ lổp rổp, rồi bàn tay kia bẻ trả.

Trước mặt, bãi cát vàng nhờ nhờ chạy dài ra đến tận bờ nước đen, và Tân nhớ rõ mặt cát mịn đến nỗi bước chân lên trên, làm da chân mỏng vẫn có cảm giác êm ái bình thường như được áp ủ triu mến bằng lớp vải lên dày. Tân ngồi xướng mô đất, dây nịt đạn chằng ngang bụng, cọ mạnh vào xương sườn.

Bỏ mặc quân trang và vũ khí gần khóm cây. Tân định đi xuống bờ cát, nhưng nghĩ sao, bèn quay trở

lại. Trăng đã lên từ lúc nào, chiếu rõ cái mũ sắt, dây nịt đạn, đôi giày thô, và cả báng súng nhựa. Anh giấu đồ đạc cẩn thận hơn, cho bóng tối che khuất rồi tiện tay cởi luôn bộ quần áo treillis nặng nề hơi hám. Tân chỉ còn mặc một cái quần đùi và cái áo lót. Gió lùa vào khe nách, ống quần, thổi dậy niềm khoan khoái, bùng lên khát vọng tự do.

Tân nhảy xuống lòng cát, tung tăng chạy khắp mọi hướng. Trăng mỉm cười. Gió mơn man. Cát hôn ấm lòng chân. Trời cao và đất rộng mời gọi. Sự sống man rợ, điên cuồng ngây ngất đưa bước chân thoăn thoắt, đưa đôi tay vung mạnh lướt tới, nghiêng nghiêng mặt người để hứng thuận chiều gió. Bàn tay đưa ra trước mặt chờ đón mà không nắm bắt, hy vọng mà không tham lam, để gió mát và ánh vàng lọt qua mấy ngón. Tân chạy nhảy, không cảm thấy mệt nhọc thỏa thuê, và lúc đứng dừng lại, vẫn còn thấy lòng mình trống không để tiếp tục góp thu cái diệu vợi vô cùng của đất trời vào lòng.

Anh chạy theo bờ nước trong. Chân đạp rào rào trên sỏi nhỏ ven sông, nước bắn tung lên mát dịu ống chân và bắp vế. Lúc chạy về phía trăng lên, bọt nước toả sáng quanh mình, rơi vang trên bãi, như các tia nước phun trong công viên thành phố.

Tân chạy thẳng theo đường nước cạn, rồi lại uốn mình ngoằn ngoèo như hình rắn, hết dặm chân trên cát ẩm lại dặm chân xuống nước róc rách mát rượi. Trong một bước lơ đãng, anh bước vào một hố sâu. Tân ngã xuống, nước ngập nửa người. Trăng mờ đi vì một đám mây vô tình. Anh hốt hoảng nghĩ:

“Không biết có đũa nào thấy chỗ mình giấu súng không? Đã tới ca gác của mình chưa?”

Anh ngồi xuống cát, và bây giờ mới cảm thấy mỏi rần khắp người. Gót chân rát vì bị chà sát quá nhiều. Gió tăng thêm lạnh trên bộ quần áo ướt. Bóng cầu đèn đuôi choàng tay qua hai bờ xa tít, tham lam trơ trẽn.

Một trái hoả châu từ quận lỵ bắn lên, chiếu màu đỏ kè bệnh hoạn mặt sông, rồi tắt lịm để lại một vệt khói lững lờ dưới trăng.

Có tiếng keng đôi ca từ trên cầu vọng xuống. Tân cố nhú mày đọc mấy chữ số trên đồng hồ. Chưa tới phiên mình! Gió lạnh lẽo, Trăng nhợt nhạt. Nước rên rỉ. Bóng tối ma quái. Trong một cử động đột ngột cương quyết, Tân quăng cái đồng hồ rơi tõm xuống dòng sông đen. Tiếng vọng kích động cảm giác, và anh bắt đầu chạy như điên trên bãi, lội mạnh xuống dòng sông cho đến lúc nước ngập quá gối và chạy trở lên tận bờ cỏ ướt dọc theo doi cát.

Khi chạy như thế đến vòng thứ ba, vừa từ bờ cát trở về con nước, Tân đã thấy có bóng người ngồi lặng ở đấy rồi.

Bóng một người con gái.

*

Trăng đã lên quá ngọn tre xóm Đông hơn một con sáo. Ánh trăng viền khuôn mặt người con gái, cho Tân thấy đôi mắt mở lớn hướng về phía ánh sáng và đôi môi cười. Mái tóc dài chìm trong nền tối, nhưng dáng người in rõ trên mặt cát ướt. Hai bàn chân cô gái ngâm dưới nước sông, khuấy động róc rách. Gió vẫn dịu dàng. Cát vẫn câm nín. Trăng cười lặng. Chỉ có nước nhợt nhạt vì bàn chân khuấy động, không thôi rúc rích thích thú. Nửa như chế giễu nửa như thúc giục. Mồ hôi loãng theo gió thổi, làm Tân lạnh lạnh da cổ và xương sống. Tân hỏi:

“Làm gì ngồi đây?”

Cô gái không trả lời, không quay lại. Một lúc sau, cô mới hỏi lại:

“Làm gì mà chạy như ngựa chứng? Có say không?”

“Ra ngồi đây lâu rồi à? Sao tôi không thấy?”

“Say rồi thấy sao được?”

“Chiều nay tới phiên gác cầu, không dám nhậu”.

“Thiếu gì thứ say. Đâu phải chỉ có rượu. Say hơi đất. Say hơi lá. Say trắng, say mây. Say sưa hơi ẩm của cát, say cái rúc đầu nhột nhột của nước trên mặt da...”

Tân ngần lại:

“Nói thật hay nói giỡn đó?”

“Thật chứ. Tân không thấy tôi ngâm chân xuống nước à?”

Tân lạnh mình, há hốc mồm không nói được gì. Một lúc sau mới hỏi lắp lửng, e dè:

“Sao biết tên tôi?”

“Dễ ợt. Chú ý tìm hơi thì phải ra. Chỉ cần hỏi mấy cô thợ may ngoài chợ”.

Tân sợ thực sự. Xương sống ớn lạnh. Tân hỏi, giọng ấp úng:

“Cô ngồi chỗ nào? Bàn máy góc bắc hay gần bên nhà hát bộ?”

“Ồ hơ. Em có làm thợ may đâu. Nhưng em có một con bạn làm thợ may biết anh nhiều...”

Tân vội vàng hỏi:

“Tên gì?”

“Thôi, nói chi thêm rắc rối. Gia đình em làm nghề câu gỗ. Sống cột dưới gốc cây lớn kia kia”.

“Vậy cô lên đây ngồi làm gì?”

“Bắt người ta bơi dưới nước hoài sao? Cho lên bờ một chút không được à?”

“Sao không được. Ai dám cấm. Nhưng tôi muốn hỏi sao dám lên ngồi đây một mình”.

“Cha đi lên bờ mua đá đèn. Với lại, đâu phải chỉ có một mình...”

Tân dón dác nhìn quanh, hối hận đã không mang súng đến tận bờ nước. Phải gắng bạo dạn lắm, Tân mới hỏi được:

“Sao các bạn cô không ra mặt? Sao không ra ngồi nói chuyện cho vui?”

“Chuyện gì? Có nói anh cũng không hiểu”.

“Sao vậy?”

“Anh nghĩ bạn em là ai?”

“Làm sao biết được. Mấy cô thợ may ngoài chợ này. Mấy cô bán cá này. Mấy cô hái rau muống trên cầu này”.

“Không phải. Lâu lâu em mới lên bờ mua cước với nước mắm. Mỗi lần cha đi chợ, em phải ở lại giữ sông”.

“Sao khi nãy bảo quen với mấy cô thợ may ngoài chợ?”

Cô gái không trả lời, lấy chân quấy động mặt nước. Tân đánh bạo hỏi:

“Bạn em đang ở trên sông dưới kia phải không? Mời họ ra nói chuyện đi”.

“Bạn em à? Chúng nó đâu biết nói”.

“Cái gì lạ vậy?”

“Cha làm lì cả ngày. Trừ những lúc nói giống một sai em gỡ lưới, gỡ cây, cha em không nói gì hết. Em buồn tìm bạn nói chuyện cho qua ngày. Em nói với mấy con cá này...”

Tân ngất ngang:

“Nói với cá?”

“Chớ sao. Em an ủi nó. Trông cái bụng trắng phau, cái vây óng ánh bạc, đôi mắt trong, dễ thương lắm, mà cũng tội nghiệp nữa. Nhiều lần em gặp mấy con cá nhỏ lưng xanh, vây pha hồng dấy dựa trong lưới như van xin. Em lén cha thả lại xuống sông. Em không biết nó lội về hướng nào, nhưng chắc chắn nó biết ơn em nhiều. Buổi trưa cha cột sòng dưới gốc cây ven bờ nằm ngủ. Em thả chân xuống nước chơi. Chú cá thoát nạn hôm trước trở lại mơn man gặm chân em. Chắc nó đến cảm ơn”.

Tân tò mò thích thú, quên nỗi sợ hãi ban nãy, hỏi:

“Có bao giờ gặp Long cung thái tử không?”

“Anh nói sao?”

“Có gặp Long cung thái tử không?”

“Thái tử nào đâu?”

“Em không hiểu à? Dưới nước có một cung điện nguy nga, trong điện cũng có một ông vua nước trị vì, gọi là Long vương. Con ông vua gọi là Thái tử. Mỗi lần đi chơi đây đó ở bờ biển bên sông, thái tử mang hình con rùa mai xanh, con cua mu đỏ...”

Cô gái vỗ tay cười, rồi hỏi mau:

“Thái tử có hoá thành cá không?”

“Có”.

“Như vậy là em đã gặp Thái tử rồi. Một hôm em gỡ lưới được con cá mình xanh biếc, vây màu đỏ và trắng. Cả cha cũng không biết tên cá gì. Hai cái râu trước mép dài như sợi tơ. Em thả nó xuống nước trở lại. Mãi đến con trăng sau, em đang ngồi nhúng chân xuống nước thế này thì có con cá nhỏ đến gặm chân nhột nhột. Em mê mải nhìn trăng quá nên lúc nhìn xuống nước, mắt loà đi, không trông thấy gì. Em chỉ thấy một giải vàng trước mặt như con đường đất trải giữa sông. Em đứng dậy, em bước tới, bước tới nữa. Hình như nước rẽ hai bên vì em không cảm thấy ướt át. Mãi đến khi nước ngập tới cổ, em mới tỉnh hẳn và vội vàng bơi lại phía sông. Chắc Thái tử mời em đến Long cung quá”.

Tân vội ngồi xa hơn, nhìn chăm chăm vào mặt cô gái. Đôi mắt cô vẫn sáng long lanh dưới trăng. Cái miệng vẫn cười, và cả khuôn mặt trẻ thơ bộc lộ một trạng thái lơ lửng giữa đất và trời, ánh sáng và bóng tối, cõi thực và cõi tưởng. Cảm thấy khoảng cách giữa hai người đã đủ an toàn Tân mới hỏi tiếp:

“Hèn gì. Bây giờ anh mới hiểu. Em ngâm chân dưới nước đợi bạn về?”

“Đêm nay nó không tới. Nhưng không sao. Em nói chuyện với người khác”.

“Lỡ không có anh thì sao?”

“Thiếu gì bạn. Nước này. Cát này. Trăng này”.

Tân không khỏi tò mò, chồm đến gần hỏi thật rõ:

“Nước biết nói à?”

“Nó chỉ nói nhỏ thôi. Khi buồn thì thì thầm. Khi vui thì rúc rích. Chỉ có dưới chân cầu là ồn ào. Lính họ rào dây thép gai, rác rến bám vào làm thành cái đập. Nước chảy xiết, kêu ồ ồ. Không đời nào em thềm lên đến gần cầu”.

Tân nhớ đến nhiệm vụ:

“May dữ a. Đêm hôm mà em mon men đến đó, lãnh đủ có khi”.

“Lính họ bắn à?”

“Sao không? Họ tưởng em là Việt cộng phá cầu”.

“Em có làm gì đâu? Gặp em, anh có bắn không?”

“Lớ xớ đến gần cầu, bắn liền”.

“Ai thềm tới đó làm gì. Anh cũng ồn ào như nước dưới chân cầu”.

Lúc bảy giờ, một áng mây làm mờ bầu trời. Tân giật mình nhìn về phía Tây. Bóng cầu vẫn đen thui, tham lam ôm hai bờ xa tít. Khi trăng sáng trở lại, ánh loà trên sông che hẳn dấu cầu.

*

Trăng lên đến đỉnh đầu. Bóng hai người vây tròn chỗ ngồi. Trăng bớt lóe sáng trên mặt nước, nhưng bãi cát vàng óng và trở nên mênh mông. Mặt nước sông trong xanh, có thể nhìn thấy tận đáy cát. Cô gái từ lâu cầm lấy tay Tân, và lần đầu anh cảm thấy hơi ấm chuyền sang từ năm đầu ngón tay mềm. Anh nhìn chăm chú hơn: cổ tay tròn, thân người mập lẳn, ống quần đen ướt dán chặt vào hai đùi, đôi bàn chân trắng. Cô gái tự nhiên lo sợ rút bàn tay về. Tân nói:

“Đừng chờ thái tử nữa. Hãy nói chuyện với anh”.

“Nói cái gì?”

“Chuyện làm ăn. Một ngày em lưới được bao nhiêu cá? Bán được bao nhiêu tiền?”

“Không nói. Để anh nói trước”.

“Nói cái gì?”

Cô gái cười thật ranh mãnh:

“Chuyện làm ăn. Anh đi lính thì nói chuyện lính”.

“Đi lính đâu phải nghề làm ăn?”

“Sao không? Như nghề câu gỗ có khác gì đâu? Lưới được bao nhiêu? Bán được bao nhiêu?”

Tân nhìn thẳng vào mặt cô gái xem muốn hỏi thật hay nói đùa. Nét mặt vẫn có cái vẻ trống vắng mà tham dự như trước. Tân chậm rãi trả lời:

“Nghề anh không có thả lưới rồi gõ cây rượt cá”.

“Cha em cũng có làm vậy. Mấy hôm trời tối, ông lấy đèn đá soi xuống sông, dùng độc đâm cá. Em ngồi đầu sau lo chèo. Nhiều khi em vô ý chèo trệch một chút, sông xoay ngang. Cha đâm trật, ông la om sòm”.

Tân trầm ngâm nhưng cô gái lại cười ròn rã. Tân bị lôi cuốn, cười theo.

Cô gái hỏi:

“Sao bây giờ không chạy như ngựa chứng nữa đi?”

“Bỏ em ngồi một mình, thái tử rước đi mất uổng lắm”.

“Anh ra đây giỡn trăng hay đi tắm?”

“Quên mất. Ra đi tắm”.

“Sợ nước à? Cho ướt luôn, chịu không”.

Không chờ trả lời, cô gái lội ra giữa dòng tạt nước lên chỗ Tân ngồi. Hai người tạt nước nhau, tiếng cười làm rạng rỡ đêm khuya. Thông thạo hơn, cô gái tạt từng tia nước mạnh đúng vào mặt Tân, khiến anh phải nhắm mắt. Nhưng anh vẫn theo tiếng cười đuổi theo. Cô gái quen chạy trên cát, luôn luôn vượt khỏi tầm tay Tân. Đôi lúc anh sắp chụp được bả vai, nhưng cô đã hạ mình xuống, luôn về phía khác, làm cho Tân quá đà ngã lên bờ nước.

Tân vẫn cố rượt theo. Nhờ bước hồng vào lưng cát sâu, cô gái ngã, Tân mới theo kịp. Gió và nước không làm nguội được sức nóng bùng bùng. Tân úp mặt lên cổ cô gái, dụi mặt vào trong tóc ngửi mùi hôi và rong rêu. Cô gái vẫn cười, hàm răng trắng óng ánh, đôi mắt long lanh, đôi tay trải dài trên cát làm phập phồng lồng ngực. Không nói năng gì, Tân ôm lấy thân thể ấm áp, sống trọn sự cuồng bạo đã thú. Miệng cô gái vẫn cười, nhưng đôi mắt nhắm nghiền, đôi tay chơi vơi. Cả gió cả nước cả trăng đồng lòng thúc giục, trong khi cát vàng ấp ủ nâng niu.

Khi ngồi lại trên cát nhìn khuôn mặt cô gái mắt vẫn còn nhắm nghiền như đứa bé ngủ say, Tân ngỡ ngỡ thấy quen. Nhưng không nhớ đã gặp cô ta lúc nào, ở đâu!

*

Lúc mấy người quân cảnh đẩy lên xe, chiếc GMC vẫn còn đó chưa đi. Hai tay bị khoá quặt ra sau, nên phải chật vật lắm Tân mới bước lên được cái bậc cấp, rồi cúi người luồn ra ra ngồi băng sau. Mấy người lính đứng bên ngoài không cần giữ ý, hỏi nhau:

“Bắt được thằng chả ở đâu đó?”

“Tận bãi cát gần khúc quanh của con sông”.

“Chắc xuống dưới an ninh trả lời không xuôi đâu. Cả tiểu đội chết, cây cầu sập, chỉ còn có một mình chả đi tắm”.

“Nghe mìn nổ trên cầu mà cứ tắm à?”

“Không. Toán tiếp viện theo đường sông vòng lên, gặp nó đang bận quần áo và lấy súng chạy về”.

Tân ngồi im không nói năng gì. Phía trước xe, một nhóm người đang tụ tập quanh mấy cái xác. Có tiếng khóc nỉ non và kể lể rên la. Bỗng nhiên đám đông dạt cả ra, tránh lối cho lính khiêng một cái băng ca đi vào. Nhiều tiếng lao xao:

“Một người nữa hả?”

“Đâu phải lính. Xác đàn bà”.

“Dễ sợ. Ngực bị vỡ toang hết. Lượm ở đâu đó, trung sĩ?”

“Bến chài. Lúc tụi tôi bọc hậu đón đầu bọn du kích, thì thấy nó hớt hải chạy từ phía cầu về. Hô đứng lại, nó cũng cứ chạy, nên mới nổ súng. Nếu biết là nó, thì không giết làm gì”.

“Vậy chó ai đó?”

“Con khùng xóm Chài”.

“Con khùng xóm Chài hay con khùng ngoài chợ?”

“Cả hai đứa là một. Nó là con gái ông câu gỗ. Cha nó chết cách đây mấy năm. Nó xin ăn ngoài chợ, và hễ cứ đến mùa trăng là nổi cơn”.

Tân nghe được câu chuyện, lịm người không dám nhìn về phía trước. Bên cửa trái, người tài xế xe GMC đang xem lại máy móc trước khi lên đường. Bốn người lính hộ tống đã lên ngồi hai bên quan tài. Người tài xế đập nắp ca-bô, gọi với vào trong:

“Ra đi cho sớm chị”.

Người đàn bà ẵm đứa con ra xe. Mái tóc bù xù. Cái áo trắng vải thô và vành khăn tang nhàu nát, dơ dáy. Lúc đi ngang qua xe quân cảnh, người đàn bà vô tình nhìn vào phía Tân.

Anh không tin ở mắt mình. Cũng khuôn mặt ấy, cũng trạng thái lơ lửng giữa tưởng và thực, có và không, hững hờ tránh né mà mời gọi thúc giục, xa lạ với cõi sống mà cũng không gắn bó với cõi chết. Người đàn bà bước đi một mình, âm thầm, nhưng khi đến gần xe, gọi người tài xế một cách tỉnh táo:

“Xách giùm cái giỏ chút, chú. Khi hôm ngủ được không?”

“Đi đường mệt, nằm thẳng cẳng đến lúc nghe tiếng nổ trên cầu mới thức”.

“Đêm qua trăng giọi sáng quá, không ngủ được một khắc...”

Đầu óc Tân quay cuồng. Anh đẩy người quân cảnh phía trái sang một bên hướng mặt về phía người đàn bà hỏi lớn:

“Ê, không ở lại chờ thái tử sao?”

Anh quân cảnh kinh ngạc. Người đàn bà quay lại, mắt ngơ ngác, tưởng không phải người ta gọi mình nên tiếp tục leo lên ngồi trên buồng lái.

Người quân cảnh gay gắt:

“Đ.M. Cha nội đã đến nước này rồi mà không chừa cái thói lẳng nhăng. Chồng người ta còn nằm một đống trong hòm, đã chọc ghẹo”.

Chiếc GMC rồ máy, từ từ ra khỏi cổng. Một lớp bụi vàng mỏng toả lên, lơ lửng như ánh trăng.

Ngựa đá sang sông

Thôi, vậy là yên phận em. Thật ra trừu ỡ em còn nhỏ, lúc mẹ giao chị việc cho em bú và tắm rửa, còn thì chưa lúc nào chị được ôm em trong lòng, trọn vẹn chiếm hữu em như bây giờ. Em đã chịu khó nằm yên nghe chị kể lẽ tâm sự, không như thời trước em vừa biết chạy nhảy và nói năng, mỗi lần chị sơ ý quệt vào em một tí là em khóc nhè, và đòi thầy me đánh đập trừng phạt chị mới chịu nín. Em biết không, những lúc ấy chị trốn ra sau vườn, một mình lấy tre gai đâm vào tay để tự đầy đọa. Nhà chỉ có hai chị em, thầy me lại thường nuông chiều cậu con trai quý, nên chị cảm thấy thừa thãi bơ vơ. Chị vẫn ao ước được ôm vai em, vuốt tóc dỗ em nín khóc như những bà chị khác, đóng trọn vai trò kẻ triu mến khoan hoà.

Nhưng em luôn luôn ở ngoài tầm tay chị. Chị tưởng là em ghét chị, khinh chị. Nhưng khi học bài cách trí bậc tiểu học, chị hiểu em hơn. Sách dạy:

“Gà trống thường ưa đánh nhau, còn gà mái hiền hơn gà trống, chịu khó đẻ trứng ấp con và chăn dắt chúng đến khi lớn”.

Ờ, em là con trai, tính khí giống như gà trống, ưa ra khỏi sự triu mến quyến luyến của gia đình. Em ưa đánh giặc giả, ưa khiêu khích và tấn công. Nhiều hôm em bị đánh chảy máu mũi, chị lo sợ hốt hải, còn em thì lạnh lùng gạt bàn tay chị, lấy vạt áo quệt máu rồi chạy ra hò hét tiếp. Cử chỉ tàn nhẫn lạnh nhạt ấy làm chị mũi lòng. Chị không hiểu nổi em trong tuổi nhỏ, và cả trong thời gian em lớn lên. Không như bây giờ, em chịu khó nằm yên nghe chị kể lẽ tâm sự.

Càng lớn em càng trở nên khác thường. Điều đó làm cho chị ngẩn ngơ hải hùng. Em muốn giấu chị hết mọi sự. Học ở trường em trốn đi chơi. Nhà trường gửi thư phiên trách về cho thầy me, chị bắt gặp giấu đi và đưa lại cho em. Em vùng vằng: “Có giỏi thì mách thầy me coi”.

Em đăng báo tìm bạn bốn phương, vô tình chị đọc được mảnh báo cắt đề tên em và địa chỉ nhà mình giấu trong sách vụn vặt. Chị đọc cả nhà nghe trong bữa cơm, tưởng chỉ pha trò cho vui:

“Hùng, tên thằng con trai ở miền khô cần sỏi đá, tuổi chớm vào đời, mang nhiều mặc cảm tình, tiền, địa vị, sông âm thầm trong lặng lẽ cô đơn, muốn trao đổi tâm sự qua những cánh thư xanh của các bạn trai gái khắp bốn vùng chiến thuật”.

Không ngờ tiếng cười to của thầy làm em giận chị suốt mấy tuần. Chị tìm cách làm hoà, em giả lờ. Chị cảm thấy cô độc hơn bao giờ. Thầy vốn trầm tư, giữ thái độ nghiêm khắc với con cái. Mẹ thì suốt ngày lo việc buôn bán ngoài chợ. Chị thui thủi một mình trong căn nhà rộng và khu vườn xanh. Làm sao chị chịu nổi sự lạnh nhạt xa cách của em. Gian nhà mình rộng và tối. Tiếng tu hú sau bụi tre già trưa trưa náo nùng ma quái. Tàu lá chuối lọc hết ánh sáng mặt trời, chiếu hắt nổi xanh xao vào căn buồng hẹp, nơi trú ẩn chống đỡ cái buồn mênh mông chị gánh chịu suốt thời thơ ấu. Thành thử lúc gia cảnh nhà ta suy sụp, đồng lương thư ký của thầy ít ỏi vội lần theo nhịp tăng của thuế má vật giá, và chỗ bày hàng ngoài chợ của mẹ bị tranh mất, rồi dì Thanh giới thiệu cho chị làm trong sở Mỹ, chị đã xem đây là cơ hội độc nhất giải toả đời mình. Thầy vẫn im lặng như thường lệ. Chỉ thoáng thêm đôi nếp nhăn và tiếng thở dài. Thầy không nói gì về lời đề nghị của dì Thanh, nhưng chị biết thầy lo âu. Mẹ thì mừng rỡ, xem chị như cứu tinh của gia đình. Mẹ vốn vĩa ân cần với chị. Chị hơi tủi khi so thái độ của mẹ với chị ngày nhà ta còn khá giả... Nhưng chị hiểu tâm trạng của mẹ. Đàn ông như thầy và em ít chú ý đến chuyện bếp núc, cơm áo. Riêng mẹ, mẹ đau đến thất ruột khi thấy miếng thịt trong tô canh chua ngày càng nhỏ, và nồi cơm ngày càng vơi để đưa con trai yêu dấu của mẹ phải bức mình dần bát khi chị bảo hết cả cơm rồi. Còn riêng em, nghe chị sắp làm sở Mỹ, em bĩu môi. Mưa gió bão bùng không

làm chị sợ bằng thái độ ấy của em. Nhưng chị cũng sợ màu lá chuối xanh xao, tiếng tu hú và gian nhà u ám ẩm mốc. Chị đã đi làm.

*

Em đã dùng những chữ thô bạo nặng nề để kết án chị, khi chị bỏ nhà về sống với Tino. Em bảo chị là con đĩ mười phương không chịu chùa một phương lấy chồng. Em bảo chị có một tâm hồn bệnh hoạn sa đọa. Em bảo chị làm mất hết tiếng gia giáo. Em bảo chị không còn xứng đáng bước chân về ngôi nhà cũ, để được đứng dưới khóm trúc xanh nhìn những chuyến xe lửa rập rình qua cầu, được nghe tiếng chim tu hú và ngắm nắng xanh xao trước bức thềm. Chị đã tê tái khi nghe mẹ khóc thầm, chị đã đau đớn khi thầy lặng thinh quay mặt khinh bỉ không nhìn chị. Nhưng có viễn ảnh nào đen tối cho bằng viễn ảnh đời đời không được bước chân về cái cổng vôi rêu phong ấy. Chị mất quê hương, mất hết, mất thầy, mất mẹ, mất em. Chị thui thui ôm bọc quần áo trước bụng để che bớt cái thai. Thầy và em không biết, nhưng mẹ biết. Mẹ khóc to hơn, tấm tức không dám nói vì sao, sợ thầy biết sẽ đánh đập chị. Làm sao đến nỗi này hờ con? Nhà tôi mấy đời ăn ở phước đức, sao Trời nỡ dày dọa hỡi Trời?

Vì sao? Vì sao? Mẹ hỏi, rồi sau này em đích thân đến phòng Tino thuê cho chị, giận dữ sùng sộ trước vẻ ngơ ngác của Tino (Tino có hiểu em nói gì đâu, tưởng em là một thằng du đãng) em cũng hỏi chị câu ấy. Vì sao? Vì sao? Lúc đó, chị định giải bày cho em hiểu, nhưng hàng xóm bu lại đông quá, chị thẹn nên van lạy em về cho. Mà dù chị có giải bày, chưa chắc em đã tin.

Bây giờ em nằm yên rồi, vĩnh viễn không múa may sùng sộ, chị mới có thể nói hết. Chị cũng nhiều lần hỏi chị lắm. Vì sao? Chị mừng rỡ thoát khỏi nhà như con chim sổ lồng, tự nhủ từ đây không bao giờ quay trở lại với cội tam tối lạnh lẽo gia đình. Chị đã mơ ước như vậy lâu rồi, mơ được một hoàng tử hôm nào đó cầm chiếc hài hoa gõ cửa, như chuyện thần tiên mình từng say mê. Chị đã mơ ước gặp đầu đó, do định mệnh an bài, người chị say mê từ lúc thoát nhìn, tóc bành bông, mắt mơ màng, phương phi hào hoa.

Những giấc mộng lãng mạn cùng với với tháng năm, cuối cùng chị chỉ ước mơ một ngày nào đó có bà già mặc áo thâm vào thì thầm với mẹ trình trọng với thầy xin hỏi chị cho cậu con trai cả. Mẹ vẫn thường bảo chị có số làm dâu trưởng. Chị mong thoát ra khỏi cái trầm buồn, đều đặn, nhàm chán của nếp sống nghìn năm không thay đổi cung bậc. Cho nên ngay lúc đầu, chị hân hoan đi làm với dì Thanh, với cảm giác thoải mái của tên tử tù vượt ngục. Sở của chị là một thế giới hoàn toàn khác lạ. Phòng thấp nhưng sáng sủa, máy lạnh rì rầm suốt ngày, hàng lô máy chữ tí tách. Cử chỉ của nhân viên Mỹ nhã nhặn, khả ái, khác hẳn thái độ binh sĩ ngoài phố. Tino là trưởng phòng kế toán, nghiêm nghị và cẩn mẫn. Cả phòng đều sợ ông, ngay cả các nam nhân viên da trắng. Chị phát khóc khi ông quăng trả tập hồ sơ đánh máy sai lên bàn chị, báo trước đây là cơ hội chót chị thay đổi cách làm việc. Chị cảm thấy ngộp thở, chơi vơi, khi nghĩ đến vẻ mặt mừng rỡ của mẹ lúc chị đưa số lương hai mươi nghìn đồng cho bà tháng trước. Có thể, nếu chị tiếp tục lỡ lầm, thầy sẽ không còn nhậm nhi với củ kiệu mỗi chiều, còn em thì đâu được quyền hút Salem vung vít. Làm sao có tiền trả cho Bill để mua cái tủ lạnh vào Chủ nhật tới? Máy hộp Rinso chịu giá với bà Hải, tiền ứng trước mẹ đã lấy may quần cho em, làm sao giao hàng? Còn hộp xì gà cho chú Tư? Còn dự tính sửa lại từ đường của thầy? Nỗi khốn khổ thật khôn cùng. Đầu óc chị quay cuồng, nhất là từ lúc Bill đưa cho chị xem tập hồ sơ nhân viên. Ông Tino phê trong phần nhận xét trên phiếu của chị: “Nhiều lần cộng sai và đánh máy lầm lẫn. Thiếu khả năng kế toán. Đã cảnh cáo lần chót. Nhân viên vào loại không cần thiết”. Suốt buổi sau, chị không đánh máy nổi một trang hồ sơ. Khi trình lên Tino, ông lạnh nhạt đưa tay nhận, không thèm nhìn chị, lấy viết chì đỏ gạch mạnh đến rách cả giấy mấy lỗi chính tả sơ đẳng, rồi vất trả lại. Không còn cách nào cứu vãn nữa, chị ôm mặt khóc, bỏ sở chạy về nửa chừng... Em biết không, chị đã lang thang suốt cả buổi chiều

trên tất cả những con đường phố, thất thểu bước không nói năng. Chị chờ giờ về, đến dì Thanh cầu cứu. Dì dặn đừng cho thầy me hay tin buồn, gắng vui về về nhà, ôm theo mấy hộp bia và bột giặt đi cho mượn. Dì khuyên nên đến nhà ông Tino năn nỉ. Dì cho địa chỉ. Thấy chị e ngại, nhất là bây giờ trời đã tối, dì bảo không sao đâu, ông ấy nổi tiếng đạo mạo và đứng đắn. Không phải dân ba xạo và cà chớn.

Chị đã giấu nhà mới lo âu của chị, một mình đến tìm Tino.

Ngôi biệt thự ẩn sâu vào trong khu vườn rợp bóng mát. Lối đi trải sỏi và viền hoa. Ánh sáng phòng khách dịu nhẹ. Ông Tino ngồi trên chiếc ghế bành rộng, nước da đen chìm trong không khí mờ hồ huyền hoặc của bóng đêm và ánh đèn mờ. Chị lấp bắp vài câu, rồi khóc trước mặt ông. Ông không nói năng. Chị khấn khoản xin lỗi. Ông đứng dậy khép kín cửa, cầm tay chị, diu đến ngồi trên cái ghế bành sát tường, choàng tay qua vai chị. Chưa bao giờ chị nhìn ông ta gần như vậy. Trên khuôn mặt đen, mắt ông sáng khác thường, pha lẫn nào phần nộ nào cay đắng nào van lơn. Chị lạnh tê y như cảm giác lúc nghe tiếng saxophone da đen nghẹn ngào trong bản nhạc jazz, âm thanh của một nỗi si mê điên cuồng không thể giải tỏa và một nỗi nhẫn nhục trong cam chịu ê chề. Hơi thở ông dồn dập. Tim chị đập mạnh. Tiếng một chiếc lá sứ rơi bên kia bức màn mỏng. Tiếng cánh bay của một con chim đổi cảnh. Chị cố ngồi thu lại, thoát ra ngoài vòng tay ông Tino, nhắm mắt dần xuống những xao động chợt hiện lần đầu. Xe lửa ồn ào chạy qua con đường sắt bên kia vườn. Con vũ bão phũ phàng cuồng nộ xô đẩy hết những cây cối nhà cửa xóm làng ẩn sâu trong ký ức chị. Sự thô bạo của Tino thôi miên chị, quăng chị vào một cõi hải hùng, tê điếng, khiến sau cuộc chị vẫn nằm khoả thân trên thảm, mắt thao láo nhìn như một kẻ đã chết. Chị đang ở đâu đây? Có gì vừa xảy ra? Sự tê dại càng sâu, rồi biến thành nỗi xót xa tràn đầy. Tuy không khóc, nước mắt chị ràn rụa. Tino quì xuống nền nhà, mắt thương xót lo âu. Tino lấy tay chùi nước mắt chị, bàn tay to lớn xù xì mơn man gạt nhẹ từng giọt từng giọt ứa trào. Tino gục đầu trên ngực trần của chị, ông khóc không thành tiếng, rồi nói như đang mơ:

“Chúa ôi, con đã làm gì? Con đã làm gì? Tại sao con trút hết nỗi phần nộ căm thù cuộc đời cho nàng? Đứa con gái nhỏ yếu đuối, sợ hãi. Mắt nàng lấm lét e ngại. Tay nàng vụng về run sợ khi đưa hồ sơ đến bàn con. Nàng không dám tránh xa khi con đến gần, không dám le lưỡi với bạn bè khi con dọa. Con vội vợ lấy dịp may hiếm có. Nàng đã đến đây van xin như con dự đoán, nhưng, lạ Chúa, con đâu có ngờ nàng còn trinh tiết. Nàng chỉ là một đứa trẻ lạc loài cay đắng như con. Con đã làm gì? Con phạm tội gì?”

Tino nói như mê sảng, chồm xuống hôn bàn chân chị. Đột nhiên chị đập mạnh vào đầu ông, choàng ngồi dậy trong góc phòng trong thế tự vệ. Chị nói, giọng thất thanh:

“Ông là con thú dữ. Ông là ác quỷ hiện hình. Tôi ghét ông. Tôi tởm ông”.

Chị muốn lờm giọng khi nghĩ mình vừa kề cận với thân hình cục nịch đen đúa kia. Chị cảm thấy bản thủ nhầy nhụa. Đầu Tino va mạnh vào góc bàn. Ông ôm lấy đầu, lặng yên, hai tay ép sát vào thái dương. Bỗng Tino đưa bàn tay vàng bệch trước ánh đèn. Máu loang lổ đầy đó. Chị sợ hãi suýt rú lên. Tino vẫn ngồi xa, vội vàng trấn an:

“Không sao đâu em, chỉ bị nhẹ thôi. Máu chảy một ít rồi sẽ hết. Em bé thấy không, máu tôi đâu có đen. Nó đỏ như mọi người. Và trái tim tôi cũng vậy, mềm mại mảnh khảnh như mọi người. Làm sao tôi chịu đựng được sự thù ghét này. Hãy nói đi, em bé nhỏ, hãy nói đi. Hãy nói là tôi đáng thương hơn đáng ghét. Hãy nói là em hết thù hận”.

Chị không chịu đựng nổi nữa, chị oà lên khóc. Tino lết đến gần chị tự lúc nào, máu rỉ rả chảy xuống má, xuống cằm. Ông nắm tay chị, đặt lên đầu ông, van xin:

“Hãy nói đi, em bé nhỏ, hãy phát một cử chỉ chứng tỏ em tha thứ, tha thứ hết”.

Chị se sẽ vuốt mái tóc Tino, cảm thấy máu ấm rịn qua kẽ tay. Chị vuốt nhẹ xuống đôi má đen của ông. Tino cảm động gục mặt xuống hai đầu gối chị. Hai bàn tay chị đưa nhẹ trên áo ông. Áo đỏ nhoe. Chị gục đầu lên gối ông, và khóc thoả thuê. Chị gọi se sẽ: Tino, Tino...

Một niềm say ngây giống hệt trạng thái người đứng bên bờ vực xâm chiếm chị. Hân hoan và lo âu. Trong thân thể to lớn cục nịch nầy, có cái buồn xanh xao của ánh sáng lọc qua tàu lá chuối, âm thanh huyền bí của tiếng tu hú nào nùng, mùi ngai ngái ẩm mốc bao năm dồn về một tối đứng gió. Chị sợ những gì sắp xảy ra, ngày mai.

Tino đã kéo chị vào cuộc phiêu lưu của những kẻ cô độc, đi đâu cũng gặp những đồ ky, khinh bỉ. Chị chỉ có thể giấu mọi người ba tháng đầu, nhân viên trong sở tưởng chị được khoan hồng nên tiếp tục làm việc. Chị tránh đứng riêng với Tino, nhất định không gặp ông lần nào nữa sau đêm bão tố. Tino kín đáo, không tỏ thái độ đặc biệt nào. Ông vẫn giữ nét mặt cũ, lạnh nhạt xa cách. Chị tưởng những gì xảy ra, chỉ là một biến động nhất thời của cả hai người, những cuộc đi hoang trốn tránh kiếp sống nhàm chán vô vị thường ngày. Nhưng lúc chị thấy trong người có triệu chứng lạ, và bác sĩ xác nhận chị đã có mang, bão tố thực sự mới đến. Phản ứng đầu tiên của Tino là sự vui mừng hơn hờ. Nhưng khi nhận ra vẻ mặt ủ rũ của chị, ông tự kềm chế, vồn vã hỏi han. Chị chưa tìm thấy đôi mắt nào đẹp như đôi mắt Tino bấy giờ: có chút gió đông của đông muộn và chút nắng mới của mùa xuân. Chị không biết phải làm gì, bảo để về hỏi ý kiến mẹ. Mẹ sụt sùi khóc, không dám khóc to, ti tê kể lể những tai tiếng về sau cho gia phong, đòi đưa chị đi phá thai. Chị thấy lạnh cả người. Không có cách nào khỏi phạm tội lỗi khác hơn là bỏ nhà sống với Tino. Chị chưa từng nghĩ tới chuyện giết một con kiến nhỏ. Em nhớ không, lúc bé mỗi lần chụp được chú muỗi trong mùng, em hả hê lần lượt rút cánh rút chân, còn chị thì đọc kinh tiếp dẫn. Thà cuộc đời chị coi như bỏ, chị không thể vâng theo lời mẹ. Hôm chị bước khỏi cái cổng vôi ôm bọc quần áo lên phố với Tino, là hôm chị bị sa thải ra khỏi xã hội người Việt. Cuộc ra đi của chị, chị biết, liên lụy cả gia đình. Mẹ không dám ra khỏi nhà, trừ những lúc quá túng thiếu ban đêm lén lút trốn thầy lên chị xin ít tiền chi tiêu. Thầy say sưa suốt ngày. Nhưng tuổi già quen vác nặng. Chỉ tội nghiệp có thân em. Bị chúng bạn xâm xỉ chế giễu, bảo em có con chị lấy Mỹ đen, chịu không nổi em đậm liễu. Tuy không có ở nhà, nhưng chị biết hết. Hôm nào chiều về em cũng có vài vết thương. Em bỏ học, đăng lính biệt kích. Thầy chỉ biết trầm ngâm, mẹ lại một lần thờ dài.

Cậu quý tử của thầy mẹ, hũ mắm treo đầu giàn của thầy mẹ, cục cưng của thầy mẹ ra đi, càng làm tuổi già thêm hiu hắt vàng vọt. Chị cảm động biết bao, khi thấy em lảng vảng suốt buổi chiều trước nhà chị thuê. Chị biết em ngần ngừ, nhưng không dám ra gọi em vào, sợ xấu lây cho em. Cuối cùng lúc trời tối, em mới lén vào. Em chị khóc, bảo thương chị và suốt buổi không thốt một lời trách móc. Em biết đâu là sau đó mẹ cũng lên lên, lấy một ít thuốc Tây, bọc kim chỉ và xin chị vài nghìn cho em. Chị không dám hỏi tin tức thầy, nhưng mẹ đoán được ý chị, bảo thầy đang say và mê sảng:

“Thầy mầy lúc sau đồ đốn, suốt ngày lảm nhảm. Ông nói chuyện không đầu đuôi, me có hiểu gì đâu. Me bảo thầy già, lẩn rồi. Thấy quát tháo bảo mọi người điên hết. Chiều hôm qua khi nghe me bảo thằng Hùng nó đăng biệt kích Mỹ, thầy im lặng không nói gì. Thầy bảo me ngồi xuống trường kỷ kể chuyện chiêm bao: đêm trước có ông nội hiện về, bảo thầy theo nội có việc gấp. Hai cha con nắm tay nhau, chỉ nghe gió thổi, chẳng mấy chốc đã đến bờ sông. Nội dẫn thầy đến bên con ngựa đá, bảo lên yên và ra roi. Lạ quá, ngựa bỗng hí vang, rồi lội xuống dòng nước sâu, sang đến bờ bên kia. Một thần nhân áo xanh chờ sẵn, cầm tờ giấy điều đọc to:

Ngựa đá đã sang sông.

Lụt máu ngập đầy đồng.

Gạch tan và ngói rữa.

Xương kết bè trôi sông.

Đọc xong bỗng nước sông biến thành huyết, đầu lâu ngụp lặn sau lưng thầy. Vài cánh tay xương rút đuôi ngựa. Ngựa quí hí vang. Thầy chạy trốn bên thân nhân, ông này lại hoá ra bộ xương khô cầm đao. Thầy sợ quá hét lên, tỉnh dậy mồ hôi ướt đầm. Thầy bảo con ngựa đá là Núi Ngựa. Dòng sông là Trà Khúc. Nước Trà Khúc dâng ngập chân Núi Ngựa thì thiên hạ chết hằng hà sa số. Không biết gia đình họ hàng mình có việc gì không? Me nghe thầy nói lạnh mình, vì tuần trước o Phấn ra chơi bảo trong mình lụt lội, nước sông tràn đến chân núi”.

Me nói xong nhìn chị. Chị nhìn me. Hai mẹ con cùng lo âu. Me khuyên chị bòn rút tiền của Tino cho thầy sửa lại từ đường, còn để dành lúc sinh nở. Chị vâng vâng dạ dạ, me đâu có biết đưa mấy nghìn cho me để me đưa cho em làm lộ phí, chị chỉ còn vài trăm trong túi. Sáng nào, khi Tino vừa ra khỏi nhà, là có vài thanh niên mặt mày côn đồ vào gõ cửa truyền lệnh: Me Mèo, đưa tiền tiêu chơi. Ê, Me Mèo, đem ít hộp bia uống. Me Mèo, Me Mèo. Hai tiếng đó làm chị hao mòn, ngậm đắng nuốt cay. Chị biết trốn đâu đây, để khỏi thấy những đôi mắt láu lỉnh đưa dầu trong khi những đôi môi thì thâm khúc khích. Chị trốn hết, trốn hết, nấp trong vòng tay Tino và khóc thoả thuê. Chàng vuốt tóc chị, khẽ môi xoa hết nước mắt trên trán chị, tỉ tê kể những nỗi đau suốt cuộc đời chàng để chị thấy những rủi ro cam chịu của chị không phải họa hoằn. Chàng hát, giọng khao và ghen, những điệu blues buồn ru chị quên hết những ám ảnh chập chờn. Chị ngủ trong lòng chàng, và khi chợt thức vẫn thấy chàng say đắm nhìn chị. Trời, chị tha thiết yêu Tino, chị say đắm chàng. Bây giờ, em nằm yên rồi, vĩnh viễn không nói năng, múa máy, sùng sộ, chị mới dám nói thẳng câu ấy. Nói thật to cho em nghe, dù em có cười. Tội nghiệp, đừng cười nữa. Em hãy nghĩ đến gánh nặng của sự khinh bỉ nhân gian đè lên vai chị, để thấy thâm thía tình chị với chàng: Suốt một tuần trong nhà hộ sinh, chị lấy khăn phủ mặt khi bế bông cháu, vờ không nghe những lời xầm xì. Mỗi lần cháu lên ban đi tuốt cần đến bác sĩ, chị phải che hết tay chân mặt mũi cháu, đứt ruột khi cháu ngộp thở ngọ nguậy mà không dám giở chăn giữa chỗ đông người. Những đêm khuya vắng, chờ cháu ngủ, chị mới dám ra khỏi nhà đi dạo cùng chàng, nép sát vào đôi tay bao dung của chàng.

Em tưởng tượng nỗi bơ vơ của chị, khi chàng được lệnh trở về Mỹ. Chàng xin cưới chị, van nài chị đi theo. Làm sao chị bỏ được nơi chôn nhau cắt rốn. Chị không còn được quyền đứng dưới khóm trúc xanh nhìn những chuyến xe lửa rập rình qua cầu, nhưng ý nghĩ nó vẫn còn đâu đó gần gũi đủ làm chị yên tâm. Chị còn có thầy có me, chị còn phải chờ em. Tino gửi tiền ở ngân hàng cho chị đủ sống chờ chàng xin trở lại, nhưng vẫn lo bọn du đảng ức hiếp chị. Chính chàng đề nghị chị đánh bạo về xin thầy me cho được trở về nhà. Lần đầu thầy ngồi yên nhìn chị, rồi quay đi, không thốt một câu. Lần thứ nhì thầy bảo: Thầy thương con, tuy chính vì con mà thằng Hùng bỏ nhà ra đi. Nhưng muốn về, phải cho thằng nhỏ vào cô nhi viện. Chị khóc, xuống năn nỉ me. Thầy bỏ đi ra vườn. Lần thứ ba chị xin thầy thương chị, đừng nổi cáu tình máu mủ. Thằng cháu da ngăm đen, tóc xoắn, nhưng khuôn mặt giống chị hơn giống chàng. Nó u ơ trong giấc ngủ, miệng cười vô tư. Đó là hình ảnh chàng trong một khu phố tồi tàn nào đó của miền Nam, thời còn chưa biết nổi nhục nhằn đắng cay vì màu da. Làm sao chị bỏ nó được. Tino đi rồi, chị chỉ còn có nó. Nên khi thầy nhứt định giữ ý cũ, chị đành xa thầy me nuôi con. Từ ấy chị không được gặp lại thầy. Còn me thì lên thăm chị luôn. Nhà mình sa sút cay cực đến độ nào lòng. Ban đầu vì giữ ý, me nhờ chị vay hộ khi năm nghìn, khi ba nghìn. Sau đó me thú thực, và nhờ chị giúp đỡ. Em có biết đâu trong mấy tờ giấy bạc gửi cho em qua tay bạn bè có giọt nước mắt của mẹ già và của người chị khôn khổ. Rồi có tin loan truyền trong giới biệt kích về phép thuật siêu quần của em.

Họ bảo em mình đồng da sắt, đạn bắn không thủng nhờ cái dây chuyền xâu bằng tai người phơi khô làm bùa hộ mệnh. Mỗi lần nghe những chuyện hoang đường ấy, mẹ lâm râm Mô Phật. Còn chị thì tê tái cả lòng. Tất cả đều do chị. Em ra đi vì chị. Gia đình tan nát vì chị. Trời, em tội đây sao? Đưa em bất chấp lòng tự ái và dư luận lên đến khóc trong vòng tay chị, trước khi nhập vào thế giới bạo tàn chém giết? Gà trống thường hay đá nhau, nhưng gà trống đâu có say mê đá nhau. Thằng con trai ở miền khô cằn sỏi đá, sống âm thầm trong lặng lẽ cô đơn đó ư? Mẹ bảo chị viết thư hỏi hư thực ra sao, nếu thiên hạ đồn đúng thì mẹ phải thí phất vào chùa. Thư chưa kịp gửi, nhà đã hay tin em đào ngũ, bỏ lính về sửa trị ba thằng du đảng ngày ngày hiếp đáp chị. Sao em biết chuyện? Ai mách cho em? Ai viết thư cho em? Chị vẫn cam lòng nhẫn nhục, vì xem họ như thiên sứ nhà trời xuống trần để trừng phạt chị. Em vẫn không bỏ tính cũ, thân lừa ưa vác nặng. Về quê chưa kịp thăm thầy mẹ và chị, em đã tìm đến nhà bọn du đảng đòi thanh toán. Một thằng báo động hai, hai báo cho bốn, và một mình em làm sao đương nổi mười đứa. Em ý có súng bắn quí hai thằng, nhưng em đâu thấy ngọn dao của thằng thứ ba. Xác em nằm sóng soài, máu lênh láng trong ngõ hẹp. Đôi mắt chưa kịp khép. Chị hôn lên mặt em, da diết đốn đau. Em chết trong ngõ ngang, chưa hiểu rõ mình đang làm gì. Em của chị đây sao? Con của mẹ đây sao? Chị và mẹ phủ phục trên xác em, còn thầy thì cầm con dao đâm máu hò hét múa may. Mọi người sợ chạy dạt cả ra, trốn hết vào nhà. Thấy phát điên, i uông ca hát:

Tình tang... ừ hự... ừ hự ngựa đã sang sông. Nhong nhong là nhong nhong ngựa ông lại về... Lại về ngựa đã sang sông...

Thôi, vậy là yên phận em! Thầy đã vào nhà thương. Mẹ heo hắt trong khu vườn xanh, đang chờ chị về. Vĩnh viễn, vĩnh viễn xa em rồi. Con đường nhựa uốn cong theo con sông đào không còn dẫn em về chiếc cổng vôi rêu phong, chiếc cổng không dẫn em vào vùng xanh xao của lá non, mùi ẩm mốc nghìn năm tích tụ, tiếng chim tu hú trong bụi tre già ma quái... Thầy hết ngồi trầm ngâm, thầy chỉ lo hát ngựa đã sang sông í a ngựa đã sang sông. Hàng xóm bảo nhà mình bị quỷ ám. Chị không tin, vì nếu xét cặn kẽ nguyên nhân, tất cả sự đổ vỡ đều do ở chị, do ở chàng. Chàng lập mưu kế để chiếm cho được chị, nhưng em tha lỗi cho chàng. Tino ở trong một trạng thái tuyệt vọng đến độ sự hiện diện của chị là tấm ván cứu rỗi cho một cuộc đời vốn bập bênh phù du. Bao tổ đến cho chị, cho cả nhà mình, nhưng ai bảo cuồng phong không phải là bạo lực tích tụ từ những cơn gió heo may trở mùa, những làn phảng phất trưa hè vắng lặng. Bao tổ từ trong em, trong chị, trong con ngựa đã chỉ có do sự tưởng tượng thi vị của dân làng ven sông.

Mừng em về nơi an bình, tuy chị xót xa hết sức khi mãi mãi xa em, nhìn mẹ héo gầy và nghe thầy hát cuồng.

Gió hú

Vì đã lên tới chóp núi chỗ có cây thánh giá trước, hai tay giữ chặt lấy vạt áo nên phải để mặc cho gió thổi tung mái tóc mềm. Nàng mặc quần áo trắng, tóc thả dài trên chiếc vai tròn, da mặt hồng hào vì cố gắng leo dốc nhanh để lên trước Tuấn. Gió thổi từ cánh đồng xanh màu mạ non làm cho tóc che khuất một nửa khuôn mặt nàng, còn nửa bên kia bị một vạt mảng tóc rối che mờ. Tuấn thấy nàng linh thiêng mờ ảo, bất giác dừng lại ngược nhìn. Chàng nói:

“Vì hãy đứng tựa vào cây thánh giá đi”.

Nàng thả bớt một chéo áo dài để lấy tay phải gạt bớt mái tóc rối, cúi xuống hỏi:

“Để làm gì vậy?”

Tuấn tiếp tục leo lên sườn núi.

“Bí mật”.

“Anh nói cái gì?”

“Chuyện quan trọng lắm. Để chờ Tuấn lên đó đã”.

Trong lúc vừa leo dốc vừa chiêm ngưỡng Vì, Tuấn bước lên một vùng đất sỏi, suýt tí nữa trượt chân ngã xuống. Vì la thất thanh:

“Ồ kìa. Coi chừng”.

Tuấn nhanh tay chụp được một nhánh chim chim, gượng đứng dậy chữa thẹn:

“Mãi với cao thành ra té nặng”.

Vì chưa hiểu, nhưng mơ hồ cảm thấy trong câu nói của Tuấn có điều gì liên quan đến mình. Một điều gì thật trang trọng cao ngất, như mây trên đỉnh núi. Nàng sung sướng đến nóng bừng cả mặt, nói xuống:

“Xạo”.

Tuấn không trả lời gì được vì đang gặp phải một đoạn dốc đứng. Đá nhọn xếp thành hình răng cưa, cây cối lại thưa thớt nên nếu vô ý chàng dễ dàng bị lăn xuống chân núi. Leo được đến chỗ đất phẳng gần Vì, Tuấn thở phào, tiếp nối câu nói khi nãy:

“Không xạo chút nào. Ở dưới nhìn lên, thấy Vì mặc quần áo màu sương, in hình dưới chân thánh giá, trông chẳng khác nào Đức Mẹ Đồng Trinh Maria”.

Vì giấu bối rối bằng cách làm ra vẻ bạo dạn, chỉ tay thẳng vào mặt Tuấn đe:

“À, chẳng những xạo mà còn phạm thánh nữa. Để em về mét với Ma-xơ...”

Nàng còn định nói nữa, nhưng chợt nhớ mình lỡ lời nên bụm miệng lại cười. Tuấn nói:

“Ai mà sợ. Anh đâu có ở nội trú. Chỉ có bọn con gái nhát gan mới sợ các Ma-xơ thôi. Ăn nhằm gì tới Tuấn đâu”.

Vì cãi lại:

“Sao không. Em mét cái anh chàng thường ăn mặc chững chạc đến xin cho cô em họ ra khỏi nội trú thật ra chẳng có họ hàng gì với con Vì hết”.

“Thách đó. Chỉ sợ từ đây có người ngồi buồn hiu trong cửa sắt, cả chiều thứ Bảy dài, cả ngày Chủ nhật buồn”.

“Nếu vậy em sẽ nhờ Ma-xơ gọi điện thoại lên ty mét”.

“Ồ hơ, mét cái gì?”

“Mét có người nói dối với ba, mượn chiếc Honda đi làm giấy tờ quân dịch nhưng lại...”

Tuấn cười xoa, đưa cú đấm lên dọa:

“Coi chừng đó nghe. Nếu anh không thực tình kể chuyện mượn xe, làm sao Vi biết được?”

Rồi cả hai đều không hẹn mà cùng nhìn xuống con đường cái quan dưới chân núi. Chiếc Honda đỏ vẫn còn đó, gần cây cầu sắt bắc ngang qua đầm nước mặn. Tuấn đưa tay vào túi kiểm soát lại không biết là lần thứ mấy xem thử chìa khoá xe có còn đây không, trong khi Vi lo lắng hỏi:

“Anh nhớ khoá kỹ chưa?”

“Rồi. Hai khoá xích ở hai bánh, một chìa khoá cổ, một chìa khoá máy. Ở gần cầu có trạm kiểm soát của cảnh sát, tụi ăn cắp tưởng xe lính không dám động đến đâu. Chuyện gì đây cũng nghĩ tới cả. Đây Vi coi, có phải chiếc xe để ngay sau lưng trạm gác cầu không?”

Vi chăm chú nhìn theo hướng chỉ của Tuấn, gật gù không nói gì. Dưới kia nhà cửa san sát, mái ngói đỏ chen lẫn mái tôn bạc xếp hàng bám dọc theo hai bên quốc lộ. Con đường nhựa nhỏ uốn mình dịu dàng qua một vùng nhà cửa đông đúc, ngập ngừng đến trước một thánh đường, hùng dũng xẻ hông một đồi đất đỏ, rồi mạnh dạn vượt qua đầm nước xanh. Chiếc cầu sắt nhỏ nhắn như đồ chơi, và mỗi lần chiếc xe tí hon đi qua, cây cầu oằn mình chịu đựng, tiếng xương xóc loảng xoảng vang tận đến đỉnh núi này. Vi quên những ý tưởng tạp nhạp lúc nãy, bảo Tuấn:

“Trên cao nhìn xuống có khác. Thứ gì cũng giống như đồ chơi của trẻ con. Anh trông mấy chiếc xe chạy có vui không. Y như xe nhựa họ bán dưới chợ”.

Tuấn cũng nói:

“Ừ còn mấy người này nữa. Như kiến bò. Con kiến bò chậm chạp chỗ trước nhà thờ này là người đi bộ. Hai con kiến bò nhanh hơn chút xíu này chắc là người đi xe đạp. Còn chỗ kia, đi xe gắn máy”.

“Cái đầm này nữa, em tưởng rộng lắm, hoá ra chỉ là một vũng nước cạnh mà thôi”.

Tuấn cúi xuống nhặt một hòn đá dưới chân, tìm thế đứng thuận tiện để ném mạnh xuống chân núi. Vi hỏi:

“Anh định làm cái gì vậy?”

“Thấy cái đầm gần quá. Chắc ném viên đá này thế nào cũng rơi tồm xuống nước”.

Vi nửa tin nửa ngờ, tìm cách hạ bớt sự kiêu căng của Tuấn. Nàng bật cười khi nhìn viên sỏi trong tay Tuấn:

“Viên cuội tí teo này mà anh dám bảo là viên đá. Cuội khác đá khác. Đá là những phiến lớn, có thể dùng để xây tường. Còn cuội là những viên đá nhỏ dưới lòng suối, bị nước chảy mài nhẵn các góc cạnh. À mà này, sao trên đỉnh cao lại có cuội anh Tuấn hử?”

Tuấn hạ tay xuống, nhìn kỹ lại mới thấy Vi nhận xét đúng. Chàng đang cầm một hòn đá tròn láng đẹp, như những viên đá đủ hình dạng bà ngoại vẫn thường dùng để dần các thạp dưa cải ở thôn quê thời nhỏ. Tuấn không biết giải thích thế nào, chỉ đáp bừa:

“Có thể nước mưa cũng làm cho đá mòn đi”.

Vi cãi:

“Không thể được. Chỉ đá suối mới thế này. Chắc chỗ mình đứng đây ngày trước là lòng suối. Rồi qua bao nhiêu niên đại, trời đất rung chuyển, suối sâu nổi lên thành đỉnh núi cao. Thương hải biến vi tang điền mà. Anh thấy không?”. “Vi nói chữ nho không thua gì bà Đoàn Thị Điểm”. “Em nói giỡn. Mới học lõm của thầy Việt văn hồi chiều hôm qua đấy”.

Tuấn cảm thấy thích thú vì vẻ nhanh nhẩu, giọng nói tíu tít của Vi, giọng của Vi, Tuấn nghĩ, có cái gì vừa giống với tiếng chim bồ câu gù những buổi trưa vắng, vừa giống tiếng chim sẻ ríu rít ở cây vòng đầu phố. Tuấn nói:

“Tưởng tượng mình đang đứng thế này, trời đất chột ngả nghiêng, và chớp núi thành ra lòng sông sâu thì vui lắm hả?”

Vi lim dim cặp mắt tưởng tượng cảnh vũ trụ biến đổi ấy, tưởng tượng cơn đại hồng thủy của ngày tận thế. Nàng chậm rãi nói:

“Vui gì. Sóng chắc lớn lắm. Mình không bơi nổi đâu”.

Tuấn bỏ Vi chạy lại ôm chân cây thánh giá bằng gỗ, quay về phía Vi nói:

“Thì ôm lấy cây thánh giá này cũng đủ sống. Gỗ nổi trên mặt nước. Lại thêm Đức Chúa Trời nhìn xuống...”

“Anh đừng làm thế. Vi không thích”.

Nét mặt Vi khiến Tuấn e ngại, tự hiểu nên dừng lại. Đi quá một chút nữa là vỡ. Tuấn nhảy xuống chỗ đất bằng phẳng cạnh Vi, chuộc lỗi bằng cách trở lại ý tưởng khiến nàng thích thú ban đầu:

“Đó Vi biết Tuấn quăng viên cuội này tới đầm không?”

Vi làm hoà:

“Chưa chắc”.

“Nói cho dứt khoát đi. Một là chắc hai là không. Coi kìa, cái đầm hẹp như một vũng nước tù. Con đường như sợi chỉ. Cây cầu ỏi ẹp. Chỉ cần vung tay mạnh một cái, viên cuội rơi tòm xuống đầm liền”.

Giọng tự tin của Tuấn đưa đẩy Vi chọn lập trường đối nghịch. Vi bĩu môi thách thức:

“Không. Nhất định không. Sức anh bao nhiêu mà đòi ném được đến tận bờ đầm”.

Tuấn không nói gì, dùng hết sức bình sinh quăng mạnh viên cuội về hướng đầm. Viên cuội rơi đâu đó, ở lưng chừng núi. Không tạo lấy một tiếng vọng nhỏ. Và còn xa, xa lắm mới tới được bờ nước xanh. Vi cười ròn rã để chế giễu Tuấn. Tuấn cúi xuống định lượm một viên cuội khác nhưng nghĩ dù cố gắng thế nào cũng vô ích nên lại thôi. Vi thôi cười, đưa ra nhận xét:

“Tại sao đá chạm vào vách đá mà không có tiếng vọng lại anh Tuấn hả?”

Tuấn trả lời ồm ồm:

“Có lẽ nó rơi vào một bụi chim chim”.

Vi chột cười rộ, tinh nghịch:

“Hay anh ném mạnh tay quá, nó rơi tuột vào hư không rồi”.

Tuấn không trả lời được, chỉ biết cười trừ. Mãi một lúc sau anh chàng mới nói:

“Có lẽ thế. Khi nào chỗ này thành suối, tiếng cuội mới dội đến tai Vi”.

Vi bĩu môi:

“Lại xạo”.

Tuấn nhìn môi dưới của Vi vều ra, đôi mắt đen sáng, da mặt hồng, mái tóc rối dán mỏng lên khuôn mặt rịn ướt mồ hôi, ngây ngất đứng nhìn quên cả phép lịch sự, Vi nói lảng:

“Chỗ này bắt đầu bị nắng rồi. Nóng dễ sợ. Qua bên kia chắc có bóng mát”. Rồi không chờ Tuấn trả lời, Vi vịn bờ đá chuyển qua bên kia đỉnh núi. Bóng mát phủ lên trên một vùng đất phẳng khác hẹp hơn giữa hai vách đá dựng. Bên kia cách không bao xa bao nhiêu là một đỉnh núi khác, vì vậy gió đồng nội bị dồn vào khe đá này kêu vù vù. Tuấn theo kịp Vi nhảy vào chỗ bóng mát, nói:

“Đây là đỉnh gió hú, Vi thấy đúng không?”

Vi không trả lời vì đang bối rối giữ chặt lấy vạt áo dài. Gió thổi mạnh, dán chặt vạt quần mỏng lên người Vi. Thấy Tuấn vẫn đăm đăm nhìn mình, Vi chỉ vào vách đá nói:

“Người ta mang cả sơn lên đây đề chữ lưu niệm nữa, thấy không”.

Tuấn nhìn theo hướng Vi chỉ. Trên vách đá, chữ nghĩa đủ cỡ đủ kiểu kẻ ngang kẻ dọc chẳng chịt, chữ nọ quần quít lấy chữ kia. Gần chỗ Tuấn đứng nhất, có ba chữ sơn đỏ đề: HOÀ KHÁNH PHI. Tuấn nói:

“Đây chắc là tên ba cậu con trai lên đây tìm cảm giác mạnh. Lên đây làm người hùng. Làm nhà chinh phục”.

Vi ngồi xuống cho gió khỏi thổi mạnh vào áo quần, trả lời:

“Sao anh biết con trai? Chỉ có con trai leo núi được thôi sao? Hoà, Khánh, Phi có thể là tên con gái”.

“Hoà với Khánh có thể là con gái được đi. Nhưng Phi? Con gái mà thích bay à?”

“Vậy thì một chàng trai và hai cô gái”.

“Thằng con trai nào ngu thế?”

“Vậy sao mới khôn?”

Tuấn nhìn Vi định nói, nhưng không dám. Chàng chuyển sang chuyện khác:

“Thôi. Còn chữ này nữa: ÂN ĐỀN OÁN TRẢ. Bên dưới lại có một mũi tên xuyên ngang qua trái tim. Máu nhỏ giọt. Chắc chắn của một thằng thất tình, bị đá đau đâm ra cay cú hận đời”.

Vi cười:

“Đâm trúng tim thì chết nghèo rồi còn đâu nữa mà oán hận”.

“Còn một lô các chữ viết tắt quần quít lấy nhau thì dễ đoán quá rồi. NTN là Nga, là Nhung, là Nguyễn, là Nguyệt. T là Tiêu, là Tân, là Tài, là Tiến, là... là...”

Tuấn tìm không ra tên một người con trai vần T. nào khác, cổ kéo dài thì giờ để hoãn binh. Vi buột miệng nói:

“Là Tuấn nữa. Nga Tuấn, Nguyễn Tuấn, Nhung Tuấn, Nguyệt Tuấn”.

Vi vừa nói vừa cười tinh nghịch. Nụ cười đó khiến Tuấn bạo dạn hơn, Tuấn nói:

“Mình quên không đem sơn theo viết lưu niệm chơi”.

Vì mím môi, ngập ngừng một lúc, cuối cùng đánh bạo hỏi:

“Viết thứ gì?”

“Thứ gì không được. Mình ghi ngày hôm nay 29 tháng 5. Mình ghi địa điểm, Đỉnh gió hú”.

Vì trề môi chề:

“Không có nghĩa gì cả”.

“Không cần ai hiểu. Chỉ cần hai người nhớ tới một ngày, một đỉnh cao là đủ”.

Vì im lặng không nói gì. Một lúc, nàng chỉ xuống bãi tha ma bên dưới núi:

“Ở đây có một nghĩa địa mà lâu nay Vì không biết. Chết chôn ở đây sướng hơn ngoài nghĩa địa Phật giáo. Gần đỉnh núi cao, mình thấy phiêu diêu”.

Nói xong, Vì mới hiểu mình đang nói gì, rồi cái nhìn của Vì xác định dần. Vì chú ý nhìn. Đằng dưới xa kia, bên cạnh nghĩa địa, một người đàn bà và một đứa con nít đang lượm những viên đá rải rác trong thung lũng dồn lại thành đồng để bán cho các nhà thầu xây cất. Hai mẹ con (Vì đoán vậy) đứng xa quãng từng viên đá lại đồng đá đã cao. Tiếng đá chạm vào nhau nghe nhỏ mà thanh, nhưng tiếng động đi chậm nên họ thu tay về Vì mới nghe âm vọng lên đỉnh núi. Vì thích thú nhớ lại lời ba hoa của Tuấn khi nãy, cười bảo chàng:

“Anh thấy không, tiếng đá chạm vào nhau vẫn dội lên tới đây, tuy có hơi chậm một chút. Chỉ có viên cuội nhỏ của anh là bật tằm. Chắc chắn nó vào hư vô rồi”.

Tuấn cười giả lả:

“Thôi đừng nói mịa nhau nữa. Đá chạm vào đá, tất nhiên phải kêu lớn. Vì coi đây này”.

Tuấn nhặt một cục đá nhọn lên, đập mạnh vào vách đá dựng. Tiếng chạm khô, chói, sắc sảo y như tiếng vọng từ khu nghĩa địa. Nhưng Tuấn hơi lấy làm lạ. Vách đá thật cứng. Cả viên đá nhọn cũng vậy. Tuy Tuấn cố ý đập mạnh để giải toả sự bức bối vẫn không có chút bụi đá nào toả ra. Tuấn nói:

“Chà. Không biết loại đá gì mà cứng dữ. À, phải rồi. Vì này”.

“Cái gì, anh?”

“Mình không đem theo sơn, thì lấy đá nhọn khắc chữ lên chỗ gió hú này để lưu niệm”.

Vì ngần ngừ sợ Tuấn giảng một cái bẫy nguy hiểm khác. Tuy vậy Vì vẫn hỏi nhỏ:

“Anh khắc chữ gì?”

“Đá cứng quá. Mình khắc cái gì đơn giản. Hai chữ V.T. chẳng hạn”.

Vì cố ý xuyên tạc để che giấu e thẹn:

“Vũ Tuấn. Còn thiếu chữ Đức nữa. Vũ Đức Tuấn. Anh phải khắc đủ ba chữ Vũ Đức Tuấn”.

Tuấn cười nhẹ, nhìn Vì đang đứng dựa vào bờ đá:

“Hay khắc chữ T.V. vậy”.

“Ai mượn anh khắc tên trường của Vì làm gì. Em học Trinh Vương, ai không biết”.

Tuấn hơi bức bối, giọng nói chen chút ít phẫn nộ:

“Ai muốn hiểu sao thì hiểu. Ai muốn giả bộ mù thì cho mù luôn. Đây cứ khắc”.

Tuấn dùng cả sức mạnh hai cánh tay để ấn cạnh viên đá nhọn vào vách núi. Vì đứng nhìn Tuấn,

cười khiêu khích. Tuấn liếc nhìn Vi, thấy gió hất cả mái tóc Vi ra phía sau lưng, phơi trọn khuôn mặt trái xoan ửng hồng. Tuấn hăm hở vạch lại nét ngang của chữ T, nhưng viên đá chọt lên vách núi khiến chàng ngã quỵ sang bên phải.

Vi cười, giọng thách thức:

“Sức mấy”.

Tuấn chống tay đứng dậy, ngược lên nhìn Vi. Bấy giờ gió thổi mạnh hơn, thổi bay hai vạt áo trắng của Vi lên trời, phát phới như hai chiếc cánh thiên thần, trong khi vải quần mỏng mịn dán chặt lên hông, lên đùi nàng. Tuấn cảm thấy choáng váng, tim đập mạnh, máu nóng bùng bùng. Chàng muốn quỳ lạy trước mặt Vi nhưng đồng thời cũng muốn sông trọn cái mãnh liệt của gió hú. Vi thấy đôi mắt Tuấn nhìn mình khác thường, sợ hãi kéo vạt áo lại giữ chặt không cho gió cợt. Tuấn ấp úng một lúc, rồi nói trong mê cuồng:

“Không khắc được lên đá, thì khắc lên da thịt của Tuấn vậy. Tuấn viết tên trường TV lên cánh tay này, được không?”

Vi chưa kịp hiểu, thì Tuấn đã dùng đá nhọn vạch lên cánh tay trái. Nét ngang chữ T làm Tuấn đau nhói. Nét dọc chữ T làm Tuấn xót xa. Nhưng đau đớn dần quen, chàng vạch chữ V lên da thịt với tất cả ngây ngất. Tuấn đưa cánh tay có hai chữ TV rướm máu đỏ về phía Vi. Vi sợ đến nổi gai ốc, nhìn xuống chân núi muốn trốn nhưng hai bàn chân cứ dính chặt lên mặt đất, chết đứng trong mê mẩn. Nàng khuyu xuống lúc nào không hay, trước mắt trời đất đảo điên. Tuấn vội vã ném đá đến ôm lấy Vi. Chàng cảm thấy Vi mềm nhũn trong tay mình, đầu ngã ra phía sau để tóc bay quăn quanh cổ, mắt đờ đẫn. Tuấn không ngần ngại nữa, dúi mặt vào cổ vào tóc Vi, nếm vị mặn của mồ hôi và nước mắt trên chiếc cằm mềm của Vi, tham lam chiếm lấy đôi môi hờ của Vi. Vi khóc lặng lẽ, và cả Tuấn cũng khóc tự lúc nào không hay. Chàng giữ Vi như vậy khá lâu, thật lâu, chìm đắm trong tiếng gió hú và trong đám mây cuộn cuộn của hoang mang. Nếu mặt trời không lên quá đỉnh núi và chiếu thẳng vào hai người, chắc Tuấn và Vi cứ ngồi hoài như hai pho tượng bần thần. Vi ý thức được thực tại trước, e dè gỡ vòng tay Tuấn rồi đứng dậy. Tuấn vẫn ngồi trên mặt đất như cũ, đôi tay mở rộng ôm lấy khoảng không, ngược nhìn Vi trước mặt, Tuấn thì thào:

“Em nói phải lắm. Trinh Vương. Chính em là Trinh Vương. Hai chữ này ghi đậm trong da thịt Tuấn hình ảnh Trinh Vương, một thừa...”

Vi sợ hãi quay mặt đi không dám nhìn cánh tay và gương mặt Tuấn. Chờ một lúc lâu không thấy Tuấn nói tiếp điều gì, Vi không quay lại, nói với Tuấn:

“Thôi mình về trưa rồi. Chắc ba anh đợi xe”.

Từ đó hai người thất thủ bước xuống dốc núi, tâm hồn cùng rã rời ê chề. Cả Vi lẫn Tuấn đều không hiểu rõ kinh nghiệm xa lạ mình vừa trải qua, không thể biết đó là niềm hoan lạc giả tạo hay là nỗi khổ đau thật sự. Cả hai đều hoang mang, tiếc nuối đến xót xa, sợ hãi một thứ mây lạc trên nền trời thơ ấu quen thuộc. Đi ngang qua cây thập tự, Vi không dám ngược nhìn, chỉ chú ý bước chân mình. Còn Tuấn thì muốn thoát khỏi trạng thái mập mờ, muốn dứt khoát xa đỉnh gió hú để trở lại lưng thấp ồn ào. Chàng nói băng quơ:

“Chiếc Honda còn kia”.

Vi nhìn xuống phía chiếc cầu sắt, công nhận lời Tuấn nói đúng. Cái xe gắn máy Nhật màu đỏ vẫn còn dựng gần bên trạm canh. Nhưng ở trước trạm, xe cộ nối đuôi nhau chờ. Càng xuống thấp, Vi càng phân biệt rõ thêm hình dáng những người lính quân cảnh đang đi qua đi lại bên này cầu.

Vi thắc mắc hỏi:

“Sao lính họ tụ tập đông quá vậy anh? Toàn là quân cảnh”.

Tuấn giật mình, nhìn chăm chú về phía chiếc xe. Chàng hiểu rõ tại sao quân cảnh canh gác nghiêm ngặt con đường độc đạo ra khỏi thành phố. Hôm qua là ngày chót tất cả thanh niên lứa tuổi Tuấn phải trình diện ở trại nhập ngũ. Tuấn đã sống qua một đêm bất hợp pháp, và đối cha để sống thêm một buổi sáng bên lề pháp luật, bên trên nhân gian. Bây giờ Tuấn mới biết mình đã đại dột khi khoá xe gởi ngay sau trạm canh cầu. Làm thế nào bây giờ?

Chàng muốn lần lút đi vào lối cấm để tìm lại lần nữa cảm giác xa lạ trên đỉnh gió hú, cái cảm giác làm Tuấn vừa run rẩy sợ hãi vừa ngây ngất đam mê.

Tuấn nhìn Vi đang lặng lẽ bước trên con đường quanh co giữa những bụi chim chim xơ xác. Tuấn gọi:

“Vi này?”

“Cái gì anh?”

“Có giận Tuấn không?”

Vi ngập ngừng:

“Em không biết. Anh hung dữ quá làm Vi sợ. Cánh tay có đau lắm không?”

“Thâm gì. Tại anh bức bội. Bức bội mình chứ không phải tại Vi đâu. nhưng thôi. Bây giờ cho Tuấn nhờ một chút được không?”

Vi dừng lại, giọng nói quả quyết vì không sợ bất cứ bấy ngăm nào của Tuấn nữa:

“Được chứ. Anh nhờ Vi chuyện gì?”

“Tuấn trình diện trễ. Bây giờ ra lấy xe, bị quân cảnh tóm là cái chắc. Tuấn đi dọc mé núi, lặn theo ngả này. Vi ra đem giùm cái Honda về trường đợi Tuấn, được không?”

Vi đáp liều:

“Được mà. Đưa chìa khoá cho Vi”.

Nàng quên hỏi rõ chìa khoá nào mở dây xích trước, chìa nào mở dây xích sau. Vi cũng chưa phân biệt được chìa khóc máy và chìa khoá cổ. Vì vậy lúc đến trạm canh Vi hí hục mãi vẫn chưa mở hết được các ổ khoá. Mấy người lính quân cảnh tinh nghịch bu quanh Vi, chẳng những không giúp đỡ mà còn chống nạnh đứng cười. Vi bối rối thêm. Nàng thở phào nhẹ nhõm lúc mở hết được các ổ khoá. Vi vội vã dắt xe tránh khỏi đồn canh. Đến phía bên kia đường, Vi lên yên đạp mạnh cần đề nhiều lần, nhưng vì không quen tay ga, xe không nổ. Trong khi đó, mặt trời lên cao, ánh nắng càng gay gắt. Mồ hôi ướt cả lưng áo dài của Vi.

Nàng dắt chiếc xe của ba Tuấn đi dọc theo quốc lộ, lòng chùng lại. Mồ hôi nhỏ từng giọt trên má. Khi một dòng nước ấm chảy xuống môi, và Vi nếm thấy vị mặn, nàng mới biết mình đã khóc. Nhưng Vi chưa rõ vì sao, nên lòng cứ bập bênh hoang mang, mãi mãi, hoài hoài.

Mẹ và con

Từ văn phòng xuống lớp, tôi phải qua một khoảng sân nắng còn bốc bụi mù mịt. Học sinh đã vào lớp, nhưng những bước chân chim nhảy nhót đùa giỡn mấy phút trước đó, vẫn còn lưu dấu trong không khí. Tôi ngửi thấy mùi hăng hăng của cát nóng, mùi ngai ngái của lá me khô, và thoang thoang đây đó mùi khét nắng của những mái đầu tóc hoe. Tôi cười một mình. Cát nhỏ rào rạt dưới chân. Gót guốc cắm sâu vào lòng đất, cắm thật sâu, nhưng ăn thua gì, khẽ nhấc một chút, chiếc guốc đã nhẹ hẫng. Gió lên cao hơn lệ thường, tôi ấn mạnh guốc xuống cát lún chút nữa. Nhưng tôi vẫn bước. Đôi gót lẳng du. Vì, đúng là đôi gót lẳng du, thích chạy nhảy quanh co, đùa cợt, quên hết cả giờ giấc như lũ học trò của tôi. Nắng thêu hoa lên mặt sân. Cát ươm nồng không khí. Bụi bay lẳng đặng nhẹ nhàng... Tôi chợt vui vô cớ. Tôi hát, tôi hát nho nhỏ, một bài gì đó đầu Ngô mình Sở nhưng chắc là một khúc vui vì nhịp nhanh và ríu rít như tiếng chim sẻ trên cành bàng phía trước văn phòng. Lũ học trò đang lao xao trong kia. Cái lũ quỉ. Đã dặn không biết bao nhiêu lần là khi cô chưa kịp tới, phải ngồi vòng tay lại, không ai được nói chuyện, không ai được đập bàn xô ghế. Liên toán trưởng phải có phận sự lên đứng trên bục cao nhìn xuống phía dưới lớp ghi hết tên đứa nào không cho đôi môi kịp làm da non. Cứ biên hết tên lũ quỉ đó cho cô. Nhiều lần thằng liên toán trưởng phân vân. Nhưng thưa cô tui nó không sợ em. Em mới mở miệng, tui nó đã ê xuống đi. Tôi đã mách nước cho thằng liên toán trưởng: “Thế này nhé, em được cả lớp bầu lên chứ phải chuyện chơi đâu. Em được cô tin cậy, như vậy em phải cho tui nó thấy cái oai của em chứ. Em đứng thế này này. Đứng thật thẳng. Hay tay chấp sau lưng. Ngực hơi trồn tới một chút. Em nhìn chăm chăm không chớp mắt xuống phía dưới, ráng đừng có nhảy. Em nhìn quét một lượt từ phía phải qua phía trái, rồi lại nhìn từ trái qua phải...”

Lúc tôi đến cửa lớp, bọn quỉ đang chọc ghẹo nhau, la hét chí chöhe trong khi liên toán trưởng hí hoáy ghi gì đó lên bảng. Thằng bé chắc nó áp dụng bài học của mình, sau khi nghiêm nghị ra uy đã cương quyết ghi tên bọn mất trật tự lên bảng cho cô phạt. Tôi bước vào, cả lớp đứng dậy đồng loạt, im phăng phắc, không nhúc nhích, y như những pho tượng trong cái nhà mồ xi măng vuông vức sáu thước bề ngang, sáu thước bề dọc. Liên toán trưởng ngượng ngịu bối rối, nửa muốn đưa tay xóa hàng chữ trên bảng nửa muốn trở về chỗ mình. Tôi đọc thấy hàng chữ nguệch ngoạc “yêu cầu các trò...” Chết rồi! Yêu cầu! Yêu cầu! Làm lớn mà không dám ra uy, còn xuống giọng năn nỉ, yêu cầu các trò im lặng không thì cô la. Tôi bắt đầu ra dấu cho Tuấn về chỗ, chậm rãi bước lên ngồi trên bàn thầy. Đứa nào đó trong đội trực đã cắm vào bình hoa hai cái bông trang và mấy nhánh lá xanh. Chiếc khăn phủ bàn bằng ni lông trắng thật ngay ngắn, phẳng phiu. Đám học trò của tôi đáng yêu biết bao nhiêu. Tại sao tôi có thể gắt gỏng với những tâm hồn thơ ngây, những nét mặt non nớt này cho được. Tại sao có lần tôi đã ôm đầu mà thét lên trước mặt hiệu trưởng: “Anh cho tôi đi. Làm ơn cho tôi thoát khỏi cái địa ngục này. Toàn là lũ quỉ sứ, ồn như cái chợ và khét nắng không chịu nổi”. Tôi ngắm hai cái bông trang trong bình, nói với học trò:

“Các em lấy vở viết chính tả”.

Như một phép lạ, tiếng ồn ào vỡ như thác nước. Cả tụi nhao nhao:

“Cô chưa cho ngồi xuống mà cô!”

Tôi cười giả lả, phác tay bảo:

“Ồ, cô quên, thôi các em ngồi xuống đi. Môn đầu tiên là viết chính tả phải không?”

“Dạ, chính tả cô”.

Tôi quay xuống hỏi:

“Em nào xung phong lên viết bảng”.

Dường như không có đứa nào không đưa tay xung phong. Lần nào cũng vậy! Không hiểu được lên bảng, ngoáy phía sau cái màn che vải xanh phai màu để nắn nót viết những hàng chữ xiên xẹo lên dóc xuống ghềnh có cái gì hấp dẫn, đến giờ chính tả, đứa nào cũng tranh nhau giơ cao tay cho cô chọn. Một ý nghĩ ranh mãnh chợt đến, tôi nói:

“Cô biết chọn ai bây giờ! Thôi, cô chỉ chọn những em đẹp trai thôi!”

Quá nửa lớp rụt rè rút tay lại, không nhí nhóm như trước nữa. Mấy đứa biết rõ mình đẹp trai, hết sức tự tin, đứng thẳng người lên, đưa tay cao lên hơn. Thấy vẻ tiu ngiu của mấy đứa xấu, tôi hồi hận. Sao lại tạo cho mấy đứa bé ngây thơ này sự thắc mắc vô lối về chuyện đẹp xấu, gieo cho chúng niềm oán trách hờn tủi đối với số phận, đối với Thượng đế? Mình có điên không đây? Trời đâu đã nắng bao nhiêu, và gió nam chưa thổi mà Nhàn! Mày có điên không Nhàn! Tôi bối rối, bảo học trò bỏ tay xuống, giải thích cho chúng hiểu:

“Cô nói đùa đó. Cô thương các em đồng đều, không phân biệt lớn nhỏ, giàu nghèo, xấu đẹp gì hết. Các em đừng có mặc cảm”.

Lũ trẻ ngơ ngác không hiểu. Thằng Tuấn giơ tay hỏi:

“Thưa cô, mặc cảm là sao hở cô?”

Mày lại làm lần nữa rồi Nhàn! Lũ trẻ lớp bốn có hiểu gì đâu mà nói chuyện mặc cảm không mặc cảm! Tôi không biết phải giải nghĩa thế nào, vừa nói băng quơ, vừa tìm ý.

“Mặc cảm hả! Mặc cảm là... là mặc cảm. Chờ các em lớn hơn cô mới giải thích được. Cô cho ví dụ như thế này nhé. Như em Trần Xuân Đức ngồi chỗ cửa sổ kia”.

Thằng Đức giật mình không hiểu cô muốn gọi mình làm gì, sợ sệt đứng dậy. Cả lớp reo lên thúc dục:

“Đức vồ! Đức vồ! Cô gọi kia!”

Tôi cười bảo Đức ngồi xuống, rồi chờ cho cả lớp yên lặng mới nói:

“Các em đặt cho Đức cái biệt hiệu Đức vồ, vì Đức có cái trán lồi hơn thiên hạ một chút. Đầu tiên Đức đâu có để ý, phải không. Nhưng về sau nghe các bạn chế nhạo, em chột dạ, cứ vuốt vuốt cho mái tóc trước trán che lấp phía trước, che lấp cả mắt luôn”.

Cả lớp lại cười ồn ào. Tôi hỏi tiếp:

“Như vậy là Đức có mặc cảm”.

Thằng Minh giơ tay hỏi:

“Thưa cô, như vậy mặc cảm là cái gì xấu trên thân thể mình phải không cô?”

Những đứa khác cũng còn thắc mắc nhưng sợ không dám hỏi, nên chú ý nghe lời tôi giải đáp. Tôi nói:

“Không phải thế. Mình hiểu lầm rồi. Thôi cô lấy một ví dụ nữa nhé. Tại sao em cứ đội mũ hoài vậy Minh? Vào lớp mát em đội mũ, ra sân có bóng mát, em cũng đội mũ. Cô vào lớp, em mới chịu bỏ mũ ra”.

Minh bẽn lẽn, trả lời ngập ngừng:

“Mấy bữa nay trời nắng quá cô”.

Cả lớp cười ồn lên. Đứa nào đó nói lớn:

“Không phải, Minh gáo nói xạo!”

Tôi làm mặt nghiêm để tái lập trật tự. Tôi nói:

“Nhiều hôm trời không nắng em vẫn đội mũ. Cô biết hết. Chỉ vì em sợ tụi bạn quí sứt len lén đến phía sau lưng đưa tay xoa cái đầu trọc của em rồi la lên: Minh Gáo! Minh Gáo!”

Minh then, ngồi im một chỗ không nói gì được. Tôi hơi hối hận, nhưng muốn nhân cơ hội tìm hiểu vì sao Minh thường cúp một cách tàn sát, trọc lóc như các nhà sư, tôi nói:

“Em sợ tụi nó chòng ghẹo nên đội mũ. Đó là mặc cảm. Nhưng cô hỏi thật nhé, tại sao em không cúp cao hơn một chút?”

Minh đứng dậy, giọng lí nhí:

“Thưa cô, cha mẹ bảo cúp như vậy cho được lâu, đỡ tốn tiền”.

Không khí trong phòng có vẻ ngọt ngào, vì sự nghiêm nghị, then thùng của tôi. Mãi vui tôi đã vô tình gọi cho Minh một điều em cố quên: Cái nghèo. Lũ học trò thấy vẻ mặt tôi, không dám vui đùa tự nhiên la hét nữa. Để xóa tan nỗi khổ tâm của Minh, tôi gắng cười nói, san sẻ bớt mặc cảm của em cho mấy đứa khác:

“Mà thôi, chuyện đó có gì đáng buồn đâu. Em nào lại không có cái hơi lạ, hơi khác thường cần phải che giấu bạn bè. Này nhé, trong lớp này, cô thấy thiếu gì! Có em cả tháng trời không chịu tắm, cổ có ba vòng kiềng đất đen. Mỗi lần cô gọi lên đọc bài cứ co ro thụt cổ thun vai cho cô khỏi trông thấy. Ai đó?”

Cả lớp lấy lại niềm vui ban đầu, trả lời lớn:

“Đồng đất”.

“Có em không hiểu vì sao cứ áy náy mãi về cái quần, cái nịt của mình. Mỗi lần cô kêu lên bảng, trước khi gân cổ lấy giọng đọc bài em đó luôn luôn đưa tay lên nịt rán kéo lên”.

“Bình Xách Quần”.

“Có em vì không nghe lời cha mẹ, cả ngày chạy rong ngoài đường, nắng đốt đen thui cả mặt mũi, chân tay”.

“Tương Ông Táo”.

“Thôi, mất thì giờ nhiều rồi. Cô chọn một em lên viết chính tả nhé. Cô chọn một em không mặc cảm”.

Tôi giơ tay chỉ lên trần, xoay người đảo một vòng như cái quay bán kẹo kéo trước cổng trường. Cả lớp yên lặng chờ đón. Tôi xoay qua xoay lại hai ba vòng, cuối cùng chỉ vào Tùng.

Cả lớp cười rồ, reo lớn:

“Tùng Bì Li! Tùng Bì Li!”

Tùng hãnh diện ra mặt, chạy nhanh lên bục, kéo mạnh cái màn che hết tấm bảng gỗ sơn màu lá cây. Che kín xong, Tùng ngồi xuống chui ra ngoài, đến bàn tôi lấy viên phấn. Tôi bảo cùng cả lớp:

“Các em viết cẩn thận nhé. Nhất là dấu hỏi, dấu ngã. Lần này em nào còn viết lầm hỏi ngã cô sẽ trừ

một điểm chứ không phải trừ nửa điểm như kỳ trước. Nhớ chưa?”

“Thưa cô, nhớ”.

Chờ cho Tùng chui trở vào màn, tôi đọc:

“Chính vì con

Chính vì con mà người thợ xay bột...”

Tương Ông Táo láu táu hỏi:

“Bột viết C hay T cô?”

Tôi mắng át:

“Viết chính tả mà còn hỏi cô. Vớ lại hỏi gì mà dần vậy. Bột viết C thành ra chữ gì?”

Bây giờ cả lớp mới thấy cái ngớ ngẩn của Tương, ồ lên cười. Chờ cho chúng im lặng trở lại tôi đọc tiếp:

“... mà người xay bột phải mặc quần áo đầy bột trắng xoá. Chính vì con mà áo người hàng thịt nhuộm đỏ đầy những máu. Chính vì con mà nhà nông bị cháy nắng, dày dạn gió mưa. Chính vì con mà người thợ máy phải đứng trên đầu xe lửa, mà người lính phải chiến đấu ngoài biên thùy. Mỗi người trong khi làm việc riêng của mình phải phục vụ được toàn thể đồng bào. Ngày nào mà con đã hiểu mọi điều đó...”

Chờ cho học sinh viết tiếp, tôi đưa mắt nhìn quanh lớp. Dứt góc trái, thằng Viên ngồi cắn quăn bút không viết, nhìn lơ đãng ra phía hàng rào dây thép gai đan theo hình ô vuông. Tôi hỏi:

“Viên, sao không lo viết mà ngồi thờ ra đó thế?”

Viên giật mình cúi xuống vở, nhưng vì không nghe câu trước nên phải quay sang hỏi đứa bên cạnh. Thằng Đồng lắc đầu quầy quậy, lấy tay che kín trang vở. Thấy dáng Viên tội nghiệp quá, tôi nhắc lại:

“... Ngày nào mà con đã hiểu mọi điều đó, không những con sẽ kính trọng những người lao động ấy, mà lại còn cố gắng để thành người có ích cho xã hội. Chấm hết. Cô đọc lại dò nhé!”

Lúc chấm điểm cả lớp đều khá cả, chỉ trừ có Viên. Xoa viết thành xoa; nhuộm thành nhuộm; những thành những. Không thể chịu đựng được nữa. Tôi quát lớn:

“Học hành như vậy hả? Đi học một hôm nghỉ hai ba hôm. Ngồi trong lớp chỉ lo ngóng chuyện ngoài đường. Không muốn học nữa, thì nghỉ học đi, đừng vác mặt đến đây nữa”.

Viên cúi gằm mặt xuống bàn, vai so lại như run sợ vì không chịu đựng nổi những ánh nhìn thương hại, khinh bỉ của bạn bè đổ dồn về phía mình. Hình như Viên có khóc, vì Viên đưa cổ tay lên quệt nhiều lần ở mũi. Tôi vẫn giữ im lặng, để dần mặt một học sinh lười biếng và cảnh cáo những đứa khác. Không khí trong phòng lắng đọng, tù túng, căng thẳng. May mắn, lúc bấy giờ, chuông báo hiệu giờ ra chơi giục giã, nô nức.

*

Chưa kịp cho học trò ra sân, con Phương dạy bên lớp năm đã chạy đến trước cửa lén nhéo:

“Nhàn, ra tao nói cái này!”

Tôi vờ không nghe thấy, gắng làm mặt nghiêm bảo học trò:

“Các em khá lắm. Thôi ra chơi đi. Không được chạy nhảy nhiều rách quần áo mẹ. Không được

chọc ghẹo đập lộn nhau nghe chưa!”

Lũ trẻ đồng thanh trả lời:

“Nghe”.

Tôi vừa phát tay, cả lớp đã ủa ra khỏi phòng nức nộ như đàn ong vỡ tổ. Phương vẫn kiên nhẫn đứng chờ ngoài hiên. Tôi hỏi:

“Chuyện gì đó bà?”

“Ra đây. Vui lắm. Mà có biết chàng Tiêu hôm nay ăn mặc thế nào không?” Tôi miễn cưỡng đi theo Phương. Tôi muốn nói với cô bạn đồng nghiệp: “Biết rồi. Khổ lắm! Nói mãi!” Tiêu vừa đôi tới trường này sau khi được giải ngũ. Dáng người cao lớn, vạm vỡ. Vai rộng. Mái tóc cắt ngắn và màu da nâu, dấu tích của bao năm binh nghiệp, khiến ở Tiêu toả ra một vẻ cường tráng, cương nghị của những chàng giác đầu La Mã. Phương tíu tíu hỏi thăm người này một ít, người kia một chút, và chỉ trong vòng vài ngày sau đã biết rõ cuộc đời ái tình cự nghiệp của ông thầy mới. Phương chê Tiêu kênh kiệu, chê Tiêu thô. Bộ đi đứng cứng nhắc, thiếu vẻ nho nhã cần thiết. Chê Tiêu có đôi mắt lơ dờ, khác hẳn vẻ mơ màng của các nam nhân vật tiểu thuyết tình cảm của Phương đọc suốt sáng, suốt chiều. Chê Tiêu thiếu mái tóc óng ả nghệ sĩ của chàng tài tử Pháp mà Phương cắt báo xi nê lồng vào bìa vở soạn bài. Nhưng tôi biết Phương quá rồi! Gương mặt xương xương như bất cần của Phương như thêm một chút sinh khí xa lạ nào đó. Sáng nay Phương có thoa chút son hồng trên đôi má, đôi môi ướm vaseline. Phương nói liên miên, tôi chỉ nghe thấp thoáng, vì biết câu chuyện quanh quẩn bấy nhiêu. Nhưng Phương không chịu buông. Thuý ở lớp ba lên chú ý ngay chiếc áo hoa của Phương, nhận xét thật thà:

“Mày may áo mới hồi nào đó? Khổ người mày, nét mặt mày mặc áo hoa lớn đầu có hợp”.

Phương giận đến đỏ mặt. Nhân cơ hội hai cô bạn cãi vã nhau về thời trang ăn mặc, tôi tìm lối thoát:

“Thôi, cho tao về lớp một chút. Bỏ quên cái thẻ kiểm tra trong cái mu soa, sợ tội học trò lục lạo quăng mất”.

Tôi bỏ đi. Cả Phương và Thuý vẫn còn cãi một cách hăng hái. Bước vào cửa, tôi hết sức ngạc nhiên. Viên vẫn ngồi ở chỗ cũ, hí hoáy vẽ gì đó lên bàn học. Tôi hỏi:

“Sao không ra chơi hử Viên?”

Viên ngược lên, đôi mắt còn thật buồn:

“Thưa cô, em không thích. Ra nắng sợ đau”.

Lối thưa gửi lễ phép của Viên làm cho tôi cảm động. Tôi hỏi để giảng hoà:

“Khi này cô la, em có buồn cô không?”

“Dạ không, cô la đúng mà!”

Tôi đi xuống chỗ Viên, ghé ngồi lên bàn học sinh thấp lè tè và sơn màu nâu. Tôi hỏi Viên, có hạ giọng cho thật êm ái, hoà nhã:

“Cô hỏi thật. Tại sao Viên lười biếng vậy? Em học khá lắm, nhanh nhẹn và thông minh lắm. Nhưng mấy tháng nay, em đi học thất thường. Mà dù có đi, đến lớp ngồi thờ thần mất hồn như con cá ươn. Lúc này, tại sao đang viết chính tả, em ngồi thờ nhìn ra đường cái? Nhớ nhưng gì ngoài đó?”

Tôi đưa tay vuốt tóc Viên. Nó cảm động đến rơm rớm nước mắt. Tôi quay đi cho Viên khỏi thẹn và lấy lại bình tĩnh, Viên trả lời:

“Em viết xong câu chính tả cô đọc, ngừng lên nhìn tụi nó trong lớp có đứa ngoẹo đầu, có đứa mím môi đến tức cười. Có đứa nằm soài trên mặt bàn. Bỗng nhiên em nghĩ: Đứa nào cũng có Ba hết, trừ mình. Em buồn muốn khóc, không nghe tiếng cô đọc bài nữa”.

Tôi cảm thấy nghẹn ngào trong cổ họng, sống mũi nhột nhột. Tôi đã la oan cậu bé học trò bất hạnh của tôi. Mùi khét nắng toả ra từ mái tóc rối của Viên, lỗi ăn mặc cẩu thả dơ dáy của Viên, bàn tay dính đầy mực và những trang vở nhập nhoe chữ nghĩa của Viên không còn làm tôi khó chịu nữa.

Tôi hỏi:

“Ba em mất lúc nào?”

“Lâu rồi cô, cách đây bốn năm năm. Lúc ấy bé Xíu mới được có tám tháng”.

“Bé Xíu là em út của Viên hả?”

“Dạ. Tụi nó sợ em lắm. Thằng Trung học lớp hai dưới Mai Xuân Thưởng. Con Xíu phải ở nhà giữ em cho má đi làm”.

“Má em làm gì?”

“Dạ làm thư ký trong toà hành chánh. Má đi làm cả ngày thừa cô”.

Tôi tìm được một cơ chính đáng để khuyên răn Viên:

“Đấy em thấy không? Má em ở vậy. Suốt ngày đầu tắt mặt tối để ráng nuôi con, lo miếng cơm manh áo cho con đi học. Muốn mua cho em một quyển sách, muốn may cho em một cái áo, má phải vất vả biết bao ngày. Viên không biết nghĩ, bỏ lớp trốn học đi bụi đời ngoài đường là nghĩa lý gì! Má hi sinh cho Viên như vậy, nỡ nào Viên không thương má...”

Tôi còn định nói nhiều, thật nhiều. Tôi tưởng tượng Viên là Tường đứa con trai đầu của tôi. Sẽ có ngày bé Tường lớn lên, bằng tuổi Viên. Sẽ có ngày tôi khóc đến đỏ hoe cặp mắt khi hay tin bé Tường trốn học, la cà ngoài đầu đường góc chợ với lũ ma cô, ăn cắp. Tôi sẽ nói với bé: “Tường không thương mẹ sao Tường. Tường không nghĩ lúc mẹ dật dờ không ra người khi mang nặng thai con trên thân thể ốm yếu mảnh khảnh của mẹ. Tường không nghĩ nỗi lo âu của mẹ, bồn chồn khi con khê ho, khắc khoải khi con âm mình đi tuốt...” Tôi định nói, nói mãi nói hoài, nếu không nhìn trở lại dáng ngồi của Viên. Viên gục đầu lên bàn học, cổ dẫn lăm, nhưng không thể nào ngăn nổi những tiếng khóc âm ứ. Cuối cùng như một cơn nước lụt phá vỡ bờ đê, Viên khóc oà. Tôi luống cuống hỏi:

“Sao thế Viên? Cô có nói điều gì làm tủi thân em đâu. Sao thế Viên?”

*

Suốt ba hôm nay, Viên không đi học. Hôm đầu tôi nhìn về chỗ Viên ngồi, thấy trống, có cảm giác khó chịu của một kẻ thất bại. Tôi đã quá tin ở sức mạnh lời nói của mình. Viên đã khóc tức là đã ăn năn. Đứa con trai mười tuổi bất chấp mọi sự, ngồi khóc vùi trước mặt bạn bè, tất nhiên lòng nó phải xúc động cao độ, đến nỗi niềm kiêu hãnh chỉ là điều phù phiếm bả vơ. Trông cách Viên chăm chỉ viết tập, cẩn thận làm tính đồ, ngoan ngoãn vâng lời, tôi đã tin rằng Viên hối hận. Viên đã hiểu, Viên biết Viên làm khổ mẹ. Viên ham chơi không nghĩ đến nỗi xót xa như muối đổ vào lòng của người mẹ goá chất chiu từng chực từng đồng để gắng nuôi con nên người. Thấy Viên không đi học tôi bực mình. Hoá ra thằng bé vẫn chứng nào tật nấy: giả vờ khóc đấy rồi, buổi trưa về, nhìn cái bảng quảng cáo phim chương loè loẹt xanh đỏ trước rạp chiếu bóng, nghe tiếng nhạc dồn dập rộn rã từ loa phóng thanh, tiếng gọi quyến rũ của phố phường vẫn đủ sức lôi mạnh Viên về con đường cũ. Qua ngày sau, nhìn chỗ Viên ngồi tôi đâm ray rút tụi hỏi: Lỗi ở thằng bé hay lỗi ở mình. Tuổi thơ hồn nhiên, sống bằng những

sự việc trước mắt, lo ăn, lo ngủ, lo chạy nhảy nô đùa, có bao giờ thức mắc đến những vấn đề trừu tượng, phiền nhiễu. Chính mình đã đưa Viên vào một thế giới khác, nhọc nhằn hơn, ảm đạm hơn. Thế giới có những cơn lốc xoáy bụi mịn mù có những thác lũ cuộn cuộn quấy đục dòng sông tuổi thơ. Mặc cảm. Phải rồi. Chính mình đã khiến Viên mang nặng thêm một mặc cảm phạm tội, một gánh nặng làm còng chiếc lưng mềm, làm oằn đôi vai nhỏ. Viên không chịu đựng được nữa. Viên thua cuộc. Trong nỗi thất vọng Viên đâm liều, Viên nhủ thầm: Mình hư đốn quá mức rồi! Không còn có cách nào cứu vãn được nữa. Mình đã xuống cùng tận của đáy sâu hồi thối và nhơ nhớp. Thôi! Thà liều thả mình rơi xuống, vì đã đến nước này, có làm gì cũng chỉ là vô ích, phí công.

Hết trách Viên, tôi lại trách tôi. Tôi bức bối, cáu kỉnh vô cớ. Cả lớp mừng tượng cảm thấy một mối nguy hiểm thấp thoáng đâu đó, tự động giữ im lặng và nét mặt đờn nào cũng nơm nớp, lo lắng trong lặng lẽ. Một ngày đó, ở nhà, thằng Tường và con Tí lại đau. Tôi tưởng đang sống giữa địa ngục. Cho nên tôi vui mừng biết chừng nào, khi đến sáng hôm thứ ba, vừa vào lớp được bao mươi phút thì một người đàn bà dẫn Viên tới. Hôm ấy trời gió, hai cửa sổ và cửa lớn trông ra phía sân đều đóng im ỉm. Nghe tiếng gõ, Tuấn nhanh nhẹn chạy ra mở cửa. Người đàn bà ấy đã đứng chờ sẵn ngoài hiên, phía sau thằng Viên có thu mình cho nhỏ lại, ngượng ngập cúi đầu khi tôi bước ra. Không chờ tôi hỏi, người đàn bà tự giới thiệu trước:

“Xin lỗi cô, tôi là má của trò Viên”.

Tôi không ngạc nhiên chút nào, vì đã đoán được dễ dàng từ đầu. Những lời xã giao ban đầu, ca tụng sự tận tụy của tôi và khung cảnh nhà trường, vừa vào tai này đã lọt qua tai kia, bay đi theo gió. Tôi không nghe được gì, tò mò nhìn người mẹ của Viên. Không hiểu sao tôi có ác cảm với bà ngay từ lúc mới gặp. Tôi chưa hề quen biết bà, lại không có một thành kiến nào với một phụ huynh học sinh xa lạ. Hơn thế nữa, chính tôi đã từng dùng hết sự dịu dàng khéo léo đề cao đức hy sinh của bà đối với Viên, để khuyên răn Viên chăm chỉ học hành. Tuy thế mới thoát nhìn, tôi ngờ ngợ nhận thấy, mơ hồ thôi, có điều gì không hợp. Có thể tại vì mùi nước hoa hơi nồng, có lẽ cũng là loại champagne đắt tiền nhưng bà đã lạm dụng, đi quá trớn. Ồ mà sao tôi lại khát khe như thế được? Chính tôi, đôi lúc vào những ngày khó ở, vẫn dùng loại nước hoa này. Tại sao tôi đột nhiên khó tính với người mẹ của Viên. Có thể chuyện dùng nước hoa hay không, chưa thực sự đóng một tầm quan trọng nào nếu tôi không có phác họa một hình ảnh khác, hoàn toàn khác về bà. Nghe Viên kể, tôi tưởng tượng ra một người đàn bà nhỏ thó, tóc rối, mắt buồn hiu, ăn mặc lôi thôi nhưng còn đủ đơn giản sạch sẽ để giữ tư cách con nhà. Tôi tưởng tượng một mẹ Việt Nam quên hết bản thân, quên hết cuộc đời mình để lo lắng cho con cái. Trong trí tưởng tượng đầy sương trinh và nắng hồng của tôi, người mẹ của Viên không bao giờ thềm dùng nước hoa. Nhưng nghĩ kỹ, có lẽ còn có nhiều chi tiết đáng ngờ khác: cái lối thường xuyên đưa lưỡi liếm đôi môi đầy cho luôn luôn ướt mọng, nũng nịu, nỗi lo lắng thái quá đến nỗi bàn tay cứ đưa lên vuốt nhẹ mái tóc chải kỹ sợ rối theo gió... Nói tóm lại, người đàn bà đang huyền thiên kể lẽ trước mặt tôi đây là một kẻ xa lạ, bị tôi từ khước, vì dám ra ngoài những mẫu mực tự ý tôi qui định. Tiếng nói của bà hơi khao khao, đầm ảm, như pha lẫn một khát vọng huyền bí và một mệt mỏi quẩn rữ. Bà nói, bà nói mãi. Tôi bất chợt chụp được một vài âm thanh, hơi lạnh mình vì giọng rã rời mà thúc giục vội gọi:

“... Cô nghĩ mà xem. Tôi goá bụa đơn chiếc. Anh ấy mất là khỏe thân cho riêng anh ấy, còn tôi phải lo nuôi đám con dại. Ban đầu tôi cứ tưởng rồi ra trời đất sụp đổ hết. Tôi biết lấy gì nuôi lũ trẻ đây? Tôi đập đầu vào quan tài anh ấy, tôi đòi nhảy xuống cho người ta chôn chung một huyệt với anh ấy. Nhưng bà con hàng xóm cứ khuyên răn mãi, bảo gắng sống mà nuôi con. Tôi sống được đến ngày nay, chịu cực, chịu khổ, chỉ vì không nỡ bỏ chúng bơ vơ trên đời. Thế mà thằng quý sứ này có thương tôi đâu. Tôi đi làm cả hai buổi, nhiều bữa giấy tờ ở sở làm không xong, phải ở lại làm đến tám chín

giờ tôi. Tôi cứ nghĩ mình cực khổ thế, con cái nó tự biết thương mẹ, chăm lo học hành. Không ngờ cả bọn a tòng với nhau. Thằng anh đầu đàn bỏ học đi chơi, hai đứa em lại nói dối mẹ để che chở cho anh. Nếu cảnh sát không bắt đám trẻ con cờ bạc du đãng đem về ty, nếu anh ty trưởng không điện thoại cho hay, thì tôi cứ tin rằng con mình ngoan ngoãn. Trời ơi! Tôi nghe điện thoại mà không tin tai mình. Trời đất đảo điên! Sụp hết, đổ hết!...”

Tôi không thể tiếp tục nghe cái máy phát thanh liên hồi tả oán nữa. Tôi tìm cách nói sang chuyện khác. Viên vẫn nép sau mẹ, hai tay vo vạt áo và bàn chân đi đi lên khóm cát vượn vãi trên nền xi măng. Tôi cắt ngang lời thiếu phụ nói với Viên:

“Đó, Viên thấy không? Em không chăm học, làm khổ sở cho má. Hôm trước cô đã khuyên răn em nhiều. Em chịu ngồi nghe. Cô nhớ em có khóc nữa. Thế mà tại sao bây giờ vẫn quen đường cũ hở Viên? Em có thương má không?”

Người mẹ quay lại nhìn con. Viên đứng yên, không trả lời, cũng không gật đầu. Thiếu phụ lắc đầu chán nản phân trần:

“Đấy, cô thấy không? Nó cứng đầu, cứng cổ! Tôi đang làm ở sở mà phải xin phép ông chủ sự về nhà, hỏi thằng Trung em nó, chỗ nó thường lui tới, bắt nó dẫn đến đây cho cô dạy dỗ giùm...”

Chụp được cơ hội may mắn, tôi mời khéo:

“Thôi, bà yên tâm về sở làm việc đi. Tôi sẽ ráng tìm hiểu, khuyên lơn nó. Tuy ham chơi, nhưng Viên nó thông minh và biết điều”.

Thiếu phụ mừng rỡ, giọng vồn vã:

“Tôi chỉ mong có thể thôi! Trăm sự nhờ cô”.

Bà quay lại đe dọa con vài câu rồi ra về.

Viên không nói gì, cũng không chào mẹ, theo tôi vào lớp. Lòng tôi hoang mang. Dáng điệu, cử chỉ, lời lẽ của mẹ Viên cùng thái độ bất kính của đứa con phải có liên hệ xa gần nào đó. Có cái gì không ổn giữa tình mẫu tử. Như tiếng máy xe lộc cộc, lộc cạch do một bộ phận mòn cũ, hư nát. Thế thì thứ gì đã mòn cũ, hư nát trong gia đình goá bụa này? Tôi dạy qua quýt cho xong chuyện thấp thỏm chờ giờ ra chơi. Tôi giữ Viên ở lại. Viên run sợ thật sự, mắt rơm rớm khi ngược lên cầu khẩn tha thứ. Tôi không nói gì. Lấy kinh nghiệm mấy năm dạy học, tôi ngồi xuống bên Viên, sửa lại cái cổ áo cẩu bần, phủi bụi trên quần đùi xanh, vuốt ve cho mái tóc bù rối của Viên thẳng lại. Kết quả như mọi lúc, Viên gục xuống khóc. Tôi tiếp tục vuốt tóc cậu bé, nói thật nhẹ:

“Em cứ khóc đi! Khóc cho thoả thuê đi! Cô không giận em đâu! Cô hiểu em, Viên có điều gì u uất không thể nói được với ai, canh cánh bên lòng, giữ lại không nổi mà nói ra thì không đành. Cô biết em sắp nói hết cho cô biết, phải thế không? Phải thế không Viên?”

Viên khóc to hơn. Mấy đứa học trò lấp ló nơi cửa sổ, gắp đôi mắt tôi lườm quở trách, vội vã lảng xa. Rồi nước mắt cũng vơi, Viên thút thít, trong khi tôi vẫn kiên nhẫn chờ đợi. Chờ một lúc không được, tôi nói:

“Em đừng oán hận má. Má la rầy em, bắt em đi học, chỉ vì mong sao cho em nên người. Một người mẹ gương mẫu luôn luôn...”

Sự phần nộ oà vỡ. Viên nói lớn, vẻ nóng nảy, thẳng thốt khác thường:

“Cô đừng nói vậy. Má em không xứng đáng. Bữa nào má cũng về lúc tối mịt và lúc nào cũng về có đàn ông đi kèm. Má cười với họ, má đùa giỡn với họ, chính tai em nghe má gọi cái ông lái xe Jeep

xanh thường đưa má về là “cưng”. Đưa cái xách cho em “cưng”! Thằng Trung chưa biết gì cứ gọi là chú Thảo. Con bé Xiu nhờ công giữ em được má cho tiền, ham tiền quên hết. Còn em, em lớn rồi, em...”

Tôi kinh ngạc hỏi vợ:

“Giữ em? Bé Xiu là con út mà? Hôm trước Viên bảo thế. Viên ngược lên mắt còn đỏ và đôi má nhóp nhúa còn rõ ngần nước mắt:

“Má đẻ thêm bé Chút năm ngoái, thừa cô”.

*

Sáng nay Viên lại không đến lớp. Tôi đành chịu thua vậy chứ biết làm thế nào. Tôi bất lực, không thể làm gì được. Mỗi người có một cuộc đời. Tôi có nỗi lo riêng của tôi. Cu Tường lại nóng mình. Bé Tí chụp vào cái tet một pha sữa, nước sôi làm phỏng cả cánh tay non. Tôi đã xót xa nhìn hai đứa con khóc lóc cả đêm qua. Nhà tôi làm việc cực nhọc, tôi không dám đánh thức anh ấy dậy, đành phải lo âu một mình. Cho nên đầu hơi thất vọng khi không thấy bóng Viên xếp hàng, tôi vẫn giữ được thản nhiên.

Bà mẹ Viên lại tới. Biết rồi, khổ lắm, nói mãi! Ai không biết bà tảo tần nuôi con. Bà sinh con ra, có gan sinh con ra, thì phải ráng mà nuôi chúng chứ! Nói với tôi làm gì! Tôi lạnh nhạt hoàn toàn, và ngạc nhiên không hiểu tại sao người đàn bà đó có thể con cà con kê một cách chân tình với một pho tượng.

“Có trời đất chứng giám, tôi thương nó còn hơn cả tôi. Nó giống anh ấy như đúc. Nhiều lúc nhìn nó nháy mắt, nhìn nó hờn dỗi, tôi cứ tưởng anh ấy sống lại, anh ấy chòng ghẹo tôi, anh ấy giả vờ hờn dỗi tôi vào những ngày đầu yêu nhau. Tôi lo lắng cho nó, vậy mà nó không biết nghĩ. Có trời mới hiểu tại sao nó lêu lổng chơi bời không thương mẹ, thương em...”

Bực dọc quá, tôi nói:

“Thưa bà, có lẽ Viên nó sợ hãi quá mức. Trẻ con hay có nhiều trái chứng. Tâm hồn nó mỏng manh như sợi tơ sợi tóc, nhiều lúc xúc động quá nó có thể liều lĩnh. Tôi ngại hôm qua bị bắt vào ty, ông ty trưởng có nặng lời quát tháo với nó chẳng. Nó sợ quá đâm liều”.

Thiếu phụ vội cải chính:

“Không! Không bao giờ. Tôi biết tính anh Thảo, xin lỗi ông trưởng ty, ông ấy luôn luôn hoà nhã khả ái với tất cả mọi người. Không bao giờ ông ta dọa nạt nó. Mà thực ra, không bao giờ Viên nó sợ ông ty”.

Một ý định đánh ác thoát hiện, tôi mím môi trước khi dần giọng:

“Bà nhớ lại xem, có vô ý nặng lời với em Viên không? Trẻ mồ côi thường có một tâm tính nhạy cảm hơn trẻ thường. Hoặc bà gay gắt với nó khi Viên xin tiền mua sách vở. Hoặc Viên vô ý làm té bé Chút bà trừng phạt quá đáng?”

Thiếu phụ giật mình, vội ngừng đầu lên nhìn tôi đăm đăm. Chưa bao giờ tôi thấy một đôi mắt bi phẫn như vậy. Ở đó toát ra sự đau đớn cùng cực và sự giận dữ cùng cực. Như đôi mắt con bò đã bị căng nọc xuống đất và bị cắt lìa khí quản. Tôi hơi lùi lại, hai bàn tay nắm chặt vào vạt áo dài. Nhìn tôi một lúc thiếu phụ mới lắp bắp nói được:

“Anh ấy chết đi. Tôi đã gắng nuôi con để quên. Để quên cô độc. Nhưng tôi mới có hai mươi tám tuổi đầu... Tôi còn trẻ quá...”

Tôi cảm thấy ngộp thở, như bước lùi vào một khoảng không. Tôi sợ. Tôi lùi lại phía cửa, lùi lại nữa. Tôi không nghe thiếu phụ nói gì, nhưng đôi tay bà ta giờ tới trước, mắt đỏ lửa như muốn bóp chết hiện hình của nỗi cô độc là chính tôi. Khi lưng tôi chạm cánh cửa đánh một tiếng rầm, thiếu phụ giật mình khựng lại khóc oà lên, rồi bỏ chạy ra cổng.

Nước cạn, hoa lau

*Một đêm gió thổi chờ trôi mát
Nước cạn hoa lau chỉ một niềm.*

Tản Đà

Xếp dọn mọi thứ đâu vào đó, thì đã chín giờ tối. Chỉ còn hai giờ nữa là đến giờ giới nghiêm, mà mai Tịnh lại phải đi sớm. Có cái gì canh cánh bên lòng Tịnh. Chàng nhớ hình như mình còn quên một cái gì, cái gì quan trọng lắm. Tịnh bần thần đi ra đi vào một lúc, mới nhớ đến chị Trầm. Tịnh chưa đến chào chị, chưa báo cho chị biết từ mai chàng không còn ăn cơm tháng ở đó nữa. Và nhất là... chưa đến thực hiện thử cái ý định Tịnh nghĩ từ lâu mà cố quên đi, ý định đã bùng bùng trời dậy mãnh liệt từ lúc chàng nhận được giấy gọi.

Khi Tịnh đến hiệu, thì khách còn đông lắm. Vài bác công chức già, năm ba người lính vừa nhai cơm vừa nói chuyện ồn ào. Chị Trầm bận túi bụi phía sau cái tủ kính đựng các thức ăn. Thấy Tịnh đến, chị vui mừng hỏi:

“Sao em đến chậm vậy? Chị tưởng em lại ham chơi, quên về”.

Tịnh cố bình tĩnh nói:

“Em phải đi chào hết bạn bè, bà con. Mai Tịnh đi”.

Chị Trầm ngược vội lên:

“Đi đâu?”

“Em phải trình diện. Không học được nữa”.

Chị Trầm không tin ở tai mình, cái tay cầm muống nước mắm để lơ lửng ở thế lưng chừng, mắt nhìn Tịnh vừa tra hỏi vừa xót xa. Tịnh nói tiếp, cho nó xong đi:

“Em lại chào chị, và sẵn dịp báo cho chị biết mai em không ăn cơm nữa”.

Lúc ấy, người lính ngồi ở bàn ngoài gõ thìa vào chén gọi tính tiền. Chị Trầm định giả lơ để nói chuyện với Tịnh, nhưng tiếng gõ mỗi lúc mỗi hối thúc cấp bách hơn. Chị Trầm đành bảo:

“Em lại ngồi chỗ bàn cơm ăn đi. Chờ chị một chút. Chị trở vào liền”.

Tịnh đã ăn cơm ở nhà thím Bảo, nên chỉ ngồi ở cái bàn con sát quầy hàng lơ đãng nhìn chung quanh. Chị Trầm từ ngoài vào, đi thẳng đến phía Tịnh, tay dúm sâu mấy tờ giấy bạc bèo nhèo vào túi áo. Chị nói:

“Sao Tịnh không cho chị biết sớm. Các em lần lượt đi hết, quán này chỉ còn mấy ông công chức già trong toà hành chánh và mấy anh quân cảnh bên đồn. Tháng trước có Viễn, có Lý. Bây giờ đến em. Nhưng Tịnh có vào cùng một chỗ với Hà không?”

Tịnh bảo:

“Chắc cũng vào đó chứ đi đâu. Hà nó đi trước, mà lại oai. Bây giờ vào đó, nó thành đàn anh của Tịnh rồi. Mặc sức mà bắt nạt”.

Chị Trầm xuyết xoa:

“Em để tới phút chót mới báo, làm sao chị kịp viết thư và gửi quà cho nó. Nhà chỉ còn có hai chị

em côi cút, từ ngày nó đi, chị không thiết làm ăn gì nữa. Chị còn tiếp tục mở quán, là vì sợ nó xin tiền không có mà gửi. Em vào trong đó có gặp Hà...”

Một đám đông quân nhân kéo vào quán, nhiều người trong bọn đã say, bước chân nam chân xiêu. Tịnh đọc thấy sự bức bối trong ánh nhìn của chị Trầm, nói trước:

“Thôi để em ra phía trước coi cốp tivi một chốc, chờ khách đi hết em trở lại. Chị bận quá em sợ phiền”.

Chị Trầm bối rối không biết phải nói gì để xin lỗi. Thấy Tịnh đứng dậy thật, chị cuống quýt:

“Nhưng em phải trở lại nghe không. Chị muốn nhắn vài chuyện cho Hà”.

Tịnh ra phía trước đường đứng nhìn vợ vắn lên trời. Chờ cho khách về hết, chàng mới trở vào quán. Chị Trầm hỏi:

“Tin tức có gì lạ không Tịnh?”

“Tin tức gì?”

“Tin đọc trên truyền hình ấy”.

“Tịnh cũng không nghe nữa. Lúc trở ra, thấy họ đã tắt rồi. Khán giả chỉ thích cải lương. Mỗi lần thấy cái ông ăn mặc chững chạc đọc tin chiến sự hiện lớn trên tivi, trẻ con nhao nhao phản đối. Lũ trẻ không khoái tin chiến sự. Tịnh cũng vậy”.

Tịnh nghĩ đến hình ảnh một cái máy truyền hình có dáng người thật. Nhưng cái khung tivi sẽ nằm ở đâu. Chị Trầm nói:

“Mai em vào đó, nếu gặp...”

Tịnh không nghe thấy chị nói gì, mãi chú ý đến tưởng tượng riêng. Chị Trầm nói chưa hết, Tịnh đã cắt lời:

“Chị nghĩ hay thật. Nếu có cái tivi người, thì khuôn hình nằm chỗ nào? Trên trán được không?”

Thấy hình ảnh ngộ nghĩnh quá, chị Trầm cũng thích thú cười lớn. Chị quên mất câu nói dở dang. Trầm phụ họa:

“Ừ, phải đấy. Nếu trên trán ai cũng có cái khuôn hình, thì tiện biết mấy. Óc nghĩ thứ gì, là hiện ngay thành chữ trên trán. Người khác đọc được liền, khỏi phải mỗi miệng nói hoặc lắng tai nghe”.

Tịnh nghĩ xa, vắn lại:

“Lỡ mình nghĩ lung tung?”

“Thì hình trên khung nhảy loạn xạ”.

Tịnh chợt nghĩ đến ý định của mình, hỏi lại:

“Lỡ mình không muốn cho ai hay biết điều mình nghĩ?”

“Không được. Bấy giờ phải thành thực. Ai nấy đều trong suốt. Không còn giấu giếm được gì. Mà muốn giấu cũng được. Chỉ việc lấy tóc phủ khung hình lại”.

Tịnh cười, chỉ vào mái tóc loà xoà của Trầm:

“Thế thì đàn bà lợi quá, không công bằng”.

Chàng chợt nghĩ đến một trò chơi thú vị, buột miệng nói ngay:

“Chị buồn ngủ chưa? Chưa phải không. Hay mình chơi trò này đi. Tưởng tượng trên trán chị và trên trán Tịnh đều có khuôn hình cả. Chị đọc ý nghĩ của Tịnh còn Tịnh đọc ý nghĩ của chị. Ai đọc sai, bị phạt”.

Trầm thấy trò chơi lạ lùng, thích chí bằng lòng. Trên khuôn mặt đượm buồn của cô gái ba mươi từ lâu nhẫn nhục cam chịu mọi thứ, phảng phất một sức sống mới. Nàng xoay người hẳn lại, đối diện với Tịnh, hai cùi chỏ chống lên bàn. Tịnh nhắc:

“Chị phải vén tóc cao lên chứ”.

Trầm cười, hất cả mái tóc ra phía sau vai, hỏi Tịnh:

“Đã đọc rõ chưa?”

“Còn mờ. Phải điều chỉnh lại đài mới được. Chị ngồi yên nhìn thẳng nhé”.

Trầm gắng ngồi yên, mặt ngược cao lên trần như một pho tượng ranh mãnh.

“Tịnh đọc được chưa?”

“Chưa. Thôi cho chị đọc khuôn hình của Tịnh trước”.

Trầm cười nhẹ, tìm ý một lúc rồi chậm rãi đọc, như đứa bé mới học diễn văn:

“Được. Tịnh đang nghĩ: Ồ... đây... chán... quá... rồi. Đi... là... phải”.

Tịnh phản đối:

“Sai. Hoặc chị đọc lầm hoặc cái máy hư. Thôi để Tịnh đọc chị nhé: Mai... lo... dậy sớm”.

Trầm cắt ngang:

“Đoán mò. Dĩ nhiên là chị phải dậy sớm để đi chợ”.

“Nhưng Tịnh chưa đọc hết. Còn nữa: Qua rồi một ngày nhọc nhằn. Đi về cho người ta nghỉ”.

Trầm lại cướp lời:

“Sai. Hoàn toàn sai. Cái truyền hình của chị tốt, nhưng loa phóng thanh của Tịnh tệ quá. Chữ hiện một đằng, đọc một nẻo”.

“Thế chữ hiện cái gì?”

“Chị chỉ nghĩ: Không bao giờ, vâng, không bao giờ chị quên được đêm nay. Đêm cuối tiền Tịnh lên đường. Cậu em ngoan. Thật ngoan. Chưa bao giờ Hà cho chị những phút thích thú như Tịnh”.

Tịnh thấy lòng nao nao, hơi hối hận vì đã có những ý định không đẹp ban đầu. Cái ý định bày thử một cuộc chơi, để trải nghiệm khả năng đối với một người đàn bà. Để thấy cuộc đời mình vẫn còn có một ý nghĩa. Để tự an ủi rằng dù không trọn quyền định hết cả đời mình, mình vẫn có thể giữ trọn chủ động trong tầm tay nắm. Chàng đâm lo âu, sợ mình đã đi quá xa, nên ngồi lặng một lúc, mắt mơ màng nhìn lên trần nhà. Trầm tò mò nhìn vẻ khác thường của Tịnh, lòng tràn hoài nghi. Nàng hỏi:

“Còn Tịnh thì đang nghĩ đến những chuyện xa, thật xa. Chị đọc thấy trên khung hình của Tịnh câu này: Ta buồn... ta nhớ... giá có Thuý Ngọc ở đây”.

Tịnh giật mình, nhìn lại kỹ gương mặt Trầm, thấy vẻ phụng phịu giấu đằng sau sự mỉa mai khinh mạn cố tình. Chàng vội nói:

“Á à, cái máy phóng thanh của chị cũng tệ chẳng kém. Đang không lại chen chuyện Ngọc vào đây. Tịnh nói thật, Ngọc chỉ là một người quen, từ thời thơ ấu cho đến lúc đi học”.

Trầm nghiêng đầu, vừa cười mỉm vừa hỏi:

“Thật không?”

“Thật trăm phần trăm”.

“Nhưng khi nào nói đến Ngọc, chị vẫn thấy đôi mắt Tịnh long lanh. Như mấy cái đèn pha xe mười bánh, cực mạnh, bất chấp sương mù hay giông bão phía trước”.

“Chị chỉ tưởng tượng”.

“Chị có tưởng tượng đâu. Chị chỉ đọc trên khuôn hình của Tịnh mà biết đấy chứ”.

“Chị đọc sai”.

Trầm hồi hộp, e ngại một lúc, mím môi cố dần nhưng không được, tò mò hỏi:

“Thế đọc đúng thì thế nào?”

Tịnh không chuẩn bị ý tưởng kịp, chần chờ hoãn binh:

“Đúng ư? Tịnh đang nghĩ... đang nghĩ như chị. Nghĩ đến buổi tối đẹp nhất trên đời. Nghĩ đến... nghĩ đến hình ảnh một chị Trầm khác hẳn chị Trầm thường ngày”.

Trầm thích thú giục:

“Khác những gì? Sao mà khác?”

Giọng Tịnh cố làm ra mơ mộng:

“Một bà chị... một bà chị hiền như các bà chị hiền trong truyện thần tiên. Giọng nói nhẹ, ánh mắt âu yếm, tâm hồn hiền hoà. Tịnh mơ ước có riêng một người chị như vậy, suốt một đời”.

Trầm đã biết được điều muốn biết. Nàng muốn ngộp thở vì xúc động. Trước mặt hình dáng Tịnh nhạt nhoà chỉ còn lơ mờ một cái miệng cười, một mái tóc đen. Nàng không tự chủ được, thú thực hết lòng mình:

“Tịnh làm chị sung sướng. Cả đời sống cô cút, không có lấy một niềm hy vọng. Có nhiều lúc chị có cảm giác không thể chịu đựng được nữa, muốn bỏ đi biệt đi mất, ra sao thì ra, dù...”

Tịnh cướp lời và Trầm nghe giọng nói của Tịnh có nhiều khác lạ, như cố dần một niềm phần nộ bất chợt:

“Có bao giờ chị mơ ước đi tới một nơi nào đó, một nơi xa lạ, không ai quen biết mình, sống buông thả mặc tình với một người đàn ông đến trước, trong vòng một đêm, một ngày, hay một tuần, rồi bình thản lên xe về nhà, tiếp tục cuộc đời heo hút cũ”.

Trầm nghe rõ lắm, nhưng chết lặng không biết trả lời thế nào. Nàng rơi hẳn vào một trạng thái hư đãng, phức tạp chưa bao giờ cảm thấy. Nàng thích thú vì khám phá rằng mình vẫn còn là một cái gì để kẻ khác mong ước, không phải là cái bóng vô nghĩa trước sự thờ ơ lạnh nhạt của khách đời. Nhưng đồng thời nàng thấy tủi nhục đến xót xa. Đó là sự khám phá hạnh phúc đồng thời với nỗi tan vỡ của ảo tưởng. Nàng thì thào:

“Em dám nói thế với chị hử Tịnh?”

Bây giờ Tịnh mới thực sự sợ hãi, hồi hận đã có những ý tưởng quái đản phi luân đến như vậy từ đâu, và đã để cho ác quỷ diu vào âm mưu xấu xa trong mấy ngày liền không cho chàng bỏ cuộc. Tịnh lí nhí:

“Xin lỗi chị. Tịnh quần trí mất rồi. Tịnh thật là một đứa hèn mạt, xấu xa”.

Tịnh định tiến về phía Trầm, nhưng nàng giật mình lùi lại, giọng hốt hoảng:

“Thôi, khuya rồi. Tịnh về nghỉ mai còn đi sớm. Chị đã quên hết những lời em nói, dù là lời phải hay lời trái. Em của chị lên đường bình yên nhé!”

Tịnh không biết làm gì khác hơn là lặng lẽ chào Trầm, rồi ra khỏi quán. Lúc bước đến cửa, Tịnh nghe chị Trầm chạy theo nói với:

“Tịnh cho chị nhấn một chút. Nói giùm với Hà là chị đã nhận được thư. Chị sẽ tìm cách vào trước ngày Hà chọn đơn vị.

*

Hai người nói đủ thứ chuyện cho đến khi trời tối. Tịnh muốn cho Trầm thấy cảnh bên cầu đẹp đúng y như mình tưởng tượng. Trầm công nhận trí tưởng tượng của Tịnh chính xác và phong phú. Cảnh đèn trên cầu phản chiếu trên mặt sông đẹp thực. Nhưng sương bắt đầu xuống. Trầm và Tịnh trở lại con đường nhỏ ra cầu, rồi theo quốc lộ đi ngược lên bến xe. Phố xá lặng lẽ êm ả. Trầm thấy lòng xúc động, khe khẽ hát một câu dài. Tịnh lắng nghe, nhưng chịu không biết nàng hát bài gì, chỉ thấy điệu nhạc thong thả êm ả như tiếng chuông chiều. Đêm đã về. Bóng tối vây phủ hai người. Đêm quắc và tiếng giày vang vang trên đường nhựa, đều đặn, thanh bình. Chưa bao giờ Trầm được hưởng một cảm giác thoải mái nhẹ hẫng như vậy. Trầm thú thực:

“Nếu khi chiều không nghe lời Tịnh, thì đã phí mất một đêm đẹp trong đời”.

Tịnh bảo:

“Khi nghe Hà đã đi đơn vị rồi, chị thiếu não như người mất hồn. Trông thảm lắm”.

“Làm sao không buồn được. Đem tiền nong quần áo vào cho nó, không ngờ chỉ vào trễ có mấy tiếng đồng hồ. Nếu khi chiều có xe ra, chị đã về rồi. Mà làm sao em ra ngoài được?”

“Tịnh được phép ra phố mua đồ bếp cho đại đội. Vào trong này, em làm phụ bếp mà”.

Chị Trầm cười:

“Thế bây giờ ông bếp cho tôi ăn gì đây?”

“Em sẽ đãi chị một bữa cơm ngon không thua quán cơm chị. Chỗ này khá lắm. Ăn xong, em sẽ đưa chị về đến tận cổng nhà trọ”.

“Nói chơi vậy thôi, chứ tối nay Tịnh phải để chị trả tiền. Hôm trước Tịnh đến chào, lẽ ra chị phải làm việc tiền hành. Chỉ tại Tịnh chờ đến giờ chót mới biết. Hôm nay chị xin thay thế một bữa tiệc khác”.

Tịnh định từ chối, nhưng nghĩ đến bữa tối hôm trước khi vào lính, chàng ngưng ngừng liếc mắt dò xem thái độ chị Trầm. Chàng thấy chị không có chút hờn giận căm tức nào. Chàng lặng lẽ đi bên Trầm, miệng huyýt sáo để giấu bối rối. Đến cái quán chỗ ngã ba, Tịnh hỏi:

“Hay mình vào đây?”

Trầm ngạc nhiên hỏi lại:

“Cái quán này vắng quá. Tịnh sợ buồn không?”

Tịnh cười chỉ về phía có ánh đèn ngũ sắc:

“Dưới kia thì lại ồn ào quá”.

Trầm cho câu nói ấy ngẫm chứa nhiều điều hứa hẹn, mặt đỏ bừng cúi xuống nhìn bước chân hai người trên sỏi, không nói gì. Tịnh thấy mình đi hơi xa Trầm, cố nhích lại gần hơn. Gió bẻ thổi mạnh vào bờ, hất tung tà áo xanh của Trầm lên trời, rồi dán chặt lên ống quần Tịnh. Trầm định cúi xuống kéo vạt áo lại, thì Tịnh cũng định cúi xuống gỡ vạt áo Trầm ra. Hai người cùng cụng đầu vào nhau. Trầm cười nhỏ, then thùng:

“Chết. Tịnh có đau không?”

“Không chết. Vẫn sống nhăn răng. Nhưng chị có đau không?”

Hai người cùng cười lên sung sướng. Trầm quên hết e then giữ gìn, cười hỉ hả, chạy nhanh xuống bờ cát. Nàng cúi xuống chỉ một con còng nhỏ đang sợ hãi chạy tìm chỗ núp dưới ánh đèn đường, rồi rít bảo:

“Tịnh, Tịnh, lại đây. Trông con còng tội nghiệp chưa?”

Tịnh đến nơi thì con còng đã chui vào hang sâu. Chàng giả vờ hỏi:

“Tịnh có thấy con còng nào đâu?”

“Nó vừa chui vào đây rồi”.

“Con còng hay con cua?”

Trầm bực tức cãi:

“Cua khác còng khác chứ. Con cua to bằng cả bàn tay. Còn con còng nhỏ tí tẹo mới chạy lằng quăng đây”.

Tịnh nói:

“Tịnh thì chỉ thấy có cua mà thôi. Lại không phải cua sống biết bò. Chị có ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt trong gió hay không? Đồ chị biết mùi gì nào. Cua ram muối đấy. Cua ram muối của Tịnh hấp dẫn ngon lành hơn con còng gió của chị”.

Trầm hiểu ý Tịnh, chỉ ngón tay trở vào Tịnh trách:

“Đồ ham ăn. Ra biển, gần trời cao biển rộng, mà chỉ nghĩ tới cua ram muối. Phàm phu tục tử”.

Rồi cười ròn rã. Hai người dắt nhau trở lại quán. Trầm nhường cho Tịnh tự chọn món ăn, rồi suốt buổi tối ngồi ngắm Tịnh ăn ngon lành. Tịnh lâu lâu nhắc:

“Sao chị không ăn chỉ ngồi cười?”

“Trầm có ăn đấy chứ”.

“Đâu. Ly bia của chị còn nguyên và đĩa thịt gà phía chị còn đầy”.

“Chị ăn nhiều mà. Không dám ống hết ly bia, sợ say”.

Trầm nâng cốc bia lên uống một ngụm nhỏ cho có, rồi đặt cốc xuống, lấy đũa gắp một miếng thịt gà bỏ vào chén của Tịnh. Tịnh vội can:

“Tịnh ăn nhiều rồi. Chị ăn đi chứ”.

Rồi gắp miếng thịt bỏ lại chén Trầm. Hai người cứ mời qua mời lại như vậy mãi, ép nhau ăn các thứ ngon, đến nỗi cuối cùng thức ăn trên bàn không còn gì cả. Trầm cũng uống luôn cả hai ly bia đầy. Không quen uống rượu, nàng thấy máu nóng bốc lên mờ cả mắt, trong đầu từng tiếng gõ đều gõ đều như nhịp búa. Ánh đèn từ quán chiếu lên khuôn mặt nàng càng làm tăng thêm vẻ hồng hào. Lần đầu tiên,

Tịnh thấy Trầm khá đẹp. Còn Trầm thì đắm đắm nhìn chàng thanh niên khuôn mặt lãng mạn sâu mộng trước mặt, môi mím lên điều thuốc, khói nhả ra từng ngum thật khinh bạc tự tin. Lúc bấy giờ có nhiều người vào quán cười nói inh ỏi, lời lẽ tục tĩu. Trầm giả vờ không nghe thấy, còn Tịnh thì khó chịu gọi bồi táp tiền. Trầm giành trả. Tịnh không biết làm sao, chờ Trầm trả xong tiền rồi cùng với Trầm ra khỏi quán. Đêm đã về từ lâu. Trăng nhú lên khỏi mặt nước, làm hồng rực cả một vùng biển lặng. Tịnh thấy cảnh đẹp quá, đề nghị:

“Minh đi dọc theo bờ biển một chút cho đỡ nặng bụng. Chị có gấp về không?”

Trầm trả lời nhỏ: “Không”, rồi chúi choáng bước theo Tịnh. Hai người đi cạnh nhau bên bờ nước, càng ngày càng xa khúc biển náo nhiệt ồn ào. Gió nhẹ mơn man ở gò má, Trầm thấy khoan khoái giờ cả hai tay lên trời, bảo Tịnh:

“Đêm dễ chịu quá. Tịnh hãy đưa tay cao cho buồng phổi mở, hút hết mát dịu của gió. Bắt chước Trầm đây này”.

Tịnh nhìn Trầm. Bấy giờ trăng lên cao hơn chiếu vào đôi mắt nàng, phản chiếu ánh long lanh. Trầm cử động đôi tay như lối trẻ con tập thể dục. Tịnh nhìn Trầm một lúc, trả lời:

“Chị phải làm cô giáo mới đúng. Nhưng Tịnh đâu phải là cậu bé mà chị dạy cách thở”.

“Chị cứ thấy Tịnh là cậu bé như thường, tức không?”

“Tức chứ. Trước kia khi còn đi học, thì nhận là bé bỏng cũng được đi. Nhưng bây giờ Tịnh đã chui rồi. Tịnh là Phù Đồng Thiên Vương, ăn bữa tiệc chị đãi xong, vươn vai một cái, thành người lớn liền. Bây giờ Tịnh lại coi Trầm như một cô bé. Như một cô bé nhỏ”.

Trầm cười không tin, giọng cười trong như thủy tinh, rạng rỡ dưới trăng. Nàng nói:

“Bậy quá. Đã mất tiền lại còn mất luôn tước người lớn. Nhưng làm cô bé cũng thú, chứ sao. Làm cô bé...”

Trầm vừa nói đến đó, thì chân bước hụt vào một hố cát. Nàng kêu lên, ngã quỵ trên cát ẩm. Tịnh vội cúi xuống nắm cánh tay Trầm nâng dậy, miệng rớt rít:

“Có sao không cô bé? Có việc gì không, cô bé của anh?”

Rồi, trong một thoáng, Tịnh muốn thi hành ý định một tháng trước. Không chần chờ, Trầm vừa đứng lên ngang tầm tay thì Tịnh đã ôm chầm lấy nàng, hai tay ôm chặt thân thể đang nóng bừng của nàng. Trầm mềm nhũn trong tay Tịnh, hai bàn tay chơi với run rẩy một lúc rồi cũng ôm chặt lấy lưng Tịnh. Nàng ngả đầu ra phía sau, mắt nhắm nghiền, miệng thì thảo:

“Tịnh... Tịnh. Có nhớ đêm hôm ấy... Tịnh đã hỏi chị. Chị muốn sống hết trọn với Tịnh, như cỏ cây, muông thú...”

Tịnh cảm thấy thân thể Trầm càng ngày càng nặng. Nàng đã bỏ thông hai chân. Áo Trầm ướt mồ hôi, và theo đà nhẹ nhàng lặng lẽ, Tịnh đưa bàn tay theo Trầm ngã dần xuống lưng cát ẩm. Trầm nhắm mắt, miệng mỉm cười. Tịnh ghen không nói được gì. Chàng đã chủ định ngay từ khi nghe Trầm mời chàng đi ăn, nhưng tình thế biến chuyển đột ngột, đưa chàng vào cái thế thụ động. Vì vậy, Tịnh lặng người, hoang mang không biết phải làm gì, chỉ quì gối bên cạnh Trầm đầu óc bưng bưng, nước bọt trào ra ở đầu lưỡi. Trầm mở mắt say đắm ngắm Tịnh.

*

Tịnh và Trầm ra khỏi vùng huyền hoặc của trăng dài, cát ẩm, cỏ dại, đêm sâu lòng bàn thần, rã rời.

Hai người đi bên nhau, nhưng không ai nói với ai lời nào. Mãi tới lúc đến gần nhà trọ của Trầm, Tịnh cố nói một cái gì:

“Hoà bình rồi, thế nào Tịnh cũng được trả về. Lúc ấy...”

Trầm vội cắt lời, giọng nói vỡ đi vì hốt hoảng:

“Còn đánh nhau mà. Nhất định em không về được đâu”.

Nói xong, Trầm đi nhanh vào cổng, như chạy trốn. Tịnh nghe thoang thoảng trong câu nói cuối cùng của Trầm, có cái gì giống như một niềm mong ước mâu thuẫn đến kỳ dị, xót xa.

Tiếng đàn thầm

Vợ chồng ông Tâm và lũ con lếch thếch đi bộ từ phố về nhà. Con Lan và thằng Vũ hí hửng chạy theo ba mẹ, mừng quá quên cả đoạn đường dài. Con Lan mím môi cố giữ không cho cái mũi ni lông mới bay xuống đường cái lầy lội. Còn thằng Vũ tay xách đôi dép Nhật cũ, cứ chạy một đoạn phải dừng để sửa lại đôi tất mới và đôi giày da hơi rộng. Bà Tâm cười thật tươi, khoe với chồng rằng ký mực bà vừa mua rẻ hơn hôm qua đến ba trăm đồng, bù lại gói bột dừa đắt hơn hôm qua một trăm đồng. Cuối cùng vẫn còn lợi hai trăm, đủ mua hai hộp sữa cho thằng Út. Chỉ có một mình ông Tâm không được vui:

“Lợi đâu không thấy, chỉ thấy cái cảnh cuộc bộ học xì dầu mà thôi. Em bắt anh ôm xách đủ thứ linh kỉnh, không còn thấy đường mà đi nữa. Em coi thử có chiếc cyclo nào không, kêu lại chở một lượt về thẳng nhà cho khỏe”.

Con Lan mau miệng:

“Có một chiếc kia kia ba. Để con kêu cho”.

Bà Tâm chưa kịp ngăn, con bé đã gọi lãnh lối:

“Cyclo, lại đây mau”.

Nhưng bác phu xe cứ cắm cổ đạp xe đi thẳng. Ông Tâm thất vọng, còn bà vợ có vẻ thích thú, nhẹ nhàng giải thích cho chồng:

“Bây giờ đã sáu giờ chiều ba mươi rồi. Người ta còn lo về dọn dẹp rước ông bà, ai đâu làm thuê chở mướn nữa mà gọi cho mất công”.

Ông Tâm không biết giải toả nỗi bức dọc bằng cách nào, ngập ngừng một lúc, rồi sùng sộ với vợ:

“Phải. Bây giờ đã chiều ba mươi rồi. Chỉ còn mấy giờ nữa là giao thừa. Nhưng đã biết vậy, thì sao không lo mua sắm mọi thứ cho xong hôm qua hôm kia đi. Chờ đến phút chót, lúc người ta đóng cửa đẹp hàng, mới chụp giật hối hả rước toàn đồ dư đồ thừa về”.

Bà Tâm phụng phịu nét mặt. Bà muốn trả lời liền, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Ông Tâm hơi ngạc nhiên không nghe vợ nói gì, liếc nhìn bà Tâm một chút rồi tiếp tục bước. Ông e dè liếc nhìn lần nữa, bảo nhỏ:

“Đôi giày em mua cho thằng Vũ đẹp lắm. Vừa chắc chắn lại vừa nhã”.

Bà Tâm giữ yên lặng. Ông Tâm nói:

“Trông con Lan nó đội cái mũ đỏ có dễ thương không. Má nó hây hây. Con nít nó khác, chỉ biết cười đùa không biết lo lắng gì”.

Bấy giờ bà Tâm mới bảo chồng:

“Đâu phải chỉ có con nít mới vô tâm. Đàn ông cũng vậy. Em ráng tiết kiệm từng đồng, làm sao cho khỏi mang nợ, anh không chịu hiểu. Lại còn dần vặt em nữa”.

Ông Tâm biết mình có lỗi, không dám nói gì thêm, lặng lẽ bước bên vợ. Từ đó về nhà, ông có cố ý làm hoà với vợ đôi ba lần, nhưng lần nào cũng thất bại. Bà Tâm thản nhiên bước, làm như không hề biết đến sự có mặt của người phu khuân vác cần cù bên cạnh. Cả đến lúc con Lan thằng Vũ bỏ ba mẹ chạy nhanh vào ngõ reo lớn:

“Về mau khoe đồ mới với ông nội. Bước nhanh lên mẹ”.

Bà Tân vẫn không trả lời. Thấy nguy hiểm, ông Tâm cố gắng giảng hoà lần cuối cùng:

“Vô nhà để việc xếp đặt bàn ghế anh lo. Chừng nửa giờ là xong ngay. Minh lấy tạm cái bàn học con Lan làm bàn thờ. Em chề cái bàn dính mực cùng khắp phải không? Khỏi lo. Chỉ việc lấy tấm drap xanh phủ lên là xong ngay. Minh dẹp bớt mấy cái ghế, cái giường bố, khiêng thùng đồ giặt bỏ sau bếp, là đủ chỗ kê bộ sa lông mây. Dĩa mứt, bình nước trà, chai rượu Anis, gói thuốc Méliá, bao diêm, bấy nhiêu đó là đủ tươm tất. Em thấy không, anh có khiếu mỹ thuật và óc tháo vát nhanh nhẹn trời sinh. Phòng khách dĩa chiến của mình không thua thiên hạ bao nhiêu đâu.

Vào phía trong cổng, bà Tân mới hỏi chồng:

“Còn cái đàn anh định dẹp đi đâu?”

Ông Tâm khựng lại, không biết trả lời thế nào, hỏi vợ lần nữa:

“Em nói cái gì?”

“Em hỏi anh định dẹp cái đàn đi đâu?”

“Cái dương cầm của ông cụ hả?”

“Còn cái đàn nào nữa. Thùng đồ giặt bỏ sau lưng cái đàn. Dẹp thùng đồ giặt vào bếp, còn cái đàn có dẹp vào bếp không?”

Ông Tâm không trả lời, yên lặng theo vợ vào nhà. Cửa trước chỉ khép hờ, tiếng con Lan tíu tít:

“Ông nội, con có cái mũ mới. Con quăng cái mũ cũ vào thùng rác rồi. Nội thấy cái mũ của con có đẹp không?”

Rồi tiếng thằng Vũ:

“Còn con thì có đôi giày. Với đôi tất nữa”.

Ông Tâm vào nhà, thấy cha vẫn ngồi ở chỗ cái dương cầm hư như thường lệ. Hai bàn tay gầy guộc của ông cụ còn trải đều trên hàng phím trắng. Ông nội ngừng đàn, nghiêng người hỏi hai cháu:

“Ồ, bài đó hay lắm. Của ông nội với một người bạn hợp soạn đó. Để ông nội đàn cho cháu nghe nhé”.

Con Lan nhanh nhẩu cải chính:

“Không. Nội nghe sai rồi. Tụi con hỏi nội có thấy cái mũ, đôi giày ba me mua cho tụi con đẹp không”.

Giọng ông nội vẫn đều đều, như vọng từ một thế giới khác:

“Ồ, bài này hơi khó hát một chút. Thời đó chỉ có cô Bích Liên hát nổi bài này của nội mà thôi. Nhất là chỗ lách ở cuối bài. Khó diễn tả cho đúng lắm. Đây, cháu nghe đây”.

Rồi ông cụ xoay người lại, ngồi ngay ngắn trước cái dương cầm, hai bàn tay xương xẩu lượn lờ trên phím. Đầu ông cụ gật gật theo nhịp đều, đôi vai xuôi rung động, nhưng từ cái dương cầm, không có âm thanh nào phát ra cả. Ông Tâm thấy thương cha tràn trề, đứng lặng chỗ cửa ra vào quên cả việc đặt mấy gói đồ kèn càng xuống sân nhà. Bà Tân thúc hông chồng hỏi nhỏ:

“Anh thấy không? Ông cụ đâu có chịu rời cái dương cầm. Đố anh dẹp đi được. Chỗ đâu mà đặt bộ sa lông mây”

Thằng Vũ chạy lại phân trần với mẹ:

“Mua đôi giày khác đi mẹ. Nội chê đôi giày xấu, con hỏi có đẹp không, nội lắc đầu không nói”.

Bà Tâm tìm cách giải thích cho đứa con cưng:

“Nội đâu có chê. Nội công nhận đôi giày của con đẹp, đẹp lắm. Nhưng nội giận Vũ, vì hôm trước Vũ phá cái đàn cưng của ông nội, nên nội lắc đầu không trả lời”.

Thằng Vũ cãi lại:

“Đâu phải con phá. Chị Lan bảo làm vậy cho bớt ồn, đâu phải một mình con làm”.

Con Lan cũng không vừa:

“Đâu phải con bảo. Tại mẹ...”

Nói đến đó, con bé chợt nhớ điều gì, ngừng lại kịp thời. Con Lan liếc nhìn ông Tâm, ánh mắt giả vờ sợ sệt một cách ranh mãnh. Bà Tâm cười xoa, nói với chồng:

“Ba nặng tai không nghe gì đâu. Cái dương cầm hư, kêu ột ột chẳng ra làm sao cả. Thế mà ba cứ tưởng đàn vẫn còn tốt, ngồi đánh say sưa. Em không chịu nổi, có bảo con Lan nó chêm giấy cho khỏi kêu. Anh đừng giận, ba có nghe gì đâu mà biết”.

Bây giờ ông Tâm mới hiểu vì sao từ một tuần nay, chiếc dương cầm không còn phát âm được nữa. Ông nhận rằng vợ đã làm đúng. Ông nội bị điếc nặng không nghe được gì. Căn nhà thuê lại quá chật. Trưa tối sau buổi làm về, cả hai vợ chồng ông Tâm đều cần chút yên tĩnh nghỉ ngơi. Thằng bé Út lại hay sảy thức, mỗi lần ông nội đưa tay lên phím cái dương cầm cũ là thằng bé giật mình khóc thét.

Khốn nỗi ông Tâm không có can đảm nói cho cha hiểu. Ông cụ trước kia là một nhạc sĩ dương cầm nổi tiếng. Cây đàn là người bạn đời thân nhất trong cuộc đời nhọc nhằn cay đắng, từ khi người bạn đời xinh đẹp hiền hoà khác mất đi, bỏ lại cho ông cụ ba đứa con nheo nhóc. Bà nội vốn giỏi chuyện buôn bán tảo tần, một mình quán xuyến hết mọi việc gia đình. Thừa đó, nhờ thừa hưởng một gia tài khá đồ sộ và nhờ tài nội trợ của người vợ hiền, cả ngày ông nội chỉ lo chuyện đàn hát với bạn bè. Bà nội mất, đột nhiên ông nội cảm thấy đời sống bấp bênh, mất hẳn sự quân bình. Ông nội tiếp tục sống cuộc sống cũ, trong lo âu. Tiếng đàn của ông nội có vẻ hồi hã, ray rứt. Không còn những âm thanh khoan thai trong sáng thời xưa. Rồi cái gì phải đến, đã đến. Gia tài khánh kiệt, thực tế cơm áo trước mắt không còn có cách nào quay mặt trốn tránh. Ông nội phải bán rẻ tiếng đàn nuôi con. Tính tình ông nội đổi khác, trầm ngâm ít nói, nét mặt u uất ưu tư. Ông nội luôn giữ khoảng cách lạnh lùng với mấy đứa nhỏ. Trong trí nhớ, ông Tâm chỉ thấy cha mình ngồi hàng giờ trước dương cầm, miệng hát khe khẽ, hết đưa tay lên hàng phím lại ghi ghi chép chép.

Cả ông Tâm lẫn hai người em trai không ai thích tiếp nối cái nghiệp dĩ nặng trĩu của cha già, nên kẻ làm công chức, kẻ đi lính, kẻ đi buôn.

Vì thế, ông nội chỉ còn một người bạn già: chiếc dương cầm. Khốn nỗi tuổi ông nội càng cao, đôi tay càng run, tiếng đàn càng rời rạc mệt mỏi thì chiếc dương cầm càng cũ kỹ, hư hao. Dây đàn chùng, thùng đàn vỡ, tiếng nghe không còn đúng nữa. Khi ông Tâm tìm được việc làm nuôi em thì ông nội cũng vừa bị cho thôi việc. Không biết làm gì qua ngày, ông nội cứ ôm lấy cây đàn cũ. Hai ba lần ông Tâm bị đuổi nhà, mỗi lần dọn đến chỗ ở mới, ông nội chỉ lo chở cái đàn của mình đi theo. Lần dọn nhà cuối cùng vào mùa thu năm trước, tuy căn nhà thật chật chội, ông cụ vẫn bắt buộc con cái dành chỗ tốt nhất cho chiếc dương cầm. Bà Tâm bực bội, nhiều khi nói nhiều câu quá nặng. Ông Tâm xót xa, nhưng chỉ biết làm ngơ. Ông ở vào cái thế khó xử. Ông khổ sở, đôi lúc phải mắng át cho vợ khỏi nói nữa.

Ngày lúc này, ông biết sợ lại sắp đề cập đến chuyện dương cầm.

Ông sợ, đành cam chịu, chờ đợi. Rồi điều ông đợi đã đến. Bà Tâm nhắc chồng:

“Kìa, anh làm gì mà đứng như trời trồng vậy. Tìm chỗ đặt mấy cái gói xuống chứ. Anh nhìn quanh xem, còn chỗ nào đặt xuống không?”

Ông Tâm còn đang phân vân, thì bà vợ nói tiếp:

“Thôi anh bỏ tạm đằng cái giường con Lan, rồi đem cái bàn mây vào xem sao. Không có chỗ cho khách ngồi, thì mời họ ngồi lên cái ghế dương cầm cũng được”.

Ông Tâm sợ sệt bảo vợ:

“Em đừng mặc anh lo. Ra phòng sau xem thử thằng Út thức dậy chưa. Con ở đi đâu không thấy coi nhà?”

Con Lan nhanh miệng mét:

“Lúc con về, con thấy chị ở đứng nói chuyện với thím Tư”.

Thằng Vũ thì đòi mở gói hột dưa:

“Cho con nắm hột dưa đi ba. Con biết cắn hột dưa rồi”.

Bà Tâm mắng:

“Vũ, không được hỗn. Hột dưa chưa cúng, chưa được ăn. Hỗn mang tội”.

Rồi bà quay về phía chồng:

“Anh liệu xếp bàn thờ chỗ nào? Hẹp thế này, kê bàn học của con Lan làm sao vừa. Hay là... hay là lập bàn thờ trên cái đàn dương cầm?”

Ông Tâm bị chạm vào chỗ nhột, phản ứng một cách gay gắt:

“Em cứ nói thẳng là muốn vắt quách cái đàn lên xe rác, chứ đừng nói quanh co nữa. Đừng có dẫn vật mãi, anh không chịu nổi đâu”.

Bà Tâm cũng không vừa:

“Trong nhà này, ai dẫn vật ai? Ai làm khổ sở ai? Anh hay là tôi? Mình không có tiền thì chờ chờ tàn đi mua đồ thừa, tiết kiệm được đồng nào hay đồng ấy. Tôi đàn bà yếu ớt còn chịu khó đi bộ cho đỡ tiền xe. Ai cần nhần cảm rằm từ chiều đến giờ? Mình nghèo thì chịu ở chật. Nhà chật thì phải khéo xếp đặt. Ai đặt chương ướng...”

Ông Tâm cắt ngang lời vợ:

“Em không được nói động đến ba. Mình làm con, đã không đủ điều kiện phụng dưỡng đầy đủ thì phải...”

Bà Tâm cũng cắt lời chồng:

“Nhưng các chú làm ăn phát đạt, nhà cao cửa rộng sao không rước ba về phụng dưỡng, chỉ để mặc một mình anh lo. Các chú không phải là con à?”

“Em nói gì lạ vậy. Mình là con trưởng, phải...”

Bà Tâm lắc đầu chán nản:

“Bao giờ anh cũng chỉ nhắc lại có bấy nhiêu. Mà thôi. Để tôi lo dọn thứ gì ăn qua quít cho lũ trẻ đi

ngủ. Lan, con qua kêu chị ở về cho me. Còn thằng Vũ cởi giày ra đi. Để cho mới mai còn đi lại các chú xin lì xì”.

Chờ cho vợ dẫn con đi khuất sau tấm vách ngăn, ông Tâm mới đi về phía cha. Kề sát miệng vào tai ông cụ, ông Tâm nói lớn:

“Thưa ba, đi nằm một lát cho khỏe rồi còn dùng cơm”.

Ông cụ gạt đầu, nhưng vẫn cứ ngồi trước cái dương cầm, không chịu đứng dậy. Ông Tâm nhắc lại:

“Ba nghỉ một lát, ăn cơm tối rồi còn đón giao thừa. Chỉ còn bốn giờ nữa là hết năm Tí, ba có nhớ hay không?”

Ông cụ ngừng đưa tay trên phím, ngược nhìn con trả lời:

“Được lắm chứ. Bài này hay lắm. Âm thanh cuộn cuộn, như thác lũ. Hồi còn trẻ, ba chơi bản này, xúc động đến muốn khóc. Ba...”

Ông Tâm không để cho cha già nhắc lại điệp khúc cũ, nâng hân người ông cụ lên. Ông cụ không nói nữa, để mặc cho đứa con trai trưởng dẫn ra phòng sau. Bà Tâm và chị ở đã dọn cơm xong. Hai đứa nhỏ đòi mẹ bỏ thức ăn đầy đủ vào chén ra ngồi trước cửa vừa ăn vừa nhìn xe cộ qua lại. Chỉ còn ba người lớn ngồi ăn lặng lẽ dưới ánh đèn điện vàng lù mù. Gần chỗ cửa sổ, chị ở nắm tay nôi đang đưa cho thằng nhỏ thôi ậm ọe cựa quậy. Lũ trẻ xem xe cộ chán, quay trở vào tíu tít hỏi mẹ chừng nào cũng tết để chờ. Bà Tâm nhìn đồng hồ bảo còn hơn ba giờ nữa. Con Lan cương quyết bảo là con sẽ đợi. Thằng Vũ bắt chước bảo con cũng đợi. Nhưng hai đứa trẻ đều ngủ lản quay trên giường bỏ trước khi ông Tâm và chị ở lôi được cái đàn dương cầm vào sát vách để khoảng nền nhà còn lại đủ rộng mà đặt bàn thờ. Bà Tâm liếc dò gương mặt chồng, mỉm cười xin lỗi. Ông Tâm nhếch mép cười lại, gương mặt ngậm ngùi. Bên kia vách, ông cụ húng hắng ho. Hình như tiếng chân dương cầm kéo lê trên nền xi măng đã đánh thức ông cụ dậy. Hai vợ chồng ông Tâm nín thở nghe ngóng một lúc, rồi tiếp tục xếp đặt cho xong hương án và bộ sa lông để mai tiếp khách. Chị ở có ý muốn chờ giao thừa với ông bà chủ, nhưng đến mười một giờ khuya thì chịu thua con ma ngủ.

Hai vợ chồng ông Tâm lặng lẽ chuẩn bị đón năm Sửu, lòng lâng lâng không phân biệt được là niềm vui mới nhú hay là nỗi buồn còn lại. Ông Tâm bỏ áo sơ mi vào trong quần, định lấy cái cà vạt xanh thẫm mang vào nhưng sau nghĩ sao lại mở tủ lấy cái áo lương mặc choàng bên ngoài. Bà Tâm chải lại tóc, mặc cái áo dài nâu may tháng trước, bung ba đĩa bánh mứt lên bàn thờ, gắn cặp đèn sáp hai bên hương, đặt sẵn bao diêm bên bì nhang loại rẻ tiền. Sửa soạn xong đầu đó, bà thì thảo hỏi chồng:

“Còn bao lâu nữa mình?”

Ông Tâm xem đồng hồ bảo:

“Còn mười phút nữa”.

“Có nên thức ba dậy cho ba cúng giao thừa không?”

Ông Tâm suy nghĩ một lúc, rồi trả lời:

“Thôi. Khỏi cần. Để cho ba nghỉ. Năm ngoài chính ba nhắc anh thức ba dậy để cúng rước. Năm nay ba không nhắc. Tai ba nặng thêm. Anh hơi buồn, vì ba không còn được như năm trước. Ba đã lẩn”.

“Còn mấy phút nữa, mình?”

“Còn sáu phút nữa. Em lo rót nước sôi trong tẹt-mốt vào bình trà đi. Cho anh bao diêm để đốt nhang”.

“Bao diêm em để sẵn đó rồi”.

“Nhưng cắm nhang vào đâu? Lư hương chỉ làm cảnh mà thôi”.

Bà Tâm cuống quýt:

“Em quên mất. Còn mấy phút nữa? Ba phút à? Em chạy xuống bếp lấy cái ly đựng gạo lên liền, chắc kịp”.

Lúc bà Tâm trở lên, đồng hồ vừa chỉ đúng mười hai giờ. Ông Tâm thì thào:

“Giao thừa. Lắng chờ thử năm nay họ có bắn súng thay pháo không”.

Hai vợ chồng lắng nghe một lúc không thấy gì. Ông Tâm nhớ đến phận sự trước, vội bật diêm thấp nền, đốt nhang lầm rầm khấn khứa trước bàn thờ. Lạy xong, ông đứng sang một bên nhường chỗ cho vợ. Bà Tâm cầu nguyện tham lam hơn chồng, đôi mắt say sưa, thành kính. Ông Tâm hơi nóng ruột, chờ vợ lạy xong đến gần thì thào:

“Sang năm Sửu rồi. Thêm một tuổi nữa, em có buồn không?”

Bà Tâm xúc động, không trả lời ngay. Một lúc sau, bà ngược nhìn chồng nói nhỏ:

“Em không buồn. Em già thêm một tuổi, thì anh cũng già thêm một tuổi”.

Ông Tâm không ngờ vợ nói được một câu dí dỏm đúng lúc như vậy, định nói một câu thật tếu, thì giật mình vì tiếng súng nổ ngay bên cạnh nhà. Bà Tâm hốt hoảng nép sát vào chồng hỏi:

“Cái gì vậy mình?”

Ông Tâm trấn an:

“Không có gì đâu. Chú Tư thiết gan cùng mình. Đã có lệnh cấm, vẫn ngựa tay bóp đại một phát cho đã. Mai chắc chắn lòi thôi với cảnh sát, không tránh khỏi đâu...”

Nói đến đây, ông Tâm đột ngột ngưng lại. Ông đưa mắt ra dấu cho vợ. Bà Tâm nhìn theo hướng nhìn của chồng, thấy ông nội bước qua cửa ngăn, đi ra phòng trước như một người mộng du, ông cụ nhìn bàn thờ, nhìn hai con khế gập đầu, tỏ dấu tán thưởng. Rồi ông cụ đi thẳng về phía cái dương cầm. Ông Tâm lo sợ, nói thầm với vợ:

“Chắc ba sắp nổi cơn lôi đình, hỏi tại sao dám đẩy cái đàn của ba đi chỗ khác”.

Bà Tâm trong sợ hãi cũng quên là ông cụ bị dietic nặng, thì thào:

“Chứ biết làm sao. Không đẩy vào sát vách, chỗ đâu lập hương án. Ba phải hiểu nhà mình chật chội”.

Nhưng ông nội không quở mắng gì. Ông cụ đến ngồi trước đàn, yên lặng suy nghĩ một chút rồi đưa tay lướt trên phím. Đầu ông cụ gập gập đánh nhịp.

Ông Tâm thấy lòng xót xa, rơm rớm nước mắt bảo vợ:

“Năm Sửu chắc ba lần hơn. Khuya khoắt mà còn dậy đánh đàn”.

Bà Tâm không nói gì, nên căn phòng yên lặng hoàn toàn. Tiếng đàn lặng lẽ vẫn tiếp tục làm đau nhói tâm hồn ông Tâm. Ông không thấy gì khác hơn là một đêm tối mênh mông trước mặt. Ánh sáng nơi bàn thờ nhoè qua nước mắt. Hình dáng người vợ chao qua chao lại, như một ảo ảnh. Rồi ông nghe vợ bảo:

“Minh, hình như ba đang nói gì đó. Hãy lắng nghe xem”.

Ông Tâm lấy ông tay áo chùi nước mắt, dăm dăm nhìn cha. Ông lắng nghe.

Bà Tâm thì thảo:

“Hình như ba vừa đàn vừa hát, phải không?”

Ông Tâm chú ý hơn nữa. Vợ ông đã nói đúng, ông cụ vừa đưa tay lướt trên phím đàn cầm, vừa hát theo. Phải mất một lúc lâu, ông Tâm mới nghe thoang thoáng được vài câu hát của cha mình. Bà Tâm lại hỏi:

“Ba hát bài gì nghe quen quen”.

Ông Tâm ra dấu cho vợ im lặng, lắng nghe tiếp giọng hát khàn khàn của cha già. Bà vợ không nhận được tò mò nữa, hỏi:

“Ba hát bài gì mà say sưa vậy, mình?”

Ông Tâm nắm tay vợ, ngậm ngùi làm run tiếng nói:

“Anh không biết chắc. Hình như bài Xuân và Tuổi trẻ của La Hối”.

Vách đá cheo leo

Cu Tý chờ không được nữa, lên tiếng giục:

“Mặt trời sắp lặn rồi nội. Mình về thôi”.

Ông lão không trả lời đứa cháu nhỏ, cổ nheo mắt nhìn vào lùm cây rậm bên bờ suối. Thằng bé không chịu thua:

“Nội không chịu về thì con về trước. Mai con không theo nội nữa đâu”.

Ông lão gắt:

“Mày đi theo chỉ làm rối ông chứ được ích gì. Để yên cho ông tìm sợi mây cột bó củi đã. Nội mới tìm được có một sợi thôi.

Cu Tý chớp được cơ hội chứng tỏ mình cũng là người hữu ích, chạy đến lay tay ông nội:

“Để con chỉ cho. Chỗ lùm cây này không có sợi nào đâu. Chỗ phía trên gành có nhiều mây lắm”.

Ông lão gật gù, làm bầm điều gì trong mồm, vui vẻ theo chân đứa cháu nhỏ. Hai ông cháu vừa làm việc vừa kháo nhau chuyện bán củi hôm qua. Cu Tý bảo:

“Mình bán đủ củi cho lò bánh xong, thì đi chặt bồi bán cho lò gạch”.

Ông lão nhận xét:

“Ừ, tao chặt trụi hết cả rừng dày, mà chưa lấp nổi mấy cái lò háu ăn”.

Cu Tý không hiểu, hỏi lại:

“Nội nói cái gì?”

“Tao nói mấy cái lò háu ăn, hiểu không?”

Vừa nói ông lão vừa chỉ vào miệng cu Tý đang há hốc ra kinh ngạc. Ông lão giải thích thêm:

“Tụi bay ăn dư quá, một bữa năm sáu chén cơm đây, làm cho nội chặt trụi cả cây rừng đem bán vẫn chưa đủ tiền mua gạo”.

Rồi ông lão trầm ngâm, lời nói giống như một tiếng thở dài:

“Đáng lẽ tới tuổi này, tao chỉ ngồi vuốt râu uống nước trà, chờ cha tụi bay nuôi. Nhưng Trời không chiều lòng người, biết làm sao giờ”.

Cu Tý mãi nghe, không chịu kéo mạnh dây mây để siết chặt lưng bó củi. Ông lão nhắc:

“Con kéo mạnh cho nội chứ. Miệng nói, tai nghe, nhưng tay đừng quên làm”.

Cu Tý cười, giúp ông nội bó củi còn lại. Để chữa lỗi, nó lẳng xăng chạy lấy cây đòn xóc đem lại cho nội, phụ với ông cắm mạnh đầu nhọn cây đòn vào phía dưới dây buộc. Hai ông cháu vừa làm việc vừa cười đùa. Xong đâu đấy, ông lão hỏi cháu:

“Bây giờ cháu muốn gì? Vác rựa cho ông, hay là đi tay không để nhặt đá cuội về chơi ô làng?”

Cu Tý phụng phịu:

“Hôm qua con mất công đem về, tụi nó khóc la giành hết của con. Bữa nay con không thêm nhặt nữa. Để con vác rựa cho nội”.

“Vây càng tốt. Dem về bỏ lẫn lóc thêm dơ nhà. Nào, chúng mình về”.

Ông lão chậm chạp khom lưng xuống, kê vai vào dưới đòn xóc, bậm môi lấy gân nhắc gánh củi đứng dậy. Sức nặng đè lên đôi vai già làm cho ông lão xiểng tẳng một chút, nhưng ông gắng gượng giữ được thăng bằng. Ông đứng yên một chỗ nhún nhún vài cái cho quen vai, rồi vịn một tay vào bờ đá bắt đầu bước.

Cu Tý chạy trước ông nội, đôi chân nhỏ chuyễn liểng thoảng trên các mỏm đá như con sơn dương hí hửng. Tự nhiên nó thấy hồn rộn rã. Nó quên mất gánh nặng của nội. Đến lúc nhớ lại thực tế, nó hốt hoảng khi quay nhìn sau lưng không thấy cái dáng chậm chạp khắc khổ của nội đâu cả. Cu Tý chạy ngược trở lại, qua khỏi một khoảng truông rậm quanh co, mới thấy ông nội đang ngồi bệt bên đường, gánh củi đặt sát bờ đá. Cu Tý hỏi:

“Nặng quá phải không nội?”

Ông lão chưa kịp trả lời, đứa bé đã nói tiếp:

“Con đã bảo bấy nhiêu đủ rồi, không cần chặt thêm nữa. Nội không nghe. Nội cứ sợ người ta chê ít, mai không mua của mình. Gánh củi của bác Ba ít chứ đâu có nhiều như gánh củi mình. Mà lò bánh họ có nói gì đâu. Con...”

Ông lão ngắt lời:

“Không phải đâu. Đừng lải nhải nội bức lắm. Gánh củi này thấm gì. Nhưng mắt nội hơi yếu. Nội vấp hòn đá. Sợ móng chân cái tróc ra mất”.

Cu Tý sợ hãi ngồi sà xuống trước mặt ông nội. Ông nội đã nói thật. Ngón chân cái bên phải của ông lão đầy cả máu, và mỗi lần ông lão ấn ngón trỏ vào móng, thì máu lại trào ra. Cu Tý cuống quýt không biết làm gì, cứ hỏi:

“Làm sao hờ nội? Làm gì bây giờ hờ nội?”

Ông lão hơi bức gắt đứa cháu:

“Mày làm gì mà la nhặng lên thế? Đi rùng vấp chân chảy máu là thường chứ có gì đâu. Vạch quần đái lên chân ông nội cho sát trùng, rồi chờ cầm máu mình lại gánh củi về”.

Cu Tý không dám nói gì thêm, vâng lời ông lão, đi tiểu lên chỗ bị thương. Thấy bụi đường văng lên chỗ lở, nó nhắc:

“Ông để chân lên hòn đá cho sạch”.

Ông lão thấy cháu nói có lý, dời bàn chân đau lên chỗ mặt đường có tảng đá phẳng. Cu Tý hơi khom người xuống để nước tiểu rơi nhẹ lên ngón chân, cho nội khỏi đau. Ông lão thấy cháu có ý tứ, cảm động, vỗ vỗ lên vai cu Tý:

“Sao con biết nội bị vấp mà quay lại?”

Cu Tý nói dối:

“Con cứ chạy một quãng lại nhìn trông chừng, sợ nội theo không kịp”.

Khi cu Tý tiểu xong, ông lão bảo:

“Thôi, được rồi. Để nội ngồi yên một chút cho máu hết chảy, mình lại bắt đầu đi. Con không thích lượm đá cuội nữa sao? Ông nói đùa, ông không la đâu. Lại chỗ lòng suối kia tìm mấy viên nhỏ và tròn đem về chia bớt cho mấy em”.

Cu Tý đi rồi, ông lão nhìn lại ngón chân cái của mình. Tuy hơi rát, nhưng máu đã bớt chảy. Đầu móng chân bị vệt đi một chút, để lộ mảng thịt hồng. Ông lão đảo mắt nhìn quanh, tìm lại viên đá đã làm cho chân ông đau. Nó nằm cách đó không xa. Ông lão nghiêng mình với tay nhặt lên. Viên đá nhỏ xù xì, đầy góc nhọn sắc chẳng kém mũi dao. Lòng tự nhiên tức giận, ông lão cầm viên đá giơ lên cao, lấy đà, định ném thật xa cho rơi tòm xuống khúc suối nước đục. Nhưng vào phút cuối, ông lão dừng lại. Ông nhìn hòn đá chăm chú một lần nữa. Viên đá màu mỡ gà, nhưng chẳng chịt những đường chỉ đỏ như gân má trong lòng mắt người già. Ông lão nghĩ: Trong thân thể mình, chắc cũng có những đường máu chẳng chịt như thế này. Nhờ thế khi bị vấp, máu chỉ rịn dần dần chứ không tuôn xối xả. Ông lão tự nhiên thấy viên đá trở thành quyến luyến. Ông cảm thấy, mơ hồ, trên cái dáng xù xì lồi lõm, bằng những màu sắc hỗn tạp chỗ vàng chỗ trắng chỗ xám chỗ đỏ, một gương mặt chập chờn. Chỗ nhô ra này có thể giống với chóp mũi con chó nhỏ, nhưng chỗ lõm này lại giống cái miệng người. Ông tìm đôi mắt. Tuyệt nhiên không thấy đâu. Chỉ thấy các đường gân máu trên má trắng. Ông chợt nhớ viên đá đã làm cho ông chảy máu chân, nên sầm soi tìm kiếm xem còn dính đâu đây không. Vẫn tuyệt nhiên không thấy đâu. Hay là mình làm với một viên đá khác. Mình có vấp vào một viên đá, nhưng có thể viên đá này vô tội. Tay ông mân mê viên đá xù xì, dần dần cảm thấy hơi ẩm mặt trời chuyển từ viên đá qua tay mình. Khám phá ấy làm cho ông lão xúc động, ngồi lặng trầm ngâm. Sức sống của mặt trời truyền vào tấm thân tàn tạ này, giữa lúc hoạn nạn và trong bóng chiều ảm đạm khiến ông nôn nao. Ông nhìn thẳng trước mặt, chỉ thấy màu lục chập chờn, không khi gió lay động chòm râu bạc, từng sợi từng sợi phát phơ. Nếu đứa cháu không trở lại, chắc ông lão còn ngồi trên như vậy lâu lắm. Cu Tý khoe:

“Con chọn được 25 viên cuội trắng. Mỗi đứa được năm viên. Con chỉ sợ thằng Mạnh lại đòi phần của con Lý”.

Thấy ông nội vẫn còn ngơ ngác, cu Tý hỏi:

“Đau lắm phải không nội? Đã hết chảy máu chưa nội?”

Ông lão giật mình, trả lời lầy có:

“Hết rồi con”.

“Nội vấp vào chỗ nào đâu?”

Ông lão nghe cháu hỏi, vội giấu viên đá đang cầm nơi tay trái vào lòng.

Cu Tý không chú ý, tiếp tục hỏi:

“Đã hết chảy máu chưa nội. Để con coi thử. À, hết rồi. Máu đã khô. Nhưng sao tay nội còn dính đầy máu thế này?”

Ông lão cuống quýt định đưa tay trái lên xem, nhưng cu Tý đã chụp lấy bàn tay phải của ông. Cháu ông nói đúng. Mấy ngón tay phải của ông còn dính đầy máu. Từ nãy đến giờ mãi lo săn sóc cái chân, ông quên cái tay. Ông đưa tay lên chùi vào vạt trước, nhưng sợ giặt không đi, nên ngập ngừng dừng lại ở khoảng lưng chừng. Ông nhìn quanh quất. Cu Tý hốt hoảng:

“Tay của nội cũng bị thương nữa sao nội?”

Ông lão trấn an đứa bé:

“Không phải đâu. Đừng lo. Ông lấy tay nặn cho máu bầm chảy ra hết, nên bị dính phải. Để nội chùi sạch cho con coi. Không bị thương chỗ nào hết”.

Ông lão vừa nói vừa tiếp tục tìm thứ gì chùi máu trên bàn tay. Chợt ông chú ý đến lớp rêu khô bám trên mặt đá vệ đường. Mặt đá quay về hướng bắc, và lớp rêu một mùa gió mưa năm trước bây giờ chỉ

còn lại một mảng khô màu thẫm. Ông lão đứng dậy, tiến về phía mặt rêu:

“Nội chùi vào đây cho sạch tay, rồi mình còn về”.

Lớp rêu khô mịn như mặt nhung. Máu dính lên lớp rêu, để lộ lớp da nhẵn chai đá trong lòng bàn tay lão tiều. Nhưng một vài cọng rêu héo bám theo bàn tay, nằm rải rác trên năm ngón gầy. Ông lão tìm khoảng rêu khác chùi mạnh tay một lần nữa, cẩn thận lau sạch máu bầm trên từng ngón đen đúa. Chính lúc đó ông mới chú ý dưới lớp rêu khô héo còn có một lớp rêu non mới nhú. Ông lão thích thú lấy ngón tay trở nhẹ khắp mặt rêu. Đâu đâu cũng có một tảng rêu xanh ần nấp, chờ sẵn sương đêm. Cu Tý giục:

“Đã xong chưa ông nội. Trời tối qua nương không kịp đâu”.

Ông lão quay lại nhìn cháu, thấy mái tóc dài phủ gần kín vàng trán thơ ấu, trong khi đôi mắt cu Tý mở lớn một vùng trời hy vọng, mơ ước. Ông lão chợt nghĩ đến việc so sánh cọng rêu xanh và đôi mắt đen láy này, lòng xôn xao khác thường. Bấy giờ nắng chiếu qua ngọn cây, tung tăng bên bờ đá phía bên kia suối. Côn trùng chim chóc bắt đầu hoạt động trong các bụi rậm, nhộn nhịp riu rít. Ông lão muốn ôm cháu vào lòng để tỏ niềm triu mến, nhưng khi đưa hai bàn tay lên ông mới nhớ mình còn cầm viên đá xù xì ở tay trái. Cu Tý tò mò:

“Nội cũng lượm đá về chơi ô làng hờ nội?”

Ông lão vội vã cải chính:

“Tao chừng này tuổi đầu mà còn chơi ô làng hay sao? Đem về cho mẹ tụi bay đẳng thập dưa cải”.

Cu Tý cũng không vừa:

“Nội làm rồi. Đẳng dưa cải thì phải chọn mấy hòn đá tròn láng mới được. Hôm trước con cũng đem về một viên đá lớn cho mẹ, nhưng mẹ chê xù xì quăng đi. Mẹ muốn nhờ nội tìm cho một viên thật lớn, nhưng sợ nội yếu nội mệt...”

Lời đứa cháu làm ông lão suy nghĩ. Ừ, ông chưa yếu, nhưng không còn mạnh mẽ. Không biết bao giờ ông yếu đến độ không thể đi củi được nữa, và đến lúc đó, liệu gánh dưa cải của người dâu nhỏ ốm có đủ nuôi cả gia đình? Vợ ông mất từ lâu. Từ hồi thằng Đình mới có mười tuổi. Một cha một con sống âm thầm bên rẫy, ngày hai lần nhìn mặt trời mọc lên từ bên kia đỉnh Chóp Vàng và lặn mất đằng sau đỉnh Chóp Vung. Thằng Đình lớn lên như cây cối, cho đến lúc ông lão thấy phải dời nhà xuống đồng cho con lập gia đình, ông nhớ núi, ngày ngày ngồi bó gối nhìn ngọn cao sừng sững bên kia đồng lúa trĩu. Nhưng ông còn nhiều việc để làm cho tạm nguôi nhớ. Cu Tý ra đời. Rồi lần lượt con Lý, thằng Sư, thằng Mạnh, con Miên. Đình mạnh khỏe và tháo vát, ngược xuôi chu cấp cho cả gia đình đông đúc. Lúc Đình phải nhập ngũ, ông lão tưởng đời sống sẽ bị hoàn toàn đảo lộn, nhưng lúc nào Đình cũng lạnh như con sóc. Nó xin làm việc ngay tại chi khu, gần gũi gia đình. Sự đảo lộn chỉ thật sự bắt đầu lúc cây cầu bắc ngang qua suối do Đình canh giữ bị giật sập. Ông lão không còn có quyền ngồi bó gối nhớ nhung về đỉnh Chóp Vàng. Ông phải trở lại nghề cũ nuôi cháu. Ông biết sức khỏe mình ngày càng kém. Gối đã run, tay đã yếu. Mắt đã hấp hèm trên bước chân nam chân xiêu khó nhọc. Nhưng ông lão còn rán được. Ông tin mình còn đủ sức kéo lê cuộc đời qua ngày đoạn tháng. Con ho trở mùa chưa tới, đó là một điềm lành.

Nghĩ tới đó, tự nhiên cổ ông ngứa, và dù cố gằn, cơn ho dữ dội vẫn ào ạt ập đến. Ông lão ngồi rũ bên gánh củi, gập người lại cố lấy hết ý chí cưỡng lại bệnh tật. Cu Tú quăng cả mấy viên cuội đẹp trên tay, chạy đến vuốt ngực ông:

“Nội ho trở lại phải không nội? Chắc sương chiều đã xuống rồi. Khí núi lạnh lắm. Mẹ nói hơi núi

độc hơn cả gió bắc. Mình về nhanh lên nội”.

Lời thẳng bé giúp ông lão nhận thức được hoàn cảnh. Phải, có lẽ khí núi lạnh khi mặt trời đã lặn bên kia Chóp Vung làm cho phổi ông lão yếu đi. Phải về gấp, ông bước đến gần gánh củi, khom lưng kê vai vào đòn xóc. Ông lấy hết sức đứng dậy, nhưng sức lực ông tiêu tan đâu mất hết. Ông không nâng nổi gánh củi lên khỏi mặt đất. Thấy Cu Tý theo dõi mình, ông lão giả vờ bảo:

“Trời còn sáng mà cháu. Để ông ngồi một chút cho hạ đàm, rồi về cũng không muộn. Khi nào nắng hết chiếu trên đỉnh Chóp Vàng, mình mới sợ”.

Cu Tý không biết nội quá yếu phải ngồi dưỡng thương, vui mừng đề nghị:

“Nếu thế nội chờ con đi nhặt lại mấy hòn cuội. Lúc nội ho rũ, con sợ quá, quăng đi mất hết”.

“Ừ, con đi nhặt đi, nội chờ”.

Lúc cu Tý chạy đi rồi, ông lão thử bậm môi nhắc gánh củi lần nữa. Nhưng nước mắt ông tự nhiên trào ra, đầu gối run lẩy bẩy. Ông ngồi phệt lên mặt sỏi, lo lắng, rồi sợ hãi. Chắc cơn ho làm cho mình yếu đi, hoặc máu chảy nhiều làm cho gân cốt mềm lại. Hãy chờ một chốc nữa. Có tiếng sột soạt trong bụi rậm gần đó. Một con rắn mới ló đầu ra khỏi mớ cây dại thấp, đảo mắt nhìn quanh, rồi dăm dăm nhìn ông lão. Bốn chân rắn bám vào mặt đất, trong khi cái đầu không thôi ngo ngắc. Ông lão nhặt một hòn đá nhỏ, quăng vào bụi rậm để gây tiếng động. Còn rắn sợ hãi quay đầu chạy trở lại đường cũ. Cu Tý nghe tiếng đá rơi, chạy lại hỏi:

“Cái gì vậy nội?”

“Không có gì đâu. Nội nhát con rắn mới”.

“Nó đâu rồi, để con quăng cục đá cho bẹp đầu quách”.

“Không nên. Nó chạy mất rồi. Bốn cái chân lằng quăng lê cái mình nặng. Tội nghiệp”.

Cu Tý cười:

“Nó có bốn chân mà thua mình hai chân. Mình nhảy vài cái, là về tới nhà liền”.

Câu nói của cu Tý làm ông lão suy nghĩ. Viên đá nằm lơ lửng bất động trên lối đi. Mảng rêu bám vào vách núi, chờ gió chờ sương của mùa đông cũ. Con rắn mới khó nhọc bám chặt mặt đất lồi lõm. Gánh nặng cuộc đời đè nặng lên đôi vai, cũng dán chặt đời ông thân ông vào đồng lầy, sườn non, luồng rẫy. Nhưng ông còn hai chân bước. Đầu gối ông chỉ cần khễ gấp, là bàn chân có thể nhô lên khỏi mặt đất. Và bàn chân này đặt xuống là bàn chân khác lại nhắc lên, bước tới. Đất không đủ sức chôn chặt chân ông. Và thân hình ông đứng thẳng, mắt ông nhìn xa. Ông chưa đến nỗi nào. Trừ khi cuộc đời và tháng năm bẻ cong lưng ông xuống, trừ khi cái chết ép sát thân ông vào mặt đất, ông vẫn còn có thể tiến tới. Ông còn đứng dậy được. Ông muốn tự đặt mình trước một sự đã rồi. Ông bảo cu Tý:

“Thôi. Ông cháu mình về”.

Cu Tý đồng ý:

“Phải đó nội. Nắng đã hết chiếu trên đỉnh Chóp Vàng rồi”.

Lão tiều khom người xuống, hai chân dạn ra theo thế tấn. Ông nghiêng vai. Đôi vai hơi mỏi. Ông bậm môi nhắc gánh củi lên. Gánh củi không nhúc nhích. Ông lão hít mạnh một lần nữa, trí nghĩ đến cái nhục của loài bò sát. Miệng ông bảo cháu:

“Nó bốn chân, nhất định phải thua mình hai chân. Mình vươn vai một cái, đã đứng thẳng lên ngay”.

Trong khi lấy gân đứng dậy, ông lão đứng dậy được. Gánh củi hơi chòng chành. Nhưng tay ông lão kịp giữ lại cho nguyên thể thẳng bằng.

Rồi cu Tý đi trước, bước chân nhảy nhót như chân sóc. Và lão tiều theo sau, bước chân đầm vững theo nhịp thở. Hai ông cháu về tới nhà, thì trời mới tối hẳn.

Ghi chú: Vì lý do kỹ thuật, truyện Đêm hoang (giữa truyện Nước cạn, hoa lau và Tiếng đàn thầm) không in được nên số trang không liên tục, mong độc giả thông cảm – Trí Đăng.

Nguồn: *Bão rút*, Nguyễn Mộng Giác, in tại Trí Đăng, 21/1/1 Nguyễn Thiện Thuật, Sài Gòn 3, số lượng ấn bản 1500 cuốn. Giấy phép xuất bản số 2267/PTUDV/KBCNT/KSALP cấp ngày 25-6-1973. Phát hành ngày 15-9-1973. Bản điện tử do talawas thực hiện.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

[Bóng tối buổi trưa](#)

[Tên đào ngũ](#)

[Ngựa đá sang sông](#)

[Gió hú](#)

[Me và con](#)

[Nước cạn, hoa lau](#)

[Tiếng đàn trầm](#)

[Vách đá cheo leo](#)